

TÌM VỀ KHÔNG GIAN CŨ

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

Các bạn:
Trần Văn Chánh
Bùi Thanh Hải
Trần Kỳ

*Mỗi người bằng một cách riêng, đã giúp cho
việc xuất bản tập sách nhỏ này.*

NGUYỄN HUỲNH MAI

NGUYỄN HUỶNH MAI

TÌM VỀ KHÔNG GIAN CŨ
Hồi ức - Bút ký

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2022

*Kính mừng đại lễ kỷ niệm năm thứ 83,
ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng
nền đạo Phật giáo Hoà Hảo
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT*

TỰA

Tôi với chị Nguyễn Huỳnh Mai chưa phải là người đã thâm niên quen biết. Chẳng qua vì chút duyên văn tự, sau khi tôi và bạn Bùi Thanh Hải chủ biên và cho xuất bản tập sách *Phật giáo Hòa Hảo - Một tôn giáo cận nhân tình trong lòng dân tộc* (NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, 2017) thì chúng tôi có gặp thăm nhau trong một bữa ăn do vợ chồng chị mời vào một dịp chị về thăm quê hương khoảng hơn hai năm trước.

Cảm nhận đầu tiên của tôi khi gặp chị Huỳnh Mai là thấy ở người phụ nữ có tín ngưỡng Phật giáo Hòa Hảo này một thái độ khiêm cung từ tốn, nói năng hòa nhã, tựa giống như những người sống theo đạo của Đức Huỳnh Giáo chủ mà tôi đã từng được gặp trong những trường hợp khác, nơi khác, đặc biệt là trong những dịp được về thăm anh em ở Chợ Mới - Châu Đốc - An Giang.

Thông qua bạn Bùi Thanh Hải, chị Nguyễn Huỳnh Mai trao cho tôi bản thảo tập sách này, nhờ biên tập, nhuận sắc để lo việc xuất bản.

Xem trong nội dung thì thấy đây là tập sách gồm một số bài xen lẫn giữa thể loại hồi ức và bút ký, đã lần lượt được tác giả viết ra từ khoảng những năm 90 của thế kỷ trước, với một văn phong và dụng ngữ bình dị của người Việt miền Tây Nam bộ nhưng cũng không kém phần gãy gọn, mượt mà.

Được biết tác giả đã từng tốt nghiệp khoa Báo chí hồi trước năm 1975 tại Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn), và sau khi gia đình được định cư sinh sống ở Hoa Kỳ, chị Huỳnh Mai còn theo đuổi cấp đại học về các khoa truyền thông, tham gia hoạt động báo chí hải ngoại một thời gian, nên cũng đã có một bề dày kinh nghiệm nhất định.

Nội dung sách hầu hết là những câu chuyện đời thường, dưới dạng hồi ức, khởi đầu là những kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu khi tác giả còn sống với cha mẹ ở làng Hòa Hảo, nơi phát tích nền tôn giáo nội sinh bản địa Phật giáo Hòa Hảo do

Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ khởi xướng và thành lập từ năm 1939, với chung quanh là những anh chị em bà con cô bác mà hầu hết, nếu không muốn nói tất cả, đều là những người nông dân Nam bộ hiền lành chất phác, sống trong mái tranh vách đất, quanh năm vừa cuốc cày hoặc buôn bán ven sông để kiếm sống vừa thực hành giáo lý học Phật tu Nhân của Đức Huỳnh Giáo chủ trong một bầu không khí yên bình còn giữ được những nét văn hóa - đạo đức truyền thống của dân tộc, khi nạn binh lửa còn chưa bị mở rộng như trong những giai đoạn khốc liệt về sau.

Cứ thế, câu chuyện được kể theo từng bài và trải dài theo những đoạn đường đời đổi thay khá nhiều của tác giả. Đó là sự mô tả sinh động cuộc sống "bồng bênh trên sông nước" (tên một bài viết) rày đây mai đó của người dân lành ở một xứ Hòa Hảo mà tác giả coi là "miền đất an lành" (tên một bài viết), nơi bản thân được hưởng trọn hạnh phúc với đầy ắp kỷ niệm khó quên của những ngày thơ ấu hàng ngày được hái hoa bắt bướm vui chơi hồn nhiên với bạn bè hàng xóm và với những bạn học cùng trang lứa.

Những bài viết tiếp theo giúp người đọc có thể hiểu sâu thêm về ngôi làng Hòa Hảo (sau trở thành thánh địa của đa số các tỉnh ở Tây Nam bộ), cảnh sinh hoạt ngày thường và ngày lễ, nền nếp tu hành đơn giản mà rất thực tế của người dân tại đây, qua đó thấy được tính cách cận nhân tình cũng như hiệu quả xây dựng thành công nếp sống văn hóa - đạo đức và tính ưu việt đặc biệt của tôn giáo nội sinh Hòa Hảo.

Lặn hụp và thâm nhiễm trong những không gian kể trên từ lúc bé thơ cho đến khi khôn lớn, kể cả trong suốt thời gian gia đình định cư ở nước ngoài, tác giả Huỳnh Mai đã mang theo suốt bên mình, không chỉ là những kỷ niệm, mà còn cả nếp sống của một tín đồ Hòa Hảo thuần thành, thể hiện một cách nhất quán trên tất cả các mặt sinh hoạt hàng ngày, từ việc nuôi con dạy con, phụng dưỡng cha mẹ, cung cách ăn ở đối xử với tha nhân..., như thể tinh thần Hòa Hảo lúc nào cũng hiện diện bàng bạc trong con người của chị.

Hồi ức về người mẹ (trong bài “Mẹ là quê hương”) kể chuyện về mẹ của chính tác giả, một phụ nữ Việt tiêu biểu với nhiều đức tính tốt đẹp mà chị rất mực yêu kính và chịu nhiều ảnh hưởng. Bà mẹ này, cả đời tu tập trau dồi phẩm hạnh, ngoài việc nuôi dạy con rất chu đáo theo tinh thần của Phật giáo Hòa Hảo, còn là một người có trách nhiệm với dân với nước, đã tùy theo sức mình tham gia tích cực vào hoạt động yêu nước tại địa phương chống thực dân Pháp: “Mẹ cùng Ba đã lận lộn, vượt trải qua bao khó nhọc, lúc nào cũng quan tâm bảo bọc cho tôi, cố tìm đưa tôi đến nơi nào tốt lành nhất, giúp cho tôi phát huy được tối đa tiềm năng cả về thể chất lẫn tinh thần, về Đời, về Đạo. Nhờ đó, tôi đã được dắt dìu về sống tại làng Hòa Hảo từ lúc thơ ấu, để được thấm nhuần hơi ấm của quê hương, nuôi dưỡng hạt giống Đạo ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc đời”.

Những đoạn tả đời sống ở nước ngoài, giúp người đọc hiểu được một cách sinh động hơn thực tế xã hội Mỹ, đặc biệt đời sống của Việt kiều tại đây, với những mặt thuận lợi và

khó khăn ra sao, thông qua những câu chuyện kể vụn vặt liên quan tập quán và lối sống..., những cái hay bên cạnh cái dở của văn minh Tây phương, cũng như về công ăn việc làm, việc học hành, chữa bệnh... Vì là nhà báo, tác giả Huỳnh Mai cũng không quên đề cập sơ qua một số tờ báo và hoạt động báo chí hải ngoại tương đối lành mạnh của những người Việt di tản mà chị có tham gia viết hoặc hỗ trợ công việc ít nhiều.

Sống ly hương trong những điều kiện khác biệt của nền văn minh hiện đại xứ người, khác hẳn với làng quê Hòa Hảo êm đềm chất phác ngày nào, điều tác giả luôn canh cánh bên mình là nỗi nhớ quê, cùng với nỗi băn khoăn làm sao cho khỏi bị "biến chất", để vẫn còn giữ lại được căn bản cái chất Việt truyền thống trong con người của mình. Vì vậy, tuy chỉ là những hồi ức và cảm nhận cá nhân, một số điều tác giả Huỳnh Mai viết ra chắc chắn cũng sẽ có tác dụng gợi ý tốt và động viên tinh thần cho những người khác đồng cảnh ngộ.

Bài “Tìm về gốc đạo” ở cuối tập sách có thể coi như một bản tóm lược tương đối đầy đủ về đạo Hòa Hảo, đề cập từ gốc nguồn cho đến căn bản giáo lý, lịch sử vùng đất phát sinh mối đạo, cùng lễ lạc tôn giáo và những thánh tích liên quan. Với tư cách là một người không tín ngưỡng nhưng rất quan tâm đến những đặc điểm ưu việt của nền đạo nội sinh Phật giáo Hòa Hảo, tôi đã đọc bản thảo của tác giả Huỳnh Mai với sự hứng thú, coi nó như một loại tài liệu tham khảo mở rộng để tìm hiểu sâu sắc thêm, và mong muốn tập hồi ức - bút ký nhỏ này sẽ được nhiều người tìm đọc, không chỉ giới hạn trong cộng đồng tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, mà còn cả trong các giới nghiên cứu về tôn giáo và văn hóa dân tộc Việt nữa.

TRẦN VĂN CHÁNH
TP. HCM, 26.5.2022

1
NHỮNG NGÀY
THƠ ẤU

BỆNH BÔNG TRÊN SÓNG NƯỚC

Có những lúc nằm thiu thiu ngủ với cảm giác trôi bèo bồng trên mặt sông, tâm hồn tôi thật nhẹ nhàng êm ái. Đó là khi tôi hồi tưởng thời còn bé bồng theo mẹ đi Long Xuyên thăm bà Mười, và được sống lênh đênh trên dòng Cửu Long Giang mệnh mông diệu vợi.

Bà Mười là em út của ông Ngoại tôi. Bà có đôi mắt to, nghiêm nghị khiến tôi sợ sệt, e dè mỗi khi khoanh tay thưa bà. Bà Mười của tôi có chiếc mũi cao, dọc dừa. Miệng bà rộng, mỗi khi cười để lộ hàm răng đều đặn với một chiếc răng duyên có viền vàng chung quanh ngay cạnh khóe môi. Tóc bà Mười chải thẳng ra sau và cuộn tròn lại như con ốc. Bà giữ nếp tóc bằng cái lược đồi mồi nhỏ bé

xinh xinh. Dáng bà Mười tầm thước, trông đoan trang, đạo mạo.

Lúc đó thời cuộc lộn xộn nên bà Mười rời làng, tản cư ở trên ghe, rày đây mai đó. Bà ở trên chiếc ghe tam bản lớn, rộng rãi, ngăn nắp. Phía trước, phía sau đều có che thêm hai mái tôn. Mỗi khi đến thăm bà Mười, chúng tôi đi xuống chiếc cầu nhỏ rồi bước xuống thuyền. Tôi hay nắm chặt tay mẹ. Tay kia mẹ vịn chiếc sào cắm trước mũi ghe, luôn thận trọng vì sợ tôi rớt xuống sông. Lúc đó tôi chỉ độ năm, sáu tuổi. Chúng tôi để guốc dép ở mũi ghe rồi mới chui vào trong mũi ghe. Bà Mười ngồi xếp bằng nói chuyện với chúng tôi. Mỗi khi trời nóng, bà phe phẩy cây quạt. Lúc mệt thì kéo gối nằm. Có khi mẹ tôi cũng nằm để trò chuyện với bà.

Ghe của bà Mười lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ. Từ vách cho đến sàn ghe, chỗ nào cũng đánh vẹt-ni láng bóng. Trước mũi ghe có che thêm một tấm tôn lớn để làm nơi tiếp khách. Ngồi nơi đây gió thổi mát mẻ, vừa nói chuyện uống nước, vừa nhìn cảnh vật chung quanh, ghe thuyền qua lại, rất thích thú. Khoảng giữa ghe có mũi để ở, tất

cả đồ đạc đều để tại đây. Ban đêm bà Mười khóa cửa trước và sau lại rồi mới ngủ. Phía sau ghe cũng có che miếng tôn để nấu nướng, ngồi ăn cơm. Gần đuôi ghe bà Mười có giăng dây phơi quần áo, dựa bánh lái có một cái nhà tắm. Bên hông nhà bếp có một sàn nước đóng thấp xuống gần mực nước, để giặt quần áo, rửa chén hay làm cá, rửa rau, vo gạo, vùn vùn.

Tôi làm quen rất nhanh với lối sống bèo bồng trên dòng nước đó. Suốt ngày ngồi hoặc nằm sấp chống tay nhìn sóng nhấp nhô nhẹ nhàng trên mặt nước sông mênh mông một màu vàng phù sa, hay nhìn ghe thuyền ngược xuôi đi lại. Buổi hoàng hôn, dòng sông nhuộm ánh mặt trời lặn vàng óng ánh trông thật tuyệt. Cảm giác lắc lư nhẹ nhàng trên mặt nước giống như nằm trên võng, cứ khiến cho người cảm thấy lâng lâng, nhẹ nhàng, hơi ngây ngất.

Một hôm mẹ đang nói chuyện với bà Mười, chị bếp đang nấu ăn, tôi được dịp vọc nước với mấy cái bong bóng. Tôi ngồi trên sàn nước để cho nước sông vào mấy cái bong bóng, rồi cột bong bóng lại mấy ngón để làm búp bê. Không

hiều vì mê chơi hay vì cánh tay tôi quá ngắn, quá bé, hoặc đầu cúi xuống hơi quá đà, tôi rớt luôn xuống sông một cái “ùm”. Chị bếp chạy lại nắm áo tôi kéo lên. Tôi khóc òa vì uống nhiều nước sông vừa sặc sụa, mình mẩy ướt như chuột lột. Mẹ vừa sợ vừa giận nên rầy tôi rất nhiều. Vì tôi nhỏ quá không có quần áo thay, mẹ phải phơi quần áo trên sào. Còn tôi thì quần khăn ngồi trong ghe cho đến lúc quần áo khô mới được mẹ dắt về.

Đời sống “tản cư” bênh bồng trên sông nước đối với đứa bé thơ lúc đó thật nhiều thú vị. Những lần khác qua Long Xuyên chơi, tôi được chị vú dắt đi xem cải lương gánh Phụng Hảo. Chị vú của tôi chỉ mười mấy tuổi, rất mê cải lương. Còn tôi thì hay đòi về vì rất sợ bà Phàn Lê Huê. Tôi nhớ bà mặc áo cẩm bào, trên mào có hai cái lông trĩ, như hai cây roi dài. Bà thường kéo hai cây roi đó xuống mỗi khi ra oai, trợn mắt. Trên lưng bà gắn nhiều cờ đủ màu sắc. Bà múa gươm vù vù rất mạnh mẽ. Tôi sợ nhất lúc pháo nổ bà mở nắp hòm sống dậy là tôi nhắm mắt nhất định đòi về. Chị vú em giận tôi hết sức, hăm dọa nếu tôi đòi về chị sẽ không cho tôi đi xem nữa. Có

lần khác tôi đi xem gánh Việt Hùng Minh Chí. Đó là một tuồng cao bồi có đu dây trong rạp hát và bắn súng. Tôi cũng rất sợ vì tiếng súng nổ và mùi pháo khét lẹt.

Bà Mươi ở góa nên sống với cậu Thuận. Cậu chỉ đi chơi với bạn trai nên ít để ý đến tôi; tôi nghe nói cậu học giỏi nhất lớp. Thịnh thoảng cậu cho tôi mấy cục kẹo hay năm cái bạc.

Tôi cũng có vài kỷ niệm khác, được chơi trên ghe như lúc ở làng Hòa Hảo. Đó là những lúc xuống ghe ông bà Đốc để câu cá. Ông bà Đốc tản cư về làng, đậu ghe dưới bến nơi nhà bà Tư Cần Đước. Tôi có một cần câu nhỏ để câu cá lòng tong, nhưng nhiều khi tôi chỉ ngồi trên ghe chơi nhìn cá lội. Tôi thích nhất những buổi trưa hè ở trên ghe gió thổi nhẹ rất khoan khoái. Thịnh thoảng ghe chòng chành khi có tàu lớn chạy qua tạo thành những luồng sóng mạnh đập vào hông ghe. Thuở ấy, mẹ thường hay dắt tôi đi thăm bà con hay bạn bè. Người nào cũng tản cư ở ghe để di dời rày đây mai đó cho dễ dàng, nhanh chóng khi có biến loạn.

Một lần nọ cậu Sơ dắt đường cho mẹ và tôi qua Hiệp Xương thăm dì dượng ba Lê Hoài Nam.

Từ Hung Nhon ở Hòa Hảo chúng tôi phải băng qua cánh đồng thật xa mới đến nơi. Tôi mỗi chân quá đi không nổi, cậu Sơ phải cõng tôi. Trời nắng mọi người đều ra mồ hôi nhỏ giọt. Mẹ mới nói: “Thôi bây giờ mẹ mượn xe bò đi tắt đường đồng cho mau.”

Thế là tôi được đi xe bò. Bánh xe bò bằng cây mà lại đi trên đất cày nên rất dằn. Mẹ và tôi ngồi lắc qua lắc lại, còn cậu Sơ và ông chủ xe bò đi quen nên họ ngồi tĩnh bơ. Xe bò đi cà rịt cà tang mãi đến chiều mới tới Hiệp Xương. Bà bếp của dì dựng tôi bắt ốc, làm sạch sẽ, ướp ngũ vị hương, xỏ râu nướng rồi kho với mắm. Mắm ăn với bông súng, rau dứa, rau muống, rau thơm, trộn với dứa khô nạo. Bữa cơm đó mẹ, cậu Sơ và tôi ăn thật ngon. Vừa đói bụng, vừa lạ miệng, ốc nướng thơm ơi là thơm. Mọi người ăn hoài không muốn ngưng. Ăn cơm xong thì mặt trời cũng vừa lặn. Dựng tôi thắp đèn dầu lửa rồi cùng dì tôi và mẹ hàn huyên tâm sự.

Ghe cà dom của dì dựng tôi, mũi dài, mũi ngắn, nên dựng lợp thêm phía trước bằng lá. Hai bên ghe có treo hai tấm rèm bằng tre, cũng lợp lá.

Khi nào trời nóng, dựng lấy cây chống lên cho gió thổi vào.

Tôi nằm thiu thiu ngủ bên cạnh mẹ, mẹ vừa nói chuyện vừa xoa lưng tôi. Xung quanh nơi đó cây cối rậm rạp. Vì ghe đậu ở rạch nên tiếng côn trùng, ếch nhái, ễnh ương kêu làm cho tôi sợ nên cứ rút dần lại nằm gần mẹ. Nhờ hơi mẹ sưởi ấm, tôi ngủ lúc nào không biết.

Cảm giác bình yên, êm đềm của những giấc ngủ trên những dòng sông, nơi mảnh đất quê hương vẫn còn in đậm và mãi mãi sống trong tôi.

MIỀN ĐẤT AN LÀNH

Chi mới ba tuổi đầu, con bé đã biết mỗi buổi sáng lúc bình minh ló dạng ra lan can nhìn dòng sông gợn sóng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Hình ảnh dòng sông Cửu Long vào lúc ban mai chói rạng dưới bầu trời xanh của quê hương mến yêu hình như chưa bao giờ bị lãng quên sau mấy mươi năm qua.

Con bé lớn lên trong khói lửa quê hương theo chân cha mẹ dời dỗi nhiều nơi trên mảnh đất Việt Nam, đã một lần phải tha phương sinh sống tại xứ chùa Tháp, nay lại phải một lần nữa rời quê hương thân yêu. Qua bao lần vật dỗi sao dòi, tình yêu quê hương vẫn dạt dào mãnh liệt, vẫn là niềm xúc động triền miên trong dòng máu Việt Nam, trong từng làn da sớ thịt của cô bé ngày nào hay đứng ngắm

dòng sông bên lan can căn nhà tại ngôi làng Hòa Hảo?

Con bé nhớ hình ảnh những chiếc thuyền nhỏ của các ông câu chuẩn bị quay về sau một đêm câu cá lưới tôm. Hình ảnh các loại ghe, xuồng chở bầu bí, rau cải về hướng chợ Đường Tắc cho kịp buổi chợ. Những vẻ mặt bình thản, vui cười vẫy tay với bé, những khuôn mặt rạm nắng, mạnh khỏe, vô tư của người dân quê. Họ có biết họ đang sống những giây phút êm đềm nhất trên mảnh đất quê hương này chăng?

Có lẽ vì căn nhà của bé cất dựa sát mé sông nên bé sống nhiều với dòng sông. Bé còn nhớ buổi chiều ba thường hay ra lan can đàn mandolin, đôi khi thổi sáo hoặc ngâm thơ. Ba thường hay đàn bài “Dừng bước giang hồ” rồi nhíp lên sàn nhà rầm rầm. Ba đặt tên bé là Hoàng Cầm, còn mẹ thấy bé lúc đó mặt mày trắng trẻo mắt to mẹ sợ khó nuôi nên đặt tên Miên cho bé là Chăng-Cà-Mum-Đui-Then (là đen thui). Mẹ nói như vậy cho dễ nuôi.

Lúc nhỏ, mẹ đã may cho bé một chiếc áo tràng màu nâu để sáng, chiều theo mẹ cúng lạy. Mỗi lần ra trước bàn thông thiên cúng lạy sau khi

đã lạy Phật và ông bà trong nhà, bé hay nháy mắt với các bạn đến chơi ra chiều rất nghiêm trang. Ý bé nói là hãy đi chỗ khác chơi lúc bé đang lạy Phật. Sau khi cúng lạy xong, bé ngồi xếp bằng với mẹ ở lan can trước nhà để niệm Phật.

Nhà của bé cách Tổ đình Hòa Hảo chừng hai phút đi bộ. Tổ đình là căn nhà của Đức Ông Đức Bà Huỳnh Công Bộ, thân sanh của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ mà bé và những người còn nhỏ đều gọi là Sư Ông. Bé còn nhớ tất cả những người đi xe lôi, xe đạp mỗi lần đi qua Tổ đình đều bước xuống đất xe, dõ nón cúi đầu chào để bày tỏ sự cung kính. Suốt những năm thơ ấu sống tại ngôi làng này, bé không thấy ai quên làm việc đó cả.

Bé thường hay theo mẹ qua thăm Đức Ông Đức Bà và cũng như các trẻ em khác, bé gọi là Ông Cố, Bà Cố. Tổ Đình rất rộng nhất là vườn trước vườn sau. Bà Cố thường hay ngồi ngoáy trầu trên sạp gỗ, còn Ông Cố thường hay ngồi cạnh bàn để uống trà. Gần đó, bên hông nhà có nhiều bàn được xếp dài để làm nhà ăn. Nhà bếp lúc nào cũng sẵn sàng thức ăn chay sáng chiều cho khách thập phương, hay đồng đạo Hòa Hảo đến viếng Tổ đình.

Khách thập phương đến Tổ đình phần nhiều đều đi bằng đường sông vì làng Hòa Hảo nằm tại giao điểm giữa sông Hậu Giang và Tiền Giang, gọi là Vàm Nao. Tại ngã tẻ này có chợ Đình và một ngôi chùa gọi là An Hòa Tự hay Chùa Thầy vì chính Đức Thầy đã bung lư hương đến chùa này làm lễ. Từ chợ Đình có một con đường dọc theo mé sông Tiền Giang đi ngang qua Tổ đình, qua nhà của bé kéo dài đến chợ Đường Tắc, qua miếu Bà rồi lên chợ Vàm, chợ Tân Châu.

Bé còn nhớ lúc bấy giờ không có nhà ai khóa cửa hết, mỗi lần đồng đạo đến viếng nhau thì việc trước nhất là đến bàn thờ thắp nhang lạy Phật, xá chân dung Đức Thầy rồi mới trò chuyện. Khi bé ra đời, Sư Ông đã xa vắng. Từ nhỏ, ông bà cha mẹ dạy các bé gọi Đức Thầy là Sư Ông để tỏ sự cung kính đặc biệt. Tuy chưa gặp Sư Ông, nhưng bé và các người cùng lứa tuổi đều rất yêu kính. Ai làm bé buồn bé hay đến trước chân dung Sư Ông để méc. Bé thương kính Sư Ông qua cách hành xử dạy dỗ của những người lớn chung quanh. Tất cả đều đối xử với nhau trong tình đồng đạo, thương yêu kính nể và giúp đỡ nhau tận tình. Bé nghe mẹ hay các

anh chị họ kể chuyện Sư Ông, hay đọc giảng về Sư Ông tức Đức Thầy cho bé nghe.

Thỉnh thoảng ba mẹ phải đi công tác giáo sự xa nên bé có dịp sống với bà con hoặc các đồng đạo. Ở đâu bé cũng được mọi người thương. Nhưng đôi khi bé bị ghét vì có tánh nhõng nhẽo, khóc dai mỗi khi nhớ mẹ. Bé sợ nhất là di Tư Bự, ở cạnh nhà, di hay cầm cây củi thật to dùng để nhóm lửa, khô cộp cộp dọa đánh đòn, mỗi khi bé nhớ mẹ khóc hoài không chịu nín.

Bé rất nhát và sợ đau nên lúc lên năm tuổi vẫn chưa chịu xỏ lỗ tai. Có dạo bé ở chơi nhà di dưỡng Lê Hoài Nam, một hôm có gánh hát xiệc Sơn Đông mãi võ đến biểu diễn ở chợ Đình. Mấy chị chỉ lo làm bếp chẳng ai dất bé đi xem cả. Tiếng trống Sơn Đông dồn dập làm cho bé quýnh nôn cả lên, năn nỉ các chị dẫn đi xem. Các chị ra điều kiện nếu chịu xỏ lỗ tai thì sẽ được xem. Bé thèm xem Sơn Đông mãi võ quá nên bằng lòng. Mấy chị lấy viết chấm rồi thoa dầu khuynh diệp lên trái tai nơi đeo bông, xong lấy kim chỉ xỏ vào hai bên tai của bé. Bé ham xem Sơn Đông quên cả đau. Bây giờ mỗi lần nhớ lại tiếng trống Sơn Đông, tiếng rao

thuốc tán, thuốc tễ, rồi hình ảnh các anh mặc quần đen, ở trần đưa bắp thịt cuồn cuộn múa võ, để gạch lên ngực lấy búa đập bể tan, trong lòng bé vẫn còn nôn nao, thích thú.

Có lúc bé được ở Hưng Nhơn, nhà dựng hai Họa Đồ Nguyễn Ngọc Tố, một cao đồ của Đức Thầy. Nhà dựng hai rất rộng, xây vách tường bằng đất trộn rơm rồi phết vôi trắng. Nhà lúc nào cũng đông người vì bà con di cư từ miền Bắc vào đều ở đó. Dựng Hai nuôi tất cả họ hàng con cháu hai bên đến mấy chục người. Bé thường hay quanh quẩn với Dung và Thảo, con cậu Tư Trần Quang Hồng, người khi trước làm tài xế cho Đức Thầy, dưới chân mấy cây trứng cá để hái trái hoặc xắt lục bình giả làm bánh mì thịt để chơi nhà chòi.

Dù nhát, bé cũng rất khoái tắm sông, đi theo người lớn bắt ốc gạo. Buổi trưa, bé nhờ các anh chặt một cây chuối để tập lội bì bõm ở con sông nhỏ sau nhà. Cách Hưng Nhơn khoảng mười cây số là Hiệp Xương. Người dân sống tại đó lúc nào cũng đủ ăn vì có nhiều lúa sạ, cá tôm. Vào mùa nước, người ta có thể nhìn thấy cá lóc mẹ lội trước, phía sau có cả đàn lòng ròng (cá lóc con) hàng trăm con lội theo. Ngoài

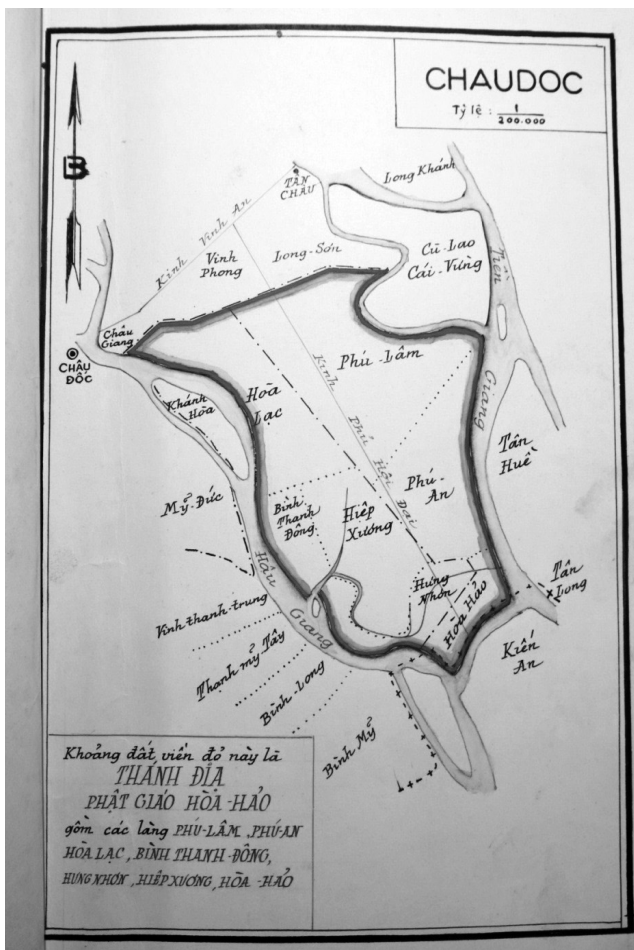
ra, còn có ốc bươu, chim trích và chim bánh ít. Mỗi khi có ai bơi xuống đến nơi các con chim bay lên, thì họ lấy được ổ chim với rất nhiều trứng. Đó là chưa kể đến con kinh Thần Nông mang tôm, cá sặc, cá chột, cá he, cá trê, lội về rất nhiều vào mùa nước từ Biển Hồ bên Nam Vang. Vào mùa này, dân làng đi lưới bắt tôm cá ăn không xuể. Cá tôm khi theo kinh Thần Nông về đẻ thêm rất nhiều trứng, đến mùa nước xuống thì tôm cá bị kẹt lại ruộng đồng, các đìa, kinh hay mương nhỏ. Thật là một nguồn cung cấp thức ăn thiên nhiên phong phú cho đời sống của người dân tại đây.

Mặc dù người dân Hiệp Xương phải sống trên ghe hay nhà sàn vào mùa nước, nhưng nước lớn cũng không ảnh hưởng đến lúa gạo, nguồn cung cấp chính của họ, vì tại đây, cũng như ở các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên hay Sa Đéc, Kiến Phong, người dân sống nhờ lúa sạ. Lúa sạ chịu đựng được mùa nước vì nước cao đến đâu thì lúa cao lên đến đó. Việc trồng lúa sạ lại dễ hơn lúa thường, người nông dân chỉ cần cày đất, phơi đất cho khô, sau đó bừa đất cho bở ra rồi sạ lúa (gieo lúa) vào trước mùa mưa. Khi mưa xuống, lúa mọc lên vừa kịp mùa nước. Trồng lúa sạ tại đây có hai điều lợi là không phải

bỏ phân vì được bổ dưỡng sẵn bởi phù sa, nhờ mùa nước và không phải làm cỏ vì mực nước lên đến đầu lúa cao lên đến đó. Trồng lúa này khỏi phải gieo mạ, cấy mạ hay bón phân như các loại lúa khác. Người dân chỉ cần chờ lúa chín rồi gặt về.

Từ nhỏ đến lớn bé thường nghe người lớn nói đến thời Nghiêu Thuấn, bé có cảm nghĩ mình cũng đã từng sống một thời tuổi thơ hòa bình an lạc, tương tự như thời Nghiêu Thuấn vậy. Bé bây giờ thỉnh thoảng đã bắt đầu tự nhỏ cho mình một vài sợi tóc trắng. Tóc trắng càng nhiều, tình yêu quê hương lại thêm đậm đà rộn rã theo nhịp đập của con tim.

Những hình ảnh ghi đậm nhất trong tâm hồn bé từ thửa nhỏ ở làng Hòa Hảo là, mỗi lần Đại lễ kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo, còn quen gọi ngày 18 tháng 5, thì ở dưới sông có bè thủy lục, còn trên bờ thì xe dăng cộ, cờ xí rợp trời, pháo bông rực rỡ. Tất cả mười một tỉnh miền Tây đâu đâu cũng vang lên tiếng đọc Sám giảng, truyền rao giáo lý của Đức Thầy dạy người dân tu hành, sửa đổi phong tục để chung sống trong tình thương đại đồng.



Thánh địa Phật giáo Hòa Hảo khoảng năm 1953. Giáo sư Pascal Bourdeaux, đã tự chụp tư liệu và cho phép sử dụng. (Service historique de la défense / SHD-10H 4168 / Photographie de Pascal Bourdeaux, Vincennes, 2018)

CÔ BÉ LÀNG HÒA HẢO

Làng Hòa Hảo!

Chỉ vòn vẹn có ba tiếng, vậy mà mỗi lần nhắc lại, tim tôi luôn luôn rung động xao xuyến. Cả một khung trời kỷ niệm ấu thơ vẫn vương ẩn hiện. Rồi hình ảnh hiền hòa chơn chất của một ngôi làng Miền Tây từ ký ức bé thơ trở về lại đậm đà rõ nét: Con sông hiền hòa với những chiếc thuyền qua lại. Con đường đất đi quanh Thánh Địa Hòa Hảo với những chiếc xe lôi, xe đạp hay những người bộ hành mặc áo quần nhà quê giản dị.

Tôi làm sao quên được ngôi làng với những buổi tờ mờ sáng khi tiếng gà bắt đầu gáy hay những buổi chiều chạng vạng tối, mùi hương bay tỏa nơi nơi, nhà nhà đều thấp nhang đèn hành lễ.

Ba mẹ nói tôi được sanh ra giữa lần tên mũi đạn. Vậy mà tuổi thơ của tôi tại làng Hòa Hảo sao quá êm đềm. Khi bắt đầu đời sống của một con người, tôi không biết chiến tranh mà chỉ biết sự an lạc. Tôi được nhìn thấy những người chung quanh sống với nhau trong sự chơn chất, thương yêu với tình đồng đạo, tương kính nhau như anh em chú bác một nhà. Qua bao nhiêu vật đổi sao dời, bao lần ly hương xa xứ, quê hương thanh bình vẫn là lời mời gọi thiết tha nhất đối với tôi.

Theo lời Mẹ kể: “Trước 1945, ở Sài Gòn nhiều gia đình tín đồ Phật giáo Hòa Hảo mua ghe lớn để dọn về làng Hòa Hảo. Các ông các bà thấy thời cuộc không yên, giống như lời tiên tri trong Sấm giảng của Đức Huỳnh Giáo chủ nên họ thức tỉnh, kéo nhau về làng Hòa Hảo tu hiền. Lần lần họ mua đất cất nhà ở luôn vì thấy nơi đây an lành vui vẻ, không ai tranh cao tranh thấp, mà đều sống một cuộc đời bình dân giản dị. Trong làng, nhà không đóng cửa, giấc ngủ bình yên, không ai phải bận tâm như ở chốn phồn hoa đô hội”.

Ở làng Hòa Hảo, trước mỗi nhà đều có một bàn thông thiên. Bàn thông thiên hình vuông, được đóng trên một cái cột đứng, bên trên có một bình bông, ba chung nước, một lư hương và một cái đèn cóc thấp bằng dầu lửa. Đèn này bằng thiếc, trên ống khói có một cái nắp nhỏ che mưa cho khỏi bị tắt.

Mỗi ngày cứ năm giờ sáng và sáu giờ chiều, các tín đồ nam nữ đều mặc áo tràng màu đà, thắp hương lên đèn hành lễ. Sau khi làm lễ trước ngói Tam bảo nơi bàn thờ đặt trong nhà, họ ra bàn thông thiên để cúng lạy bốn hướng. Hướng chánh bàn thông thiên họ đọc bài “Quy y”, còn ba hướng kia thì đọc bài “Tây phương ngũ nguyện”.

Cũng như các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo khác, mỗi lần đến bất cứ nhà ai, tôi thường theo người lớn đến trước bàn thờ xá ông bà, xá bàn Phật, cúi đầu trước chân dung Đức Thầy rồi mới bắt đầu nói chuyện hay chạy đi chơi.

Sau này, dời nhà lên thành phố, mỗi khi cùng với gia đình về làng dự Đại lễ 18 tháng 5, ngày Đức Thầy lập đạo, nếu đến nhà bà con nào đang

đi vắng chúng tôi vẫn tự động vô nhà, làm lễ trước bàn thờ rồi tìm chỗ ngủ như ở nhà mình vậy.

* * *

Giờ đây, dù xa cách Việt Nam nửa vòng trái đất, nhưng mỗi lần nghĩ đến quê xưa, tôi thường giở ra xem lại những bức hình lưu niệm. Những bức ảnh nói lên ngàn lời. Niềm thương nhớ quê hương lại trào dâng. Những kỷ niệm thời thơ ấu sống lại thật rõ rệt, như vừa xảy ra ngày hôm qua.

Tôi có những bức ảnh chụp tại sân trước hay sân sau căn nhà cạnh bờ sông thời kỳ tản cư sống tại làng Hòa Hảo. Những bức ảnh này ba tôi ghi tôi được ba tuổi. Có hình tôi ngồi trên lan can nhà, hai chân nhỏ xíu đánh tòn ten, cái mặt tròn xoe. Cái thì tôi mặc bộ đồ py-da-ma con trai, tay đeo đồng hồ. Có cái hai tay thọc vào túi áo, hai má chảy xệ. Cái hình mà tôi không thích lắm vì mặt tôi trông hơi đàn, là tấm hình tôi mặc bộ đồ bông tây kiêu con trai. Tôi chụp với anh Khanh con nuôi của cô Năm Biên em gái Đức Thầy. Anh Khanh là con của cô Hai chị của Đức Thầy. Cô Năm không có con nên nhận anh Khanh làm con. Khuôn mặt anh Khanh trông không giống lúc anh lớn lên chút nào. Lúc

nhỏ má anh phính, còn khi tôi gặp anh lúc anh sắp cưới vợ thì anh gầy nhom, cao nhòng. Trong hình này tóc tôi dài tới vai, bàn tay trái của tôi nắm chặt lấy ngón tay cái bàn tay phải của anh. Hai chúng tôi đứng cạnh mấy cây chuối, sau lưng tôi là cây chuối non, chỉ mới cao bằng tôi thôi.

Hồi xưa sao mà người ta hà tiện phim quá. Hình rửa nhỏ xíu nên xem rất khó. Trong bức hình khác tôi đang cưới con ngựa gỗ. Có cái tôi đang ôm em gái của tôi, con của cậu Tư Hồng. Mẹ tôi mồ côi cha mẹ sớm nên có nhận hai em nuôi là cậu Hồng và cậu Tặc mà tôi gọi là Ba Hồng và Má Tặc vì lúc hai cậu còn thanh niên ai cũng gọi đùa hai cậu là vợ chồng vì hai cậu đi đâu cũng có nhau. Hai cậu là tài xế của Đức Thầy. Cậu Tặc được Đức Thầy đặt tên là Võ Văn Đắc.

Tấm hình tôi rất thích cũng chụp lúc ba tuổi. Tôi mặc chiếc áo tràng nâu bé xíu đang đứng chõ bàn thông thiên. Tôi đứng trên bục xi măng vuông, nơi trải chiếu lên để cúng lạy. Chiều cao của tôi được ba phần tư của bàn thông thiên. Không hiểu sao tôi nhớ những kỷ niệm thời đó một cách rõ rệt đến như vậy.

À, còn một tấm hình mặt tôi đưa ra, mắt lim dim trông thấy ghét hết sức. Hình này cô năm Biên giả trai mặc áo sơ mi, mang kiếng đen, đội nón nỉ. Mẹ tôi mặc áo dài ngồi một bên, cô Năm ngồi một bên, tôi và anh Khanh ngồi giữa. Tay mặt anh Khanh choàng qua vai tôi.

Bức ảnh này làm tôi liên tưởng đến lúc tôi gặp anh tại nhà thương Đồn Đất, khi Đức Bà lâm trọng bệnh. Tôi và anh đều bờ ngỡ vì qua mười mấy năm không gặp. Anh lên Sài Gòn học còn tôi bôn ba tận Cao Miên mới hồi hương. Hôm đó tin đồ đến viếng Đức Bà rất đông. Mọi người đều im lặng cầu nguyện cho Bà. Tôi thấy Bà nhìn tôi. Nước mắt tôi tuôn ra vì không ngăn được xúc động. Mẹ ngoắt tôi vào nói nhỏ: “Năm tay Bà đi con, sợ rồi không còn có dịp”. Tôi vuốt bàn tay Bà, lúc đó sung húp lên, mà lòng tôi xúc động mãnh liệt. Tôi bước vội ra ngoài, anh Khanh đến bên tôi nói chuyện an ủi. Hai anh em lo lắng thờ dài.

Tôi được gặp Đức Bà thêm một lần nữa tại Tổ đình lúc theo gia đình về dự Đại lễ 18 tháng 5. Sau đó Bà mất vào ngày mùng 2 tháng 6 năm 1967

tại Thánh địa Hòa Hảo. Anh Khanh chịu tang thay thế Đức Thầy lúc Ngài còn vắng mặt.

Có một bức ảnh tôi cũng rất thích. Trong ảnh, tôi là một cô bé rất điệu và dễ thương. Cô bé mặc chiếc áo đầm gắn cái nơ trước ngực, chân mang giày trắng có quai, tóc chải bầy ba có gắn một cái nơ nhỏ. Miệng cô bé cười toe, hai bàn tay xòe ra, ống ẹo trông có vẻ “con gái” lắm. Ảnh này tôi cũng chụp tại bàn thông thiên. Không biết ông câu nào lại phơi lưới để đi chài cá lên hàng rào thành ra cái phong của bức ảnh nhờ vậy mà đẹp ra.

Không hiểu tại sao mẹ tôi lại thích cho tôi giả trai lúc còn nhỏ. Chắc lúc có bầu, mẹ mơ sinh con trai. Bức hình một tuổi của tôi ngồi trên ghế giống y đứa con trai với mái tóc hót cao sát ót. Hình mẹ bế tôi chụp trong tiệm cũng vậy nữa. Có một tấm ảnh tôi chụp chung với chị Đành con của bà vú, tôi mặc bộ đồ trắng, tóc bum bê, hai mắt tròn xoe. Một tấm khác tôi chụp với chị Thanh, người vú em chuyên dắt tôi đi chơi.

Dưới tấm hình tôi chụp với chị Giao, ba ghi Hoàng Cầm và Loan Giao. Chị Giao ôm nhóm ôm nhách, mặc chiếc áo bà ba may trừ hao nên dài

lòng thông. Chị là con của dưỡng Hai họa đồ Tố ở Hưng Nhơn. Dưỡng Hai giúp rất nhiều bà con từ ngoài Bắc di cư vào Nam ở tại nhà dưỡng. Nhiều lần tôi định hỏi tại sao hồi nhỏ ba tôi đặt tên cho tôi là Hoàng Cầm mà tôi quên, bây giờ thì ba đã mất rồi. Có người bảo Hoàng Cầm là tên một vị thuốc rất đáng. Tôi tự hỏi không biết có phải ngụ ý là con chim màu vàng không?

Ngoài những bức ảnh của tôi còn có những bức ảnh của mẹ. Mẹ ngồi tại bàn viết tóc thắt bím kiểu người Bắc quấn vòng lên đầu. Mẹ mặc áo dài cổ bầu hở, tay cầm viết. Trên bàn có chậu hoa sen bằng giấy do mẹ làm, trên kệ có đồng hồ reo. Trên vách có treo tám lịch hình phong cảnh. Cạnh mẹ ngồi là vách có dán giấy, xa hơn là vách lá, có một cái võng đong đưa treo ngang các kèo nhà.

Trong một tấm hình khác mẹ ngồi trên ghế xưa có nệm bọc nhung bông trong tiệm hình. Mẹ mặc áo dài, đeo bông, dây chuyền và lắc. Vai mẹ choàng khăn sọc ca-rô bằng len. Chân mẹ tréo ngẫu. Tay mặt mẹ gác lên ghế, tay trái đặt trên đùi. Hình này trông mẹ ra dáng con của dòng

họ Nguyễn Hòa có tiếng ở làng Long Kiến, Ông Chương, thuộc tỉnh An Giang.

Có hình ba chụp mẹ đang tắm dưới sông với dì Ba Yến và chị Hai Hôi Văn. Ba người mặc nguyên quần áo. Dì Ba Yến là con của bà Sáu Nhạn và là vợ của cậu Sáu Dữ, cháu Đức Ông. Cậu Sáu Dữ tên thật Huỳnh Hữu Thiện. Cậu bị mật vụ thời ông Diệm bắt giết lúc đi từ Sài Gòn về miền Tây cùng với vợ chồng Ba Lê Hoài Nam, thầy giáo Tập, ông Huỳnh Thiện Tứ và tài xế Dành. Tất cả đều là tín đồ trung kiên của Đức Thầy. Sau thời ông Diệm, tất cả năm gia đình đều thừa nội vụ ra tòa và đã thắng kiện. Những người thi hành mệnh lệnh của chính quyền cũ có nhận tội trước tòa và các gia đình nạn nhân đã được bồi thường. Tuy nhiên dù có bồi thường bao nhiêu tiền đi nữa cũng không bù đắp được nỗi đau khổ mất mát của những thân nhân ở lại. Những cái chết này quá đau thương!

Trong một bức ảnh khác mẹ đang chèo xuồng với bà Sáu Nhạn, hai người đều mặc đồ bà ba đen, đầu đội khăn choàng tắm ca-rô. Trong bức hình khác có chị Annie hiện giờ đang ở Hoa Thịnh Đốn. Chị “Ni” là cháu ngoại của bà ngoại Cò, mẹ tinh

thần của mẹ tôi. Chị đang ngồi trên xuống, tay cầm chiếc dầm vọc nước.

Trong ký ức, tôi nhớ ba có một tấm hình chụp ngược ánh sáng mặt trời, đang ngồi ở lan can hút thuốc, cái phong phía sau là bờ sông. Có lẽ chú Hai Răng chụp cho ba. Chú Hai Răng tên Pháp là Jean, tên thật Nguyễn Thành Ngọc, là thợ chụp hình. Lúc còn bé tí, tôi rất sợ chú mỗi khi chú hôn, râu chú chích vào mặt tôi đau điếng. Nếu tôi không cho chú hôn chú sẽ giả làm người cùi. Hai tay chú rút lại đưa tới đưa lui. Miệng chú mếu một bên, nước miếng chảy lòng thòng, làm tôi khóc thét lên... Sau này lớn lên, mỗi lần gặp chú, tôi hay năn nỉ chú làm người cùi lại cho tôi xem. Chú Răng là anh dì Ba Yên, con của bà Sáu Nhận. Dì Ba Yên rất đẹp, ai cũng nói dì có đôi mắt bồ câu đen và tròn, nụ cười đẹp với hai hàm răng trắng đều trông thật tươi.

Mỗi lần xem album thấy ít hình ba, tôi buồn ghê, vì khi gia đình tôi chạy loạn lên Nam Vang gửi nhà cho chú Hai, chú sợ bị xét nhà nên bao nhiêu hình của ba chú chôn hết sau hè căn nhà ba mẹ mua cho tôi ở đi học trường tiểu học Lamartine

tại đường Bàn Cờ, lúc ba mẹ chạy lên Nam Vang. Về sau, người chủ mới đập nhà ra cào nền lên cất lại phố lâu. Những hình ảnh kỷ niệm thời trẻ của ba bị mất hết.

Tôi thích nhất là hình ba mặc đồ sĩ quan quân đội trông vạm vỡ oai phong ghê. Tôi còn thấy hình ba mặc quần tắm đứng chụp dưới nước ở bãi biển Vũng Tàu với hai hộ vệ là anh Chín Ốm và anh Chín Mập. Trong hình tôi thấy ba tôi và hai anh người nào trông cũng có vẻ vạm vỡ, ngực to bụng thắt. Anh Chín Mập hồi đó là lực sĩ tập tạ. Tuy anh mặt rỗ nhưng rất có duyên và đất mèo. Sau này khi gia đình tôi hồi hương, anh làm tài xế cho ba tôi. Vì không tập tạ nữa bụng anh bự ra, còn anh Chín Ốm vẫn ôm nhom ôm nhách như trước.

Phải chi hai anh ấy qua được bên Mỹ thì tôi tha hồ phỏng vấn thời ba còn trẻ, vì hai anh luôn theo cạnh ba vào sanh ra tử, ngay cả lúc kháng chiến ở bung biên. Hai anh hết sức trung thành với ba. Anh Chín Ốm đi theo ba vượt qua biên giới Cao Miên thời ông Ngô Đình Diệm. Anh nói, anh liều sống chết với ba. Khi gia đình tôi hồi hương

thì hai anh trở về làm việc với gia đình tôi cho đến ngày chúng tôi ra đi năm 1975.

* * *

Thỉnh thoảng tôi hay hỏi mẹ chuyện hồi còn bé ở làng Hòa Hảo. Mẹ vui vẻ cười rồi kể cho nghe, khi tôi được tám tháng, mẹ có sữa ít quá nên phải nấu giò heo và đu đủ ăn để có sữa cho tôi bú. Mẹ ăn hoài mà vẫn ít sữa nên phải mượn một bà vú trẻ mới hai mươi hai tuổi ở Chợ Mới, cũng để con so để cho tôi bú thép với con bà. Bà ấy cho tôi bú và săn sóc tôi được vài tháng thì nhớ nhà nên xin về. Mẹ tôi phải mua sữa Guigoz pha trong chai cho tôi nhưng tôi không chịu và cứ đòi bú sữa mẹ hoài. Mẹ đành cho tôi bú và ăn giặm, cho đến bốn tuổi thì mẹ bôi dầu Nhị Thiên Đường vào núm vú. Tôi bị cay quá nên không đòi bú mẹ nữa.

Nghe mẹ nói tôi mới biết cái cô mặc áo đầm xòe đứng trong hình với mái tóc có cài nơ vẫn còn vòi sữa mẹ. Vậy mà tôi vẫn hay chọc Cường, đứa con thứ hai của tôi sanh ở Mỹ, tối nào cậu cũng tu một chai sữa tươi trước khi ngủ cho đến bốn tuổi.

Gia đình tôi cũng như nhiều gia đình khác chạy giặc tản cư về cất nhà ở tại làng Hòa Hảo.

Căn nhà tôi ở quay mặt xuống con sông Tiền Giang rộng lớn mênh mông. Bên kia bờ là Tân Huê, ở dưới bãi làng Tân Huê có Tân Quới, Tân Long. Những buổi bình minh ló dạng, sau khi cúng lạy xong mẹ thường đứng nhìn những chiếc xuồng thả câu trên mặt sông có sóng gợn lăn tăn, trông rất êm đềm và đẹp mắt. Có những lúc mấy ông câu được nhiều cá đem vào bờ, mẹ đón mua cá tươi để kho hoặc nấu canh chua.

Nhà tôi ở gần nhà Đức Ông hay còn gọi là Tổ đình. Bên cạnh là nhà bà ngoại Cò, nhưng người trong làng gọi là nhà bà Sáu Nhạn, em bà Năm Cò. Dì Ba Yển, con của bà Sáu biên thơ qua cho mẹ tôi hay là bà Sáu đã qua đời vào tháng 5 năm 1991.

Bà ngoại Cò và bà Sáu Nhạn là hai tín đồ trung kiên tin tưởng Đức Thầy mãnh liệt. Bà ngoại rất giàu, có vựa cá ở Sài Gòn và lo về tài chánh cho đạo. Mặt bà tròn, đẹp và nghiêm. Giọng nói của bà to ròn rảng nên tôi rất sợ. Mỗi lần gặp bà, tôi mau mau khoanh tay thưa bà ngoại rồi chạy đi chơi. Bà ưa hỏi: “Con bé đó hả, lại đây ngoại biểu. Đói bụng không bà ngoại cho tiền ăn hủ tiếu?”.

Mẹ tôi mồ côi sớm nên Đức Thầy dạy Bà Năm nhận mẹ tôi làm con nuôi.

Trong *Sám giảng thi văn toàn bộ* của Đức Huỳnh Giáo chủ có bài thơ “Cho Bà Năm Cò ở Sài Gòn” do Đức Thầy viết năm 1943 như sau:

*Ngọn gió thiên-môn cuốn bụi hồng,
Lợi danh hai chữ mắt lò trong.
Nương theo đuốc huệ tâm chơn-ly,
Lóng tiếng từ-bi diệt dục lòng.
Tỉnh ngộ đã nghe lời Phật thuyết,
Thoát mê suy nghiệm lẽ huyền thâm.
Mau chơn bước đến Long-Hoa hội,
Châu Phật hòa vui cõi Đại-Đông.*

Saigon, năm 1943

* * *

Mỗi khi nhớ chuyện xưa, mẹ tôi thường tâm sự: “Lúc con còn nhỏ mẹ thường vào làng Hưng Nhơn. Hễ ai có bị ghẻ lở thì mẹ cho thuốc. Hễ ai bị ghẻ khuyết mẹ lấy nước nóng pha âm ấm và thuốc tím rửa sạch, chặm lại cho khô rồi rắc thuốc, băng lại ít ngày thì hết. Còn ghẻ ngoài da thì mẹ xức pô-mát. Giúp được người nghèo đau ốm, mẹ thấy rất vui”.

Bên cạnh nhà bà ngoại Cò có dư một cái chái một mái cát bên hông nhà. Nơi này để băng, ghế ngồi chơi hoặc nghỉ chân. Mẹ kêu mấy ông bà đi ăn xin, lớp mù, lớp gẻ, lớp đi chống gậy, câm, điếc, đủ thứ vào đó nghỉ ngơi, để mẹ giúp được gì thì giúp. Khổ một điều là mẹ không có khả năng lo nổi mà càng ngày họ càng đông lên.

Tôi còn thích nghe chuyện đám cưới ở nhà quê nữa. Họ nhà trai đi rước dâu bằng ghe máy. Theo tục lệ người Việt, nếu đến sớm thì đàn gái không cho ghe cập bến, phải chạy đến nơi khác đậu chờ. Nhiều khi bị đuổi vì chủ nhà nói họ có con gái, họ sợ xui con gái họ sẽ ế. Vì vậy nên đàn trai phải tách bến chạy vòng vòng ngoài sông, chờ đến đúng giờ tốt, đàn gái mới cho lên nhà. Lối xóm người lớn, con nít đứng hai bên đường xem đám cưới rất đông.

Nghe tôi hỏi về “bộ đồ lớn” để đi ăn cưới ở quê nhà, mẹ cười: “Ngày xưa đi đám cưới ở thôn quê, người già mặc áo dài khăn đóng chỉnh tề, còn người trẻ mặc sao cũng được miễn cho kín đáo sạch sẽ, nghiêm trang là được”.

Tôi còn nhớ dạo đó phần nhiều thanh niên trong làng mặc py-da-ma đi ăn cưới hay giỗ. Họ ủi và xếp thẳng để khi mặc còn lần xếp mới đẹp. Mỗi lần ủi đồ thì phải đốt than, mở nắp bàn ủi ra để than vào. Khi nào bàn ủi nguội thì mở nắp ra quạt hoặc bỏ thêm than vô.

Đôi khi ba mẹ cũng có đi dự đám giỗ. Mẹ thường đến sớm để làm tiếp, nhỏ lông gà vịt hoặc làm cá, lật rau. Khi nào chủ nhà cúng xong, họ mời khách và bà con xúm lại dùng cơm chớ không có ai đem món gì. Nếu mình có đem bánh trái cúng ông bà, họ cũng nhận vui vẻ. Khi dọn ăn, phe nam ngồi ghé đặt quanh bàn, còn phe nữ ngồi xếp co hai chân qua một bên quanh mâm cơm dọn trên bộ ván ngựa.

Trong gia đình Phật giáo Hòa Hảo còn có một tập tục phổ thông. Khi đến bữa ăn mọi người gác đôi đũa ngang chén cơm, chấp tay lâm râm khẩn nguyện, xá ba xá rồi mới bắt đầu ăn. Ăn xong cũng gác đũa ngang chén xá ba xá niệm Phật rồi mới đứng dậy. Ba mẹ giải thích cho tôi động tác này là để tỏ lòng hiếu thảo với Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà cha mẹ đã quá vãng. Tập tục này cũng

bắt nguồn từ thuyết Tứ Ân, trong đó Đức Thầy có nói: “Ta hưởng tác đất ngọn rau là nhờ ơn đồng bào nhon loại cung cấp”.

Khi có được chút trí khôn tôi hỏi ba về ý nghĩa tấm Trần Đà mà người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo nào cũng có treo trên bàn thờ. Ba tôi giải thích: “Màu đà là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác, nên tượng trưng cho sự hòa hợp của nhân loại, không phân biệt chủng tộc và cá nhân. Vì vậy chúng ta thờ phượng để tiêu biểu tinh thần vô thượng của nhà Phật”.

Về sinh hoạt của làng Hòa Hảo, ba mẹ cho biết có chợ, nhà thương, trường học, chùa chiền, nhà máy xay lúa, tàu bè, xe cộ nhưng rất thanh thản không ồn ào phức tạp và nhộn nhịp làm cho lòng người phải xáo trộn lo âu như đời sống ở thị thành. Mẹ cười nói với tôi: “Hồi nhỏ xíu con thấy ngoài đường lộ có nhiều xe chạy lên chạy xuống, con cứ đòi đi hoài. Mẹ cũng thường cho con đi xe lô từ chợ Mỹ Lương xuống chợ Đình ăn hàng hoặc mua quà rồi về, vậy mà con mừng lắm đó”.

Trước mặt chợ Đình là ngã rẽ sông Tiền qua sông Hậu gọi là Vàm Nao, bên kia bờ sông là chợ

Thuận Giang. Khi xe chạy về nhà phải chạy ngang qua nhà Đức Ông, nếu chạy luôn thì đến chợ Mỹ Lương hay còn gọi chợ Đường Tát, Phú An, Phú Lâm, Long Sơn, Tân Châu. Xe lồi qua lại nhà Đức Ông, mọi người đều xuống xe, dỡ nón xuống rất kính cẩn vì nơi đây là nhà thân sanh của Đức Thầy. Trước nhà Đức Ông cách con đường lộ là cầu mát nơi tàu bè của các phái đoàn chánh phủ ghé viếng Tổ đình. Từ đường lộ xuống nhà mát có trồng một hàng dừa. Sau này nhà mát bằng gỗ được xây lại rất lớn bằng xi măng, nhưng tôi vẫn thích cái nhà mát cũ kỹ nhỏ bé ngày xưa. Từ đường lộ vào nhà Đức Ông là vườn cây ăn trái có trồng đủ loại bông để cúng và nhiều chậu kiểng.

Trước Tổ đình có bàn thông thiên, rồi đến nhà khách lợp lá. Kế đến là nhà lợp ngói, phía trước có thờ Phật và ông bà bên nội bên ngoại, phía sau để ở. Bên trái có một dãy nhà dành cho khách ở lại ngủ và ăn cơm, phía sau có nhà bếp và vườn cây ăn trái rất mát mẻ. Đức Ông ở gần người chị thứ tám, nhà phía bên phải, còn bên trái là nhà ông Út, em trai Đức Ông.

Trong làng buổi sáng có nhóm chợ, kẻ mua người bán nhộn nhịp. Tàu bè chạy đưa khách qua lại trên sông. Trẻ con đi học, người lớn đi làm. Nhà thương và các cơ sở đều làm việc. Buổi chiều không khí trở lại yên lặng. Sau khi ăn cơm xong mọi người bắt đầu nghe đọc giảng.

Làng Hòa Hảo có ba độc giảng đường, nơi tín đồ họp lại để nghe đọc giảng kinh sách. Phía sau nhà lồng chợ Mỹ Lương một cái, ở ngã ba Tấn Lễ một cái và một cái nữa ở ngã ba Lộ Sứ. Gần chợ Đình có một cái chùa lớn cất từ xưa, thờ Phật rất kỹ lưỡng và trang nghiêm. Tên chùa là An Hòa Tự. Ngày rằm và mùng một kẻ ra người vào lễ Phật tấp nập.

Cũng như các nơi khác, chợ Đình có một bến đò đưa khách qua sông đi buôn bán ở chợ Thuận Giang và chợ Mỹ Hội Đông (Xẻo Bún), ngang cửa Nàng Ét của làng, hoặc đi về Chợ Mới ở bên làng Kiến An, Ông Chưởng. Nếu muốn qua Năng Gù thì khởi điểm từ chợ Đình đi tàu bọc vòng theo cồn Ông Chủ Bó đến bến đò Thị Đam. Ngang sông lớn có chiếc bắc chở cả xe hơi từ Thị Đam đi qua Năng Gù. Bắc này thường được dùng cặp bằng ghe máy

lớn. Từ bến bắc Năng Gù, khách có thể đón xe đò đi Long Xuyên, Châu Đốc rồi lên Sài Gòn rất thuận tiện.

Nếu từ Sài Gòn về Hòa Hảo thì đi xe đò khỏi Long Xuyên về đến bắc Năng Gù. Xuống bắc trở qua bến đò Thị Đam, đi xe lô vòng theo đường Hưng Nhơn về chợ Mỹ Lương rồi quẹo mặt là sẽ đi đến Tô đình, nhà Đức Ông. Nếu không muốn đi đường bộ thì mỗi ngày đều có tàu hay tắc ráng chạy từ làng Hòa Hảo qua Long Xuyên hoặc trở về.

* * *

Bây giờ cầm bút ghi lại những kỷ niệm về ba mẹ, mới thấy tôi biết về thuở nhỏ của ba rất ít. Tôi hồi tiếc vì đã không hỏi ba, và lại cũng không ngờ ba mất sớm. Tôi nhớ được chút ít là lúc nhỏ khi đi học ngoài Bắc ba cũng làm bích báo (báo treo tường) trong lớp bị thầy bắt được nên bị phạt. Ba mặc áo dài đen đi học và móc cây dù trên vai. Mỗi lần ba đánh lộn, ba cột hai vạt áo qua hai bên hông.

Bà nội tôi mất sau ông nội. Khi được tin bà nội mất ba tôi buồn lịm đi mấy tuần lễ không nói chuyện. Mỗi ngày ba lạy bàn thờ bà nội một trăm

lạy. Ba nói ba phải lạy đủ mười ngàn lạy để chịu tội bất hiếu không săn sóc ông bà. Thịnh thoảng, ba hay biểu mẹ mua tép khô nhỏ hay mua thịt băm ram thật mặn để ba ăn vì món đó bà nội hay làm cho ba ăn đi học lúc còn nhỏ.

Ba vào Nam lúc còn thanh niên, theo làm việc với dựng hai Kinh Lý Nguyễn Ngọc Tố, là một cao đồ của Đức Thầy và là chức sắc lớn trong Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo Trung ương. Mỗi lần đi Sài Gòn về làng Hòa Hảo, ba hay mua quà cho tôi và chị họ tôi tên Loan Giao. Tôi thích nhất là con búp bê mắt nhắm mắt mở.

Lúc tôi được khoảng bốn tuổi mẹ bị đau ruột dư đến thời kỳ thứ ba. Ba đưa mẹ lên Sài Gòn mổ, gửi tôi ở chơi với hai chị vú tại nhà dựng Ba Lê Hoài Nam, một cao đồ của Đức Thầy. Dựng thuộc chi đội Ba Mười Nguyễn Trung Trực. Trước kia dựng Ba ở Sài Gòn, theo Đức Thầy nên dựng về làng Hòa Hảo cất một nhà máy xay lúa ở chợ Mỹ Lương, nơi có con rạch rẽ vào Hưng Nhơn. Sau này dựng Ba hiến nhà máy cho Đức Ông.

Nhà dựng Ba ở cạnh nhà máy, ngang một cái miếu. Trong làng ai cũng sợ oai Đức Ông, lúc

đó mấy đứa trẻ nhỏ như tôi gọi là Ông Cố. Nếu có ai làm lỗi thì bị quỳ hương tại miếu này. Nếu lỗi nặng sẽ bị quỳ nhiều cây hương rất đau đầu gối. Đến bây giờ các tín đồ đã từng ở làng Hòa Hảo đều nhắc kỷ niệm bằng cách dọa bị phạt quỳ hương mỗi khi có ai làm lỗi.

Từ lúc tản cư về làng Hòa Hảo, mẹ tôi làm thư ký lo về sổ sách cho nhà máy. Khi mẹ bị mổ ruột dư phải nằm nhà thương Đồn Đất Sài Gòn, tối nào tôi cũng khóc vì nhớ mẹ. Một đêm tôi nghe tiếng dựng Ba ra lệnh: “Mở cửa cho con bé ra sân sau rồi đóng cửa lại”. Ở ngoài trời tối, tiếng côn trùng kêu làm tôi nín khóc ngay. Đến bây giờ nhớ lại lần bị phạt ấy, tôi vẫn còn ớn đến tận xương sống.

Dì Ba rất đẹp, người mảnh khảnh. Dì có cho tôi một túi vải nâu, loại túi vải nhỏ để bạc cắc vắt ở lưng quần. Mỗi lần dì dựng cho tôi tiền xu, tôi bỏ vào túi rút dây lại cho khỏi rớt mất. Dì Ba có cô con gái đẹp có tiếng trong vùng là chị hai Sáng. Chị Sáng mắt bồ câu, hay mặc áo xắm để lộ hai cánh tay no tròn trắng nõn. Rất đông các cậu trai trong làng mê chị. Mỗi lần có người liệng thơ vào

hàng rào hay sai trẻ nít đưa thơ là các chị xúm nhau đọc rồi cười. Có một lần chị hai Sáng đi chợ về, sau khi lấy rau thịt ra thì thấy có một củ ngải của cậu trai nào đó liệng vào giỏ để mê hoặc chị. Nhưng chị không thương ai cả.

Có những lúc khác ba mẹ và tôi đến thăm dựng Hai Họa Đồ ở Hưng Nhơn, tôi thích chạy đi chơi với chị Loan Giao con gái của dựng Hai và bé Phương Dung, con của “Ba Hồng” em nuôi của mẹ. Ba Hồng là chồng của chị Hồi Văn, con của dì hai Hòa Yên, chị ruột của mẹ. Ở nhà dựng Hai có bà con tản cư từ ngoài Bắc vào ở đây rất đông, đến mấy chục người. Nào là gia đình bác Lưu Hùng, bác luật sư Hà. Con nít nhỏ bằng tôi cả chục đứa, đứa nào cũng cắt tóc bum bê nói tiếng Bắc rất khó nghe. Suốt ngày chúng tôi đi hái nhãn lồng hay loanh quanh dưới mấy tầng cây trứng cá. Khi thì đánh đu, búng hột me, nhảy cò cò, chạy đua... Có lần tôi chạy đua mau quá, chị Giao đưa chân ra cản lại làm tôi té bể môi, trầy đầu gối. Tôi khóc quá và méc mẹ. Chị Giao khóc hu hu nói: “Tại nó chạy mau quá, con không biết làm sao cho nó ngừng, con lấy chân cản nó lại”.

Những kỷ niệm êm đềm mộc mạc ở làng quê Hòa Hảo ăn sâu vào tâm hồn tôi, tưởng như không thể nào phai nhạt được. Mùa hè năm 1988, trong thời gian định cư ở xứ người, ba mẹ tôi mua một căn nhà ở gần khu Sài Gòn Nhỏ, còn gọi Little Saigon, để dưỡng già. Dự định ở đó để đi bách bộ ra đại lộ Bolsa ăn sáng, mẹ đi chợ, mua thuốc tây, thuốc bắc cho gần. Con cháu cuối tuần đi khu Việt Nam ăn nhà hàng hay đi chợ, rồi tiện ghé thăm ba mẹ luôn, khỏi phải đi xa như lúc ba mẹ ở thành phố Los Alamitos.

Một hôm ba cười ngoắt tôi ra phòng khách. Ba kéo màn cửa sổ để lộ ra hai lồng chim máng hai bên cửa sổ, mỗi lồng có một con chim giả bé nhỏ. Ba kéo sợi dây của mỗi lồng. Tiếng chim trống và chim mái kêu lên thánh thót, riu rít. Ba liếc mẹ, cười âu yếm bảo: “Mẹ con mua đó. Tiếng chim hót nghe rất vui tai”.

Ba mất đã mấy mươi năm rồi. Mỗi lần ghé Bolsa thăm mẹ, tôi thường hay nhìn hai chiếc lồng chim im lìm trên cửa sổ. Tôi ngồi nơi phòng khách im lặng, với một cảm giác mát mát tưởng không bao giờ vơi.

THÁNH ĐỊA NGÀY ĐẠI LỄ

Bắc Năng Gù

Tiếng động cơ của những ghe máy hòa lẫn với tiếng gọi nhau ơi ới, tiếng cười, tiếng chào hỏi, tiếng rao hàng mời khách, tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn, tuy lác nhịp nhưng lại rộn rã, phong phú, mộc mạc bình dị mà lại rất dễ cảm dễ yêu... Đó là thứ âm thanh đặc biệt của các bến bắc miền Tây. Ôi, sao bây giờ tôi thèm nghe lại những âm thanh này như thế!

Tôi để mặc các em lú lo với những chùm mía ghim, những trái dứa tươi..., đẩy ghé đứng dậy bước tới cạnh lan can bằng gỗ của căn quán nghèo dựng bên cạnh bờ sông. Vài cơn gió chiều nhẹ thổi làm tôi thấy khoan khoái như trút đi hết những nỗi

một nhọc của một ngày đi đường, từ Sài Gòn về làng Hòa Hảo.

Đang lơ đãng nhìn những chiếc ghe lớn nhỏ đậu san sát, dọc theo bờ sông Hậu, mắt tôi chợt dừng lại nơi chiếc ghe chài thật lớn. Trên mũi ghe là khung cảnh đầm ấm của một gia đình chài lưới. Khoảng mười bốn, mười lăm người, kẻ đứng người ngồi quây quần quanh mâm cơm chiều với một tô chao và một đĩa dưa leo. Bữa cơm chay thật đơn giản nhưng mọi người ăn hết sức ngon lành. Kẻ gắp dưa chấm chao, người lấy dưa và cơm, chốc chốc lại chạy đi bới cơm. Nồi cơm thật lớn bốc khói chằng mây chốc đã vơi. Tôi chợt mỉm cười nghĩ đến những bữa cơm chay mà mình sẽ được dùng miễn phí tại các trại tiếp tế, gọi là trạm ăn, vào ngày mai, Đại lễ Kỷ niệm 18 tháng 5, ngày Đức Huỳnh Giáo chủ thành lập Phật giáo Hòa Hảo.

Chiếc bắc từ bên kia bờ sông đang trở qua và sắp cập bến. Mọi người xôn xao hẳn lên. Tôi dắt các em cùng ba mẹ vợ vã đi xuống bắc. Hôm nay đi bắc, không phải mua giấy. Tất cả ghe, tàu, bắc, các phương tiện chuyên chở công cộng trong vùng này đều miễn phí trong ba ngày 17, 18, 19 tháng 5. Đó là

sự biểu lộ lòng tha thiết của người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đối với ngày đại lễ của Đạo, mong cho mọi người đều quy tụ về Thánh địa thật đông vui.

Khác hơn những chiếc bắc lớn ở bến phà Mỹ Thuận, Cần Thơ hay Vàm Cống, chiếc bắc tại Năng Gù này nhỏ lắm. Đó là một loại phà có ghe máy cặp bên kéo đi. Trên bắc các em bé vẫn tới lui rao hàng. Tôi mua cho các em mấy gói đậu phộng luộc và vài cái chong chóng bằng giấy màu. Hôm nay bắc phải chạy thật chậm vì trên sông có nhiều tàu, ghe, tắc ráng, xuồng ba lá chở bắp, khoai, bầu, bí, dưa, mướp, cùng các loại thực phẩm để gom về tiếp tế cho các trạm ăn miễn phí đãi khách hành hương...

Bắc càng đến gần bên kia bờ Thánh địa, bức ảnh lớn chon dung Đức Thầy càng hiện rõ trước mắt mọi người, cùng với tiếng đọc giảng phát ra từ các ống loa của Đệ độ giảng đường. Những lời thơ trầm ấm ngân nga vang lên làm cho tôi cảm xúc mạnh. Tôi thành kính khe khẽ đọc theo:

*Khai ngọn đuốc từ bi chí thiện,
Tìm con lành dắt lại Phật đường.
Thương dân hiền giáo đạo Nam phương,
Đặng chỉ ngõ làm lành lánh dữ.*

*Sách Thánh đạo ghi trong Tam Tự,
Người mới sanh tánh thiện Trời dành.
Bồi lớn lên tập nhiễm lợi danh,
Nên tật xấu che mờ thiện tánh.
Thiếu giáo dục thiếu thêm đức hạnh,
Ta quyết lòng nhắc lại tánh xưa...*

Đó là những câu khởi đầu quyển sấm giảng thứ tư “Giác mê tâm kệ” của Đức Thầy đã viết năm Kỷ Mão 1939 tại làng Hòa Hảo và cũng là bài học thuộc lòng đầu tiên mà ba mẹ đã dạy khi tôi mới biết đọc biết viết. Những câu thơ thật giản dị trên là ánh đuốc soi đường cho tôi trên mấy chục năm nay. Dù ở hoàn cảnh hay không gian nào, tôi cũng nguyện cố gắng giữ tánh thiện mà Trời Phật đã ban cho lúc mới chào đời. Ngoài ra tôi cũng cố sửa đổi những thói hư tật xấu, cố gắng làm sao tròn bổn phận người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, đối với Tứ Ân, tức Ân Tổ Tiên Cha Mẹ, Ân Đất Nước, Ân Tam Bảo và Ân Đồng Bào Nhơn Loại.

Thánh địa Hòa Hảo

Tiếng máy của chiếc bắc Năng Gù nổ thật to rồi tắt hẳn. Hành khách theo nhau bước lên bờ. Đây là Thánh địa. Các chú xe lôi mời gọi

hành khách. Trời gần tối, gia đình chúng tôi lên một chiếc xe ô tô có gắn máy Suzuki để chạy cho mau...

Cũng như các con đường ở miền Tây hôm đó, con đường trải đá từ khu Hưng Nhơn ra đến chợ Mỹ Lương nhà nào cũng treo quốc kỳ, và cờ ã Phật giáo Hòa Hảo. Vào giờ này tất cả các bàn thờ, bàn thông thiên đều đã lên đèn thấp nhang. Tín đồ mặc áo tràng màu ã cung kính làm lễ. Tôi im lặng trước sự trang nghiêm của cảnh vật và hồi tưởng lại năm nào...

Khi chiếc xe ô tô chạy ngang ngôi nhà mái lá vách đất trộn rơm của dựng Hai Họa ðồ, nơi mà mười mấy năm trước ã làm chỗ tạm trú cho nhiều gia đình di cư từ Bắc vào Nam (1955), tôi lại nhớ ã anh Huyền, Ánh, ðiệp con bác Lưu Hùng lúc ã còn bé tí, thường hay múa những điệu “ðồ mì sol” mang từ chiến khu miền Bắc vào. Chị Hằng, chị Nguyệt con bác luật sư Hà, thường hay thêu thùa may vá (sau này, gia đình bác Hùng và bác Hà ðịnh cư ở Florida). Thời kỳ ã chúng tôi cùng ði học trường tiểu học gần chợ Đường Tất. Tôi thích nhai bắp rang từng hột

bỏ trong túi, hay ăn cơm vắt của bác Hùng gái làm, rồi khi khát nước thì ngừng ở bất cứ nhà nào cũng có cái lu nước mưa trước cửa, cứ tự nhiên múc uống ngon lành rồi đi tiếp tục.

Xe đang chạy mau, bỗng chậm hẳn lại và chú tài xế đưa tay lên đầu đỡ nón xuống, hành khách trên xe cũng đều làm như vậy, ai nấy đều hướng về phía Tổ đình, cúi đầu kính cẩn... Tổ đình là căn nhà nơi Đức Thầy ra đời và lập Đạo, khi đó Đức Thầy đi vắng, Đức Bà thân sanh Đức Thầy còn sống, căn nhà vẫn lợp lá, mộc mạc như cũ, vì Đức Thầy đã căn dặn không được phí tiền xây cất lớn lao.

Đêm đó chúng tôi ngủ tại nhà bà Tư Cần Đước, một tít đồ gốc ở vùng Cần Đước, Long An. Gia đình bà rất giàu có, nhưng vì mộ đạo nên bỏ hết ruộng vườn về làng Hòa Hảo cất nhà để tu. Bước vào nhà, công việc đầu tiên của mọi người là theo ba mẹ đến thắp nhang lạy Phật, kính lễ ông bà và xá trước chân dung Đức Thầy.

Buổi tối Thánh địa càng thêm nhộn nhịp, người ta đi suốt đêm ngoài đường. Tiếng đọc giảng vang lên từ các Đốc giảng đường, tiếng

con trẻ vui mừng gọi nhau đi xem lễ, xem cộ đèn và hoa đăng thòàn. Trên bờ, cộ đèn cũng gọi là hoa đăng xa, từ từ điểu hành, toàn dùng các loại bông thật như bông trang, bông cúc, bông huệ, bông chuối, bông cau, được trang điểm bằng ánh đèn điện khi chóp khi tắt. Mỗi xe tượg trung cho ý nghĩa của một đề tài về Đạo, hay một đoạn nào trong mấy chục ngàn câu giảng của Đức Thầy... Có xe biểu tượg cảnh Cực Lạc, có xe làm chân dung Đức Thầy bằng hàng gấm, cũng có xe làm theo hình Đức Phật Thích Ca, tất cả đều biểu lộ ý hướng mộ Đạo, kính Thầy...

Hoa đăng thòàn rực rỡ muôn màu

Khi đoàn cộ đèn đã đi qua, hương về Tổ đình, thì dưới sông đã bắt đầu sáng rực với những đoàn hoa đăng thòàn, cũng gọi là bè thủy lục là những chiếc thuyền được trang trí mừng đại lễ ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo. Các bè thủy lục từ các tỉnh và vùng lân cận đổ về, mỗi nơi mang một màu sắc đặc thù, có nhiều chiếc rất lớn. Các em tôi thích nhứt là thủy lục được thiết trí trên các phà, cũng gọi là chệt, hay trắng, thường dùng để chở máy cày hay trâu bò, có ghe máy kèm

bên để đẩy... Cũng có loại thủy lục thiết trí trên những chiếc tàu máy cỡ trung, nên cao hẳn lên... Ánh đèn muôn màu từ các bè thủy lục giăng nhiều đèn ngũ sắc phản chiếu xuống mặt sông lớn sóng vỗ lẫn tăn tạo ra muôn ngàn mảnh sáng rung động, trên một bề dài song song với dải đất của Thánh địa khoảng ba cây số, thật là một cảnh tượng mà tôi chưa bao giờ được thấy ở bất kỳ nơi nào khác trên quê hương mình.

Trong lúc đó trên bờ hàng trăm ngàn người chen chúc nhau đi, hay tìm một chỗ để nhìn ra sông xem bè thủy lục, có người rớt luôn xuống nước... Giữa tiếng đọc kinh giảng vang lên từ các bè thủy lục, bỗng có những tiếng pháo thăng thiên nổ, tung từng cụm sáng ngũ sắc lên nền trời. Các em tôi, và chính tôi, ở cái tuổi còn thơ ngây lúc đó, thật là một dịp được xem cho thích mắt... trước khi ngủ để mai thức sớm đi hành lễ.

Sinh hoạt ngày đại lễ

Khác hẳn với cảnh trí muôn màu sắc tung bừng hôm qua, hôm nay Thánh địa thật trang nghiêm. Mọi người trở lại với bản phận chính yếu là đi hành lễ. Từng đoàn người, đặc biệt các Ban trị sự Phật giáo

Hòa Hảo từ các nơi khắp miền Tây về đây, đồng phục khăn đóng áo dài đen, xếp hàng theo sau người đại diện Tổ đình, lúc đó là Ông Út Nông và Cô Năm Huỳnh Thị Kim Biên em của Đức Thầy; rồi Ban trị sự Trung ương, quan khách, chánh quyền, ngoại giao đoàn... đang đi bộ tới địa điểm hành lễ ở An Hòa Tự, một ngôi chùa cổ đã có sẵn tại làng...

Khách hành hương có dịp xem các phòng triển lãm. Tôi chú ý nhất đến khu triển lãm tranh của họa sĩ Hà Khê đã đem từ Ấn Độ về, qua một chuyến đi tìm đề tài theo các dấu chân của Đức Thích Ca, từ nơi Ngài đản sanh ở Lâm Tì Ni bên Nepal; nơi Ngài mộ đạo, Ni Liên Thiên; nơi Ngài thành đạo, Bồ Đề Đạo Tràng; nơi thuyết pháp lần đầu, vườn Lộc Uyển, Linh Thứu Sơn; nơi Ngài tịch lần cuối cùng và nơi Ngài tịch diệt; cùng với những cảnh sông Hằng, thành phố cổ Benarès... Họa sĩ Hà Khê đã tâm nguyện đi xứ Phật để vẽ lại các dấu tích Phật đem về vừa làm phong phú nghệ thuật, vừa dùng tranh làm tài liệu trong các lớp đào tạo giảng viên truyền đạo, khi ông đảm nhận chức Phó Trưởng ban Phổ thông Giáo lý Trung ương... Những khóa giảng về cuộc đời Đức Thích Ca đã làm say mê nhiều người. Và Họa sĩ Hà

Khê cũng đã đem các tranh đó đến thuyết trình và triển lãm ở nhiều trường đại học.

Tôi còn thích thú đến dự một lớp huấn luyện đạo cho các em thiếu nhi. Đáng chú ý nhất là đến phần thi đọc giảng. Giảng viên chỉ đọc một câu giảng nào đó, rồi hỏi các em có biết câu đó thuộc đoạn nào trong kinh giảng Đức Thầy, em nào nói trúng trước thì được khen, nhưng phần sau quan trọng hơn, là phải giải thích ý nghĩa, nếu không hiểu thì giảng viên cắt nghĩa cho tất cả đều nghe. Hào hứng nhất là thi đọc kế tiếp câu đó, em nào thuộc được nhiều câu sau đó thì được ban khen. Tôi lấy làm lạ có em khoảng mười, mười hai tuổi mà dám đọc luôn một lần hàng chục câu, sau khi giảng viên khởi đọc một câu.

Sau khi hành lễ tại An Hòa Tự, chúng tôi về Tổ đình. Tôi rất cảm động khi trở lại nơi tôi đã từng được sống những ngày còn thơ, trước khi đi học. Ba mẹ tôi thường lui tới đó, sau khi quy y làm tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Cũng tại nơi đây Ba tôi thường đến làm công tác giáo sự, còn tôi thì được chơi vui dưới những hàng dừa rợp mát trong vườn. Tổ đình vẫn y nguyên không thay đổi, hai hàng bàn dài tại nhà khách vẫn còn đó để đãi khách dùng cơm chay khi về

hành lễ; những cây điệp hoa đỏ, những lu nước mưa trong vát để ai cũng có thể uống khi đông người. Sau đó chúng tôi ra thăm phần mộ Đức Ông, ngay phía sau Tổ đình, chỗ nào cũng toàn là người chen chúc nhau hành hương.

Buổi trưa là lúc các em tôi thấp thỏm đợi chờ, vì được hứa dẫn đi ăn cơm khôi trả tiền tại các trạm ăn. Có năm trạm ăn thật lớn tại vùng Thánh địa, mỗi năm khoản đãi khoảng hai triệu phần ăn trong ba ngày lễ, vì có khoảng từ ba trăm ngàn người về dự, đãi sáu bữa trong một ngày, cho nên bất cứ lúc nào, các nơi đây đều nhộn nhịp. Những đội tình nguyện phân công nhau nấu những chảo cơm to tướng, những nồi canh, nồi kho tướng chừng cả mấy trăm người ăn cũng không hết, nhưng vẫn không đáp ứng đủ vì thực khách đông quá. Ai cũng có quyền đến ăn, và ăn bất cứ lúc nào, ăn bao nhiêu cũng không giới hạn. Đặc biệt chỉ có ăn chay mà thôi.

Nguồn tiếp tế các loại rau quả, gạo, củi cho dịch vụ này cũng khá quan trọng, đồng đạo ở khắp các tỉnh miền Tây đều ý thức như một thói quen cứ đến dịp này là tự động chở bầu, bí, rau, cải, bắp, gạo, củi, nước tương, chao, vôn vôn, về trao lại các ban

quản trị trạm ăn. Chúng tôi ăn thật ngon lành vì đôi bụng cũng có, mà vì lạ miệng cũng có, lại trong một khung cảnh rất đặc biệt nhìn ai cũng thấy ăn ngon lành mà mình bắt thèm. Tôi cứ ngồi nghĩ lẩn thẩn: làm sao mà có thể lo cho xuê, nếu không có một tinh thần tự nguyện cao độ?

Gia đình chúng tôi ở Thánh địa cho đến ngày hôm sau mới ra về. Rời làng Hòa Hảo nhưng lòng tôi vẫn còn quyến luyến, muốn ở lại thêm ít lâu, vì cô bác, bạn bè tôi ở đây nhiều quá... Đồng đạo của ba mẹ tôi ai cũng coi tôi là con cháu, thành ra bà con sao mà đông vô cùng, đúng là như lời Đức Thầy có nói: “*Khấp bốn biển liên dây hòa hảo*”.

Hôm nay ngồi ở một nơi không phải quê hương mình, tôi cố ghi lại những hình ảnh sống động của một ngày Đại lễ 18 tháng 5 cách đây đã mấy mươi năm rồi. Trí nhớ như phai đi, không còn ghi lại được tất cả chi tiết mà mình trù mên muốn giữ lại, nhưng cảm nghĩ về quê hương, về Đức Thầy, về nền Đạo, về Thánh địa, về tất cả dĩ vãng, như làm sống lại một sức sống, một đức tin mãnh liệt trong tôi mà tôi tin rằng sẽ không bao giờ phai nhạt được...

Tôi cầu nguyện Ông Trên cho ngọn bút yếu mềm của tôi có thêm năng lực để phục vụ Quê hương, Đạo pháp, cùng góp sức với đồng bào, đồng đạo phục vụ dân tộc Việt Nam, để mọi người dân luôn được sống những ngày thanh bình hòa lạc, trên đất nước thân yêu.

VIỆT NAM RỒI SẼ THANH BÌNH

(Viết nhân ngày lễ Đản sanh Đức Thầy)

Quê hương Việt Nam! Quê hương Việt Nam lúc nào cũng âm vang trong lòng tôi. Đó là lời mời gọi thiết tha nhất mà tôi luôn mong muốn có ngày trở lại để sống, để thở, để uống những ngụm nước ngọt ngào mát lên từ dòng sông Cửu Long.

Thật êm đềm làm sao những buổi rong chơi nô đùa trên các bờ đê, nhìn đồng ruộng với những hạt lúa chín vàng rung rinh trước gió. Hình ảnh các chú bé chăn trâu, bác nông phu chân lấm tay bùn, thật thà chất phác vẫn luôn thân thương đượm tình người.

Tôi sống những ngày thơ ấu nơi ngôi làng nhỏ bên dòng An Giang thật êm đềm, nồng ấm tình tương thân tương ái, mọi người đối xử với nhau như bà con ruột thịt. Thật đúng như tên ngôi làng: Hòa Hảo.

Tôi chỉ biết đến chiến tranh từ khi rời xa mảnh đất thân yêu để rày đây mai đó, theo bước chân của ba mẹ bốn ba nơi xứ người. Xa Việt Nam lúc chỉ mới lên bảy tuổi, tôi cảm thấy lạc lõng giữa nhiều ngôn ngữ lạ. Tại Nam Vang, người ta nói tiếng Miên, tiếng Tàu, tiếng Pháp. Đất lạ quê người gia đình tôi sống với bao nỗi bơ vơ, mất mát, lòng thương nhớ quê cha đất tổ.

Ba mẹ thường hay đọc *Sấm giảng thi văn giáo lý* của Đức Huỳnh Giáo chủ cho tôi nghe. Những câu thơ nói về nỗi ưu tư đến vận nước khiến tôi rung động nhất, như bài “Lo nước”:

*Nước Việt trẻ già mãi ngóng trông,
Ngày nào hưng phục cõi trời Đông.
Lẽ đâu tạo hóa riêng cay độc,
Đày khắc mãi chi giống Lạc Hồng.*

Trong bài “Gọi đoàn thanh niên”, Đức Thầy viết năm 1943 tại Sài Gòn, có những câu tôi học thuộc lòng và xem đó như những lời nhắc nhở:

*Chớ có ngủ li-bì trong mộng,
Đề dân ta mãi sống khốn cùng.*

Và những câu cuối bài thơ:

Hy sinh báo quốc tận trung,

*Dem bầu nhiệt huyết so cùng sắt gang
Việt Nam là giống Hồng Bàng,
Muôn đời xa lánh tai nạn diệt vong.*

Ba tôi thường ngâm bài “Gọi đoàn chiến sĩ”, được Đức Thầy viết vào tháng Tư năm Ất Dậu 1945, vào những buổi chiều với khuôn mặt đăm chiêu xúc động:

*Hãy tỉnh giấc hồi muôn ngàn tráng sĩ,
Nhìn thời xưa hùng vĩ nước nhà ta.
Bắc Nam một dải san hà,
Mồ hôi giọt máu ông cha tài bồi.*

Và:

*Nay vận nước đến hồi thịnh thái,
Chí anh hùng ta hãy noi gương.
Một mai nước được phú cường,
Tám thân tráng sĩ cột rường nhà Nam.*

Với giọng thanh tao mẹ tôi hay ngâm bài “Gọi đoàn phụ nữ”, mà Đức Thầy viết cùng năm đó tại Sài Gòn, mỗi khi chải tóc cho tôi, hay ôm tôi vào lòng:

*Chị em ôi,
Bắc Nam là một,
Chị em là rường cột giống nòi.
Giở sử xanh Nam Việt mà coi,*

*Giương Trung, Triệu còn roi muôn thuở.
Chẳng có lẽ xưa hay mà nay dở,
Khiếp nhược là cái có vong gia.
Chỉ anh hùng của khách quần thoa,
Đâu có kém bực tu mi nam tử.
Sách Thánh Hiền truyền lưu mấy chữ,
Thất phu còn trách nhiệm với non sông.
Cả tiếng kêu bạn gái má hồng,
Dem son phấn điểm tô Tổ quốc.*

Gia đình tôi may mắn từ Cao Miên được trở lại quê hương sau mười năm xa cách. Tôi và các em được cấp sách đến trường học tiếng Việt, sống với đồng bào ruột thịt của mình. Nhưng sau đó lại một lần nữa phải rời xa đất tổ, ly hương xa cách.

Nay tuy đã sống nơi xứ người gần mấy mươi năm, nhưng tình yêu quê hương đồng bào ruột thịt của tôi lại càng phát triển mạnh mẽ, đậm đà hơn bao giờ hết. Với niềm tin tuyệt đối nơi tôn giáo, tôi chắc chắn rằng nước Việt Nam của chúng ta sẽ được thanh bình an lạc.

Trong bài “Khuyến nông” viết tại Sài Gòn năm 1945, Đức Huỳnh Giáo chủ đã khuyến khích nông gia ở các tỉnh miền Tây Nam phần như sau:

*Cả kêu diền chủ phu nông,
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang.
Muốn cứu khỏi tai nạn của nước,
No dạ dày là chước đầu tiên.
Nam Kỳ đâu phải sống riêng,
Mà còn cung cấp cho miền Bắc, Trung.*

Ngài ân cần dặn dò:

*Gởi một tác lòng son nhắn nhủ,
Khuyên đồng bào hãy rủ cho đông.
Nắm tay trở lại cánh đồng,
Cần lao, nhẫn nại Lạc Long tổ truyền.*

Và còn khuyên:

*Dẫu những kẻ vô tình với nước,
Cũng tỉnh hồn mơ ước tự do.
Tiếng vang độc lập reo hò,
Từ Nam chí Bắc nung lò khí thiêng.*

Theo Ngài, khi nào người Việt Nam cùng một lòng với nhau, quê hương ta sẽ được tự do thanh bình. Trong bài “Tặng đoàn thanh niên ái quốc”, viết năm 1943, Đức Huỳnh Giáo chủ đã dạy:

*Gương trung nghĩa Thánh Thần cảm động,
Ắt có ngày mở rộng cơ quan.
Từ Nam ra Bắc xa ngàn,*

Nhưng lòng phải một mối toàn mưu hay.

Cũng trong bài này Ngài đã nói về tương lai nước Việt Nam như sau:

Vừa nghe nói Đoàn Thanh Niên Ái Quốc,

Lòng sĩ tăng bỗng bật sự vui say.

Ấu là Trời đã sẵn bày,

Non sông chìm đắm có ngày phục hưng.

Khắp Á Đông tung bùng náo nhiệt,

Nô nức nhau kiến thiết quốc gia.

Kẻ sang hải ngoại về nhà,

Người trong tăng lũ cũng là ước ao.

Những lời dạy thực tế mà sâu sắc của Đức Huỳnh Giáo chủ đã ảnh hưởng sâu đậm vào tâm hồn tôi từ thuở bé khi sống tại làng Hòa Hảo, và mãi mãi sống động trong tôi như ngọn Đuốc Từ Bi soi đường cho cuộc sống. Với một tín ngưỡng tuyệt đối vào Đấng Thiêng Liêng, tôi tin tưởng đất nước hình chữ S của chúng ta rồi sẽ vượt qua bao khó khăn sóng gió, vững vàng vươn lên, sánh vai cùng các nước láng giềng đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Rồng Thiêng Việt Nam rồi sẽ bay vút lên giữa vòm trời Châu Á.

MÙA ĐÔNG NHỚ LÀNG HÒA HẢO

*(Mến tặng các chị em bạn gái ba miền
Nam, Trung, Bắc)*

Tôi đã trải qua mấy chục mùa Đông, nhưng không có mùa Đông nào tuyệt diệu bằng mùa Đông ở làng Hòa Hảo lúc tôi còn bé.

Những buổi sáng ở Hưng Nhơn, khi ngoài trời còn tối, tôi chọt thức sớm, tung mền, chạy nhanh về hướng nhà bếp, chen tấm thân nhỏ nhắn của mình vào để được ngồi chung với cô bác anh chị em đang ngồi quanh lò lửa sáng rực, thơm nồng mùi bắp nướng hay khoai lang đang được vùi sâu dưới lớp tro nóng.

Khuôn mặt mọi người ửng hồng, tay chân, quần áo ấm áp. Chiếc lò lớn đang phùng phùng cháy. Lâu lâu, khi ngọn lửa yếu đi thì một người

đứng lên, cầm chiếc xuồng nhỏ, xúc trấu đổ vào lò. Thế là ngọn lửa lại bùng lên, sáng rực. Tiếng trấu nổ lách tách, những tia lửa nhỏ bắn ra làm cho tôi cảm thấy thích thú như được mẹ dắt đi xem pháo bông trong những ngày Tết sắp đến.

Căn nhà lớn của dựng Hai Họa Đồ Tố của tôi được xây bằng đất sét trộn rơm, có phết vôi trắng, là nơi trú ẩn của nhiều gia đình tản cư đến từ tha phương, trong đó có gia đình của bác Hà, bác Hùng và cô chú bà con bên nội tôi di cư từ miền Bắc xa xôi vào tận làng Hòa Hảo ở miền Tây Nam Việt.

Lúc đó tôi còn bé bỏng quá! Không thắc mắc gì về sự khác biệt của giọng nói kẻ Nam người Bắc mà chỉ biết cùng các chị em chơi đùa thỏa thích. Nào là bắt bướm, hái hoa, đua nhau chạy vào vườn giành hái mận, ổi, trứng cá, nhãn lồng..., hoặc liệng sỏi vào hồ nước cho cá vẩy vùng lên làm nước bắn tung tóe, rồi cùng nhau vỗ tay cười vang.

Với một tâm hồn trong trắng hồn nhiên, tôi không biết đến hận thù, chiến tranh khi sống tại ngôi làng hiền lành này, nơi mọi người đối xử với nhau như anh em một nhà. Khi đến tuổi đi học, mỗi buổi sáng tôi và các anh chị em cùng lứa cắp sách đi bộ

theo đường làng đến trường. Tôi nhớ những hàng rào bông búp, những cây bông trang, bông vạn thọ hay bông huệ trồng quanh bàn thông thiên, tỏa hương thơm nhẹ vào những buổi sớm tinh sương.

Tôi nhớ từng lu nước mưa trong vắt, nơi chúng tôi thường dừng lại mỗi khi trời nóng đỏ mồ hôi, khát nước. Chúng tôi thường phải nhón chân lên để lấy chiếc lon sữa bò hay cái gáo dừa có cán bằng tre máng trên cây, xong chôm lên miệng lu múc nước thay phiên nhau uống từng ngụm ngọt ngào mát rượi, rồi tiếp tục tung tăng đến trường. Khi được nghỉ trưa đôi khi tôi ăn cơm vắt với ruốc mà người Nam hay gọi là thịt chà bông hay giò lụa do bác Hùng gái của tôi thức sớm nấu cho anh chị tôi mang theo. Tôi rất thích tuy hơi lạ vì cơm được cắt ra từng khoanh để cầm ăn chứ không để trong chén như người miền Nam.

Không có gì đáng nhớ rõ cho bằng những kỷ niệm ấu thơ nơi làng Hòa Hảo. Từ cảnh vật cho đến con người lúc nào cũng hiện lên thật sống động y như tôi vừa về thăm làng ngày hôm qua. Có lẽ khi mình nghĩ thường xuyên đến điều gì hay nơi nào thì ký ức ngày càng trở lại một cách rõ rệt.

Tôi nhớ hoài hình dáng dịu dàng của cô giáo lớp Năm trường Tiểu học Hòa Hảo. Tôi thương và nhớ mãi lời giảng dịu dàng trầm ấm của cô về công ơn ông bà cha mẹ và bốn phận của con trẻ lúc trưởng thành. Có ai biết rằng những điều ân cô giảng dạy đã được một cô học trò mới đi học, chưa biết chữ, như tôi, ghi sâu vào tận đáy lòng.

Tôi lớn dần theo năm tháng và không còn cái may mắn được ở làng Hòa Hảo mà chỉ có dịp về thăm trong những kỳ Đại lễ 18 tháng 5, ngày Đức Thầy khai sáng Phật giáo Hòa Hảo. Tôi thường được ba hay mẹ đọc cho nghe Thi văn giáo lý của Đức Thầy. Rồi dần dần lớn lên, tôi biết đọc, biết viết và biết tự mình tìm đọc kinh, giảng, tìm hiểu Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo. Những lời thơ giản dị đầy lòng từ bi của Đức Huỳnh Giáo chủ khuyên tín đồ phải hiếu thảo yêu kính ông bà cha mẹ luôn là lời nhắc nhở đối với tôi. Bài “Giải thoát Cửu Huyền” viết tại Bạc Liêu năm Tân Ty 1941 trong quyển *Sám giảng thi văn giáo lý*, Ngài đã dạy tín đồ:

*Rán tu đắc đạo cứu Cửu Huyền,
Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên.
Ngõ đáp ơn dày công sáng tạo,
Cho ta hình vóc học cơ huyền.*

Trong *Sám giảng* quyển nhì, “Kệ dân của Người Khùng”, Ngài đã nhắc nhở:

*Tưởng nhớ Phật như ăn cơm bữa,
Vọng Cửu Huyền sớm tối mới mau.
Chữ Nam Mô đẹp được lòng sâu,
Sau thấy được nhà Tiên cửa Thánh.*

Lời dạy của Đức Thầy như được in sâu trong tâm não tôi với những câu như:

*Con người có Tổ có Tông,
Học hay chữ nghĩa sao không phượng thờ?
Hiếu trung chuyện tích sờ sờ,
Người đời phải biết phượng thờ Mẹ Cha.*

Đối với Đất Nước, Ngài đã dạy phải noi gương Hai Bà Trưng và Bà Triệu qua những câu thơ trong bài “Gọi đoàn phụ nữ” viết năm Ất Dậu 1945:

*Chị em ơi, Bắc Nam là một,
Chị em là rường cột giống nòi.
Giờ sử xanh Nam Việt mà coi,
Gương Trưng, Triệu còn roi muôn thuở.*

Trong kinh giảng, thi thơ, Ngài luôn nhắc người Việt Nam nên thương yêu đoàn kết với

nhau. Trong bài “Tiếng chuông cảnh tỉnh” viết tại miền Đông 1946, Ngài kêu gọi:

*Thù riêng muôn vạn cho cam,
Cũng nên gác bỏ để làm nghĩa công.
Khắp Bắc Nam Lạc Hồng một giống,
Tha thứ nhau để sống cùng nhau.*

Và:

*Hỡi những kẻ có lòng yêu nước,
Nghe lời khuyên tỉnh được giấc mê.
Anh em lớn nhỏ quày về,
Hiệp nhau một khối chớ hề phân ly.*

Đức Huỳnh Giáo chủ còn khuyên dạy chúng ta hãy trở lại nòi giống của mình trong bài “Lấy chồng Chệt” mà Ngài đã viết tại miền Đông năm 1946:

*Than ít tiếng gọi hồn chủng loại,
Việt Nam! Người Việt Nam mau trở lại!
Yêu giống nòi có phải hơn không?
Dầu sao cũng giống Lạc Hồng!*

Tình yêu đồng bào nhân loại, sự quyết tâm phổ truyền đạo lý để phục vụ dân tộc và đạo pháp của Đức Thầy luôn là kim chỉ nam trong hành trình tiến tới tương lai của cuộc đời tôi. Trong bài

thi “Đến làng Nhơn Nghĩa” viết tại Cần Thơ năm Canh Thìn 1940, Đức Huỳnh Giáo chủ nói lên sự quyết tâm cứu nước để mang lại hòa bình, an lạc cho quê hương mình:

*Lê dân trăm họ xáo xào,
Rã rời phụ tử, máu đào nhuộm tuôn.
Thương quá sức bất cưỡng tâm não,
Quyết cứu người dùng Đạo phổ thông.
Ước mơ cho được đại đồng,
Trần trề khắp cả, Lạc Hồng thành thoi.*

Bài thơ “Tình yêu” của Đức Thầy viết tại miền Đông năm 1946 diễn đạt một tình thương đại đồng cao cả, và từ khi khôn lớn tôi nhận thấy dường như không một đồng đạo nào mà không yêu kính bài thơ này:

*Ta có tình yêu rất đượm nồng,
Yêu đời yêu lẫn cả non sông.
Tình yêu chan chứa trên hoàn vũ,
Không thể yêu riêng khách má hồng.
Nếu khách má hồng muốn được yêu,
Thì trong tâm chí hãy xoay chiều.
Hướng về phụng sự cho nhơn loại,
Sẽ gặp tình Ta trong khối yêu.*

*Ta đã đa mang một khối tình,
Đường như thế hải với sơn minh.
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả,
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh.*

2 THEO DẤU CHÂN MẸ

MẸ LÀ QUÊ HƯƠNG

Trong đời tôi không có nỗi lo sợ nào cho bằng lo sợ mất mẹ. Tôi còn nhớ lúc mười một, mười hai tuổi, tôi phải sống xa ba mẹ vì lúc đó ba mẹ tôi phải sống lưu vong tại Cao Miên, còn tôi thì phải sống ở Việt Nam vì ba mẹ muốn tôi theo học trường Việt. Nỗi sợ có thể bắt đầu từ giai đoạn cô đơn đó. Nhưng cũng có thể nỗi sợ đến từ sự gắn bó, thương yêu, và tôn kính mẹ.

Khi còn nhỏ, nhiều đêm trước khi đi ngủ tôi thường hay nghĩ đến mẹ và hay tưởng tượng lúc mẹ mất. Nước mắt tôi tràn ra và tôi nhất quyết nếu mẹ chết tôi sẽ chết theo, sẽ nhảy vào mồ để được chôn chung. Đến khi lớn tuổi rồi, tình thương mẹ vẫn rạt rào sâu đậm, và tôi thường tự hỏi nếu mẹ

mắt tôi phải làm sao, chắc là không chết theo được vì tôi cũng có con và thương yêu chúng như mẹ tôi thương tôi vậy. Mỗi khi nhìn tóc mẹ ngày càng bạc nhiều hơn, da mẹ nhăn hơn, tim tôi se thắt, những giờ phút bên cạnh mẹ đối với tôi giờ đây quý giá vô cùng.

Mẹ là sự hiện diện của cả một quá khứ Việt Nam, với những kỷ niệm bình yên, đẹp đẽ của quê hương tôi. Cả hai thế hệ mẹ và tôi đều sống trong chiến tranh. Tôi không quên được những lũy tre già, buồng cau, vườn trầu, những buổi tối quanh quẩn dưới cây trứng cá. Những buổi sáng tôi nhìn ánh bình minh trên sông Tiền Giang, ánh nước lóng lánh, với những chiếc ghe, xuồng ngược xuôi, những người dân quê mộc mạc trong chiếc áo đen tay vịn chiếc nón lá, miệng nở nụ cười hiền hòa. Tôi nhớ mãi những buổi trưa ôm thân cây chuối lội bì bõm dưới sông hay ngồi trên sạp tre, ăn bắp rang, nhìn con heo nái mập bự đang cho đàn con bú.

Mẹ cùng Ba đã lặn lội, vượt trải qua bao khó nhọc, lúc nào cũng quan tâm bảo bọc cho tôi, cố tìm đưa tôi đến nơi nào tốt lành nhất, giúp cho tôi phát

huy được tối đa tiềm năng cả về thể chất lẫn tinh thần, về đời, về Đạo. Nhờ đó, tôi đã được dắt dìu về sống tại làng Hòa Hảo từ lúc thơ ấu, để được thấm nhuần hơi ấm của quê hương, nuôi dưỡng hạt giống Đạo ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc đời.

Tôi được hun đúc bằng nếp sống Đạo hàng ngày, và mẹ đã bỏ biết bao công lao nuôi nấng, dạy dỗ, không những bằng hành động, nếp sống, sự chở che, sự nhắc nhở, các câu chuyện kể, mà còn bằng một tấm gương trong đời sống hàng ngày.

Chuyện làng Hòa Hảo, đối với mẹ tôi, là một đề tài vô tận, kể không bao giờ hết.

Khi còn con gái mẹ thường lên nhà Đức Ông, thân sanh của Đức Thầy để làm công quả. Mẹ, cô Năm Biên, em Đức Thầy và cô Năm Kiệt là ba người bạn kết thân với nhau. Ba người ngủ chung một mùng, ăn chung một mâm, quần áo cũng đổi nhau mặc chung. Thờ đó ai cũng mặc màu đà hoặc màu đen. Mỗi lần làm công chuyện hay đi cúng ba cô cùng đi một lượt. Khi cúng xong cùng ngồi niệm Phật chung một phòng.

Mỗi ngày vào khoảng năm giờ sáng ba người thức dậy thay phiên nhau nấu nước pha trà cho

Ông Bà dùng, có lúc bóp tay chân cho Ông Bà, thật là thương hết sức.

Đó là khoảng thời gian mẹ học ở trường nữ công ngành trường Tôn Thọ Tường, Sài Gòn. Các giáo sư Pháp dạy thêu may và làm bánh mứt. Mỗi năm trường đều có triển lãm. Mỗi lần hè hay vào dịp lễ là mẹ về làng Hòa Hảo.

Mẹ kể, bàn tay mẹ nhỏ xíu thường hay thêu thùa mà mẹ cũng đi chùi nồi bằng trấu. Có lần Đức Ông bảo mẹ gánh nước thử mẹ bèn biểu anh gánh nước đặt đôi gánh nước xuống, mẹ kê vai gánh thử thì nặng ơi là nặng! Vì gia đình khá giả từ nhỏ đến lớn, không quen làm việc nặng nên mẹ gánh không nổi. Đức Ông Đức Bà thương mẹ lắm, Ông Bà nói mẹ hiền, thiệt thà, siêng năng lo làm công chuyện. Mỗi ngày mẹ lau chùi bàn Phật, nói giảng. Vào thời kỳ này chánh quyền hay dòm ngó nên ít ai đến Tổ đình. Những người thân lắm thì mình mới đọc giảng cho nghe chớ không dám công khai như về sau này. Lúc đó Tây đang buộc Đức Thầy phải đi xa, biệt cư.

Mẹ giải thích mặc dù là con nhà giàu nhưng khi đã theo Đạo, nghe lời Thầy dạy, tu thì phải

hi sinh tất cả tinh thần lẫn vật chất nên mẹ mặc áo vạt miếng màu đà, quần vải đen. Khi làm công quả cũng bỏ guốc, bỏ dép, đi chân không như mọi người. Có điều mẹ cười khi kể với tôi: “Lúc đó ở làng phải nữ mặc xú chiêng bị người ta cười dữ lắm, nên mẹ may áo lót là một miếng vải ngang, kết ba chục cái nút gài cho ngực sát lại. Mỗi lần giặt là phải phơi chỗ kín đáo. Quần thì phải mặc quần lá nem chứ không may quần đáy giữa. Áo thì đơm nút ốc chứ không đơm nút bóp. Tóc phải chải thẳng lên chứ chải bầy ba cũng bị cười, cũng không để móng tay dài...”.

Đến giai đoạn Thổ dậy thì dân làng tại đó bảo vệ nhau hết sức tận tình. Anh em đồng đạo coi nhau như ruột thịt. Nhà ai có đau ốm thì đến cạo gió hay giúp đỡ chuyện nọ chuyện kia. Có lúc dân chúng bị bệnh thổ tả thì trong làng tổ chức một ban chẩn tế. Hễ nhà ai có bệnh thì gõ mõ. Ban chẩn tế đến nhà cạo gió, cho uống thuốc do Đức Thầy ra toa. Họ bỏ thuốc chuyền đi khắp nơi trong làng và pha thật nhiều để cứu bệnh. Hễ ai bị ói mửa tiêu chảy uống thuốc vào thì hết. Mẹ nói năm đó ghê quá. Còn mỗi lần Tây “bó” thì anh em trong làng chạy xe đạp la lên. Nhà ai có con gái đẹp thì lo đi

trốn. Mẹ và dì Hai Bắc đi xuống mé sông dưới bến của Tổ đình. Nơi này sóng vỗ lâu ngày đất lở nên có chỗ hõm vô. Mẹ và dì Hai vô đó ngồi, kéo lục bình che bên ngoài. Khi nào các anh liên lạc cho hay Tây đi rồi thì mới leo lên.

Phải nói là mẹ có tài kể chuyện, giản dị mà thu hút, hấp dẫn mà dí dỏm. Chuyện gì cũng có thể khiến tôi cười.

Đôi khi mẹ thuật lại giai đoạn còn bé, lúc lên Sài Gòn đi học nữ công. Mẹ cũng kể chuyện đi kèm đi học École Primaire, sau này là trường tiểu học Long Xuyên. Đến bây giờ đã trên năm mươi năm qua mà mỗi lần nhắc đến thầy cô, mẹ vẫn còn thương kính. Mẹ học với cô Ba Giáp, Cô Phán và cô Năm Lập (vợ thứ hai của nhà văn Nguyễn Hiến Lê). Mẹ học môn nào cũng khá, chỉ trừ môn toán rất dở vì không thích tính toán, nhưng lại vẽ giỏi và thêu thùa rất khéo. Các cô giáo thường mượn mẹ thêu khăn để tặng bạn. Bà Mười không tin tài mẹ, hề thấy mẹ điếm cao là bắt mẹ vẽ lại ở nhà.

Hồi nhỏ mẹ có chí tu nên trong phòng mẹ để hình Phật Bà, mỗi ngày cúng lạy bốn thời: Năm giờ sáng, mười hai giờ trưa, năm giờ chiều và

mười hai giờ khuya. Tối trước khi đi ngủ, mẹ ngồi kiết già niệm Phật ngay trong phòng.

Khi tựu trường, mẹ ở trọ nhà thầy giáo Cứ và cô giáo Hoa. Mẹ kể: “Hồi đó khác bây giờ. Từ ngày người Bắc di cư vào Nam, học sinh sinh viên mới mặc áo dài đi học. Còn thời của mẹ, Pháp thuộc, học trò mặc đồ bà ba trắng, ủi có nếp đàng hoàng, xách cặp táp, kẹp nách thêm cây dù che nắng, che mưa”.

Nơi mẹ ở trọ có rất đông học sinh. Con trai ở trên lầu, con gái tầng dưới. Mỗi giường ngủ có bốn cô con gái. Lúc tan học về nhà ăn cơm, các cô lo dọn bàn, bung cơm và đồ ăn. Mấy cậu trai lo gấp tôm tép, đồ xào chôn dưới chén, bới cơm lên trên. Các cô con gái phần chậm chạp, phần sợ cô giáo không dám nói, nên có nhiều bữa ăn cơm không, hoặc chan nước cá kho còn dư.

Mẹ cười khi kể chuyện các trò con trai. Buổi tối các cậu ngồi học bài cho thầy cô thấy mặt rồi đi đâu mất. Khi thầy cô soạn bài, sửa bài xong thấy vắng các cậu thì xách roi mây dờ mùng kê từng người một. Thầy cô thấy họ đắp mền đàng hoàng mà kê hoài không ai nhúc nhích gì hết nên kêu

mền lên, thấy bên dưới toàn là gói ôm. Thầy cô làm tỉnh đợi khi các cậu leo cửa sổ về, chun vô mừng đắp mền xong mới kêu ra hỏi tội. Thì ra các cậu trốn đi xem hát bóng. Thế rồi thầy cô kêu nằm dài ra, đét vào đít mỗi cậu hai roi.

Mẹ kể đến đây lòng bồi hồi xúc động nhớ các anh em bạn học thuở xưa mà rơi nước mắt. Tôi hỏi mẹ tại sao buồn thì mẹ nói: “Nghĩ mà tội nghiệp lắm con ơi! Trong những cậu đó, về sau này có nhiều người chết vì chiến tranh đó con. Thôi đừng nhắc chuyện buồn xưa đó nữa. Nó chứa biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn. Thời loạn con ạ! Bây giờ mình ở Mỹ ăn đủ thứ. Mẹ ưa ăn hủ tiếu mà mẹ thấy nhiều thịt mẹ ớn quá con ạ!”.

So sánh lại thời mẹ mười mấy tuổi ở Long Xuyên, mỗi tuần mới ăn một tô hủ tiếu của chú Sinh người Tàu. Chú đẩy một cái xe ba bánh, phía trước chính giữa có cái thùng nước lèo, chung quanh để thịt và gia vị, rau, hẹ, bánh... Xe có lợp mui vải che nắng, mưa. Chú bán một tô hai đồng xu, nếu thêm thịt thì hai đồng xu rưỡi. Chú Sinh để hủ tiếu và vài miếng thịt heo vô tô đá, thêm hai miếng gan, một miếng tim, một chút thịt bằm, chế

nước súp vô. Xong để hành họ, một chút xì lách son, xịt chút xì dầu, rắc tí tiêu. Vậy mà ngon hết sức. Đâu phải vậy xong đâu con. Còn cách ăn có nghệ thuật nữa. Lúc còn nhỏ không làm gì cho ra tiền nên mẹ ăn xài kỹ lắm, cho xứng với đồng tiền bát gạo mà lại thích thú nữa. Mẹ bung tô hủ tiếu ngồi bên cạnh bạn ở lê đường, gắp thịt, gan, tim để một bên rồi ăn hủ tiếu trước. Mẹ tính ăn xong rồi thưởng thức các miếng thịt cho ngon. Ai dè mấy người bạn rình mẹ ăn xong hủ tiếu, họ gắp thịt, tim gan trong tô của mẹ ăn hết rồi cười âm lên. Mẹ nghĩ lại thời thơ ấu thật là sung sướng, không bận tâm lo nghĩ”.

Mẹ lại kể tiếp: “Các con đừng cười. Hồi nhỏ mẹ cũng chơi nhà chòi như các con. Thứ bảy về nhà mẹ bung quần áo xuống sông chỗ cầu Henry, bây giờ là cầu Hoàng Diệu, chỗ đôn Sơn Đá của Pháp để giặt đồ. Chủ nhật mẹ cất nhà chòi lợp bằng lá chuối, rồi cất lá bạc hà làm nón. Trước nhà mẹ ở đường Gia Long có cái rạch, từ ngoài đường vào nhà phải qua cái cầu. Mẹ xuống rạch cất lục bình, lấy khúc giữa làm bánh mì, rồi ngồi bán bánh mì suốt ngày vui lắm”.

“Con biết không, đến bây giờ nhắc lại chuyện xưa mà lòng mẹ vẫn còn thương kính các thầy cô. Sau này dù lớn tuổi cũng vậy, gặp cô giáo mẹ vẫn khoanh tay, cúi đầu chào đàng hoàng. Mẹ thấy tình thầy trò không hề phai nhạt. Mẹ cảm thấy xúc động, sợ sệt, khấp nép như hồi còn đi học”.

Vậy mà mấy mươi năm qua tôi đã đánh mất thì giờ quý giá bên cạnh mẹ quá nhiều. Có lẽ do tôi khác khẩu với mẹ nên hay cãi lại mẹ lắm. Sở thích của tôi và mẹ khác nhau và đôi khi sự suy nghĩ cũng không giống nhau.

Ngày nay tôi chấp nhận hết những gì mẹ thích và mẹ nghĩ. Mỗi người có quyền suy tư riêng, miễn sao xuất phát từ một nền tảng từ ái vững chắc. Điều này tôi hoàn toàn tin nơi mẹ.

Càng lớn tuổi, tôi càng hay nghĩ nếu điều gì làm cho mẹ buồn, mẹ giận có thể sẽ khiến mẹ đau và như vậy sẽ giảm tuổi thọ. Tôi cứ suy nghĩ vậy mãi, cho đến lúc nhận ra được những giây phút gần bên mẹ đối với tôi hiện nay là những giây phút *thiền quán*. Tôi luôn luôn theo dõi tôi để biết những lời nói, hành động, cử chỉ của tôi không làm buồn lòng mẹ, và để không còn có sự bào chữa

rằng tôi đã vô tình làm cho mẹ buồn như nhiều năm qua nữa.

Chúng ta được sanh ra và lớn lên bởi bầu sữa mẹ Việt Nam, được nuôi dưỡng bởi những ngọn rau, những dòng sông ngọt ngào của đất nước. Sự hiện diện của ta nơi nào là đất nước Việt Nam ở nơi đó. Có ai thương yêu mẹ mà không thương quê hương của mình vì mẹ là người đã mang lại sự hiện diện của ta trên mặt đất này. Nếu chúng ta quên cội, quên nguồn bỏ quê hương mình thì tiếc thay cho sự hi sinh, đau đớn, banh da xẻ thịt của mẹ để có ta.

Tôi biết một ngày nào đó mẹ tôi sẽ mất nhưng sự hiện diện của mẹ vẫn còn mãi mãi. Đó là sự hiện hữu của đất nước Việt Nam. Tôi sẽ noi gương mẹ để cho đất nước tôi mãi mãi được tồn tại, lớn mạnh bằng cách truyền đạt tình yêu thương của người mẹ, của quê hương Việt Nam cho hai con tôi. Chúng sẽ không cảm nhận được tình yêu quê hương nếu chưa cảm nhận được tình yêu của mẹ chúng. Chúng không rung động được khi nghe những bài hát, lời nói bằng tiếng Việt nếu chúng không nói, không hiểu và không đọc được ngôn ngữ Việt. Sự không nói, không nghe, không đọc

được ngôn ngữ Việt sẽ khiến sinh ra mặc cảm và từ mặc cảm đó chúng tách rời cộng đồng Việt.

Chúng ta, các thế hệ trưởng thành đã được nuôi dưỡng, sanh thành từ mảnh đất mẹ, có bốn phận thiêng liêng vun bồi những mảnh đất mới, bé bỏng, lẻ loi để cho mảnh đất chung của chúng ta ngày càng lớn mạnh.

Mùa Vu Lan 1989

ĐOẠN ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG

Bỏ lại sau lưng gần hai mươi chiếc xe nối đuôi nhau xếp hàng, tôi thở phào nhẹ nhõm thả từ từ cho xe vào bãi đậu, tắt máy. Chân chừ chưa chịu mở cửa, tôi cứ luyên tiết mãi hơi ấm trong xe. Tì khuỷu tay lên tay lái, hai bàn tay mang găng chụm lại nâng cằm, tôi nhìn ra ngoài trời.

 Gió rít thổi mang từng mảng tuyết vỡ bay cuộn cuộn, xoay tròn giữa mặt lộ, hoặc đổ ập lên những người đang đi bộ trên lề đường, làm họ vừa đi vừa co rúm lại, đầu cúi thấp, hai tay kéo cao cổ áo, hoặc ghì chiếc nón xuống để che kín hai tai.

 Tôi mỉm cười bảo thầm: “Hôm nay các chàng và các nàng Mỹ mới thấm lạnh đấy”. Tôi so vai

ngĩ đến lúc mình phải bước chân ra khỏi xe và phải chịu đựng cái lạnh cả chục độ dưới số không.

Cái lạnh buốt da và quang cảnh ngoài trời hơi u ám khiến tôi nhớ không khí ấm áp tại quê nhà, nhất là lúc ba má tôi dắt mấy chị em đi nghỉ mát ở bãi biển Vũng Tàu, tôi bỗng thèm được tắm biển làm sao. Tôi thích được nằm dài trên bãi biển ngập nắng, mặc cho sóng biển thỉnh thoảng len vào bờ ve vuốt, vỗ về cả thân người. Tôi thích nằm yên như thế, mặc cho nắng ấm ngấm dần vào cơ thể, mặc cho gió biển lướt nhẹ lên làn da, hít đầy hai buồng phổi mùi biển mặn, tai lắng nghe tiếng sóng biển rì rào. Những lúc đó, tôi thấy trong lòng mình tràn ngập một niềm hạnh phúc, thứ hạnh phúc không bị quấy phá, cảm nhận được khi thấy tâm hồn mình thanh thản.

Tôi bỗng thấy mình ngày nào tung tăng trên bãi sau Vũng Tàu, tay ôm chặt vòng bánh xe nhảy theo từng lượn sóng, và mệt nhoài, bụng đói chạy lên vòi ba mẹ cho một đĩa cua rang muối. Úi chao! Cua rang muối lúc này mới thấy ngon làm sao! Tôi mút kỹ từng cái càng, gặm nhấm từng vỏ cua mà vẫn còn cảm thấy thèm thuồng khi hết đĩa.

Tôi nuốt nước bọt. Hơi lạnh đã bắt đầu ngấm dần vào xe. Tôi rút nhẹ xâu chìa khóa bỏ vào túi, kéo nón phía sau gáy trùm kín đầu, gài cái nút cuối nơi cổ áo, quàng chiếc khăn len ngang miệng rồi vói tay kéo cái túi đựng sách vở, bước vội ra khỏi xe. Tôi như thấy mình bước vào không gian lạnh buốt, không nắng ấm, không có tiếng sóng biển rì rào, mà chỉ có tiếng gió rít từng cơn và tuyết bay mù mịt. Lầm lũi bước và để chống cái lạnh, tôi thở một hơi dài thật mạnh.

Rẽ vào con lộ chính chia đôi khu đại học, tôi thấy dễ chịu hơn vì tuyết không còn tạt vào mặt nữa. Tôi đưa đôi găng len lên vuốt mặt và chợt khám phá ra da mặt con người thật là tuyệt diệu. Chẳng phải mọi người khi ra lạnh, đầu đội nón, tay mang găng, chân hai ba lớp vớ, người thì mặc nhiều lớp quần áo, nhưng lại đưa cái mặt ra đó sao? Chỉ có tôi chịu lạnh đỡ nên phải quàng khăn ngang mũi. Tôi há miệng thở mạnh. Một làn khói trắng bay xuyên qua lớp khăn len, rồi nhiều ngậm khói trắng khác, cứ như mình đang hút thuốc lá. Tôi thường đùa như thế cho quên đi cái lạnh mỗi khi lội bộ đến lớp học vào mùa đông.

Tôi bỗng thích thú với ý nghĩ “Đó ai biết mình là con trai hay con gái?”. Này nhé, hôm nay trời lạnh quá nên tôi mặc áo jacket loại “Dao” của ba. Áo này phồng to và có ngấn, mặc vào trông như quảng cáo vỏ xe hơi Michelin. Đầu tôi lại trùm cái nón dính liền với áo. Cái nón nhọn hoắt trông không giống ai, nhưng nó che ấm mở ác lắm. Tôi mặc quần jeans, loại quần sinh viên thường mặc suốt mùa đông vì ấm và bền. Mỗi khi tuyết tan, đường lầy lội bùn sình thì hai ống quần trông phát khiếp. Nhứt là khi vào lớp chúng khô lại, có những lớp đen và trắng do bùn và chất muối rải trên mặt đường pha trộn, trông lem luốc như tranh sơn thủy.

Nếu có ai để ý lắm mới thấy đôi giày tôi mang, thon và nhọn hơn loại giày “bốt” cao ống của đàn ông. Tôi chợt thấy mười đầu ngón chân của mình lạnh buốt, tê cóng mặc dù đang mang đôi giày loại tốt. Tôi đưa chân lên xem, đôi giày còn nguyên đế vẫn chưa mòn. Tôi nghi chắc hơi lạnh thấm vào chân qua các khe chỉ. Những khe hở nhỏ nhít như vậy mà tai hại ghê. Hai chân tôi bắt đầu tê cứng và buồn buốt như bị muôn ngàn mũi kim châm, có cảm tưởng như mình đang di chuyển trên hai cây nước đá.

Cái lạnh qua mùa đông thứ ba đã làm cho ý muốn định cư tại Minnesota của gia đình tôi lung lay. Mùa đông đã làm cho trẻ con thích thú với các trò chơi, các môn thể thao ngoài trời, nhưng lại làm cho người già phải vật lộn với sự đau nhức của các khớp xương, các đường gân. Hình ảnh hôm nọ ba trượt chân té trong tuyết và mẹ vì đỡ các khớp xương không gượng được khi vấp chân, lăn tuột xuống hầm đã làm cho tôi lo ngại. Với cái lạnh như thế vào mùa đông mà ba mẹ vẫn không quên những buổi lễ ngoài trời vào những ngày lễ Phật hoặc ngày rằm lớn. Nhìn ba mẹ run lập cập đứng khấn nguyện trước bàn thông thiên khói nhang nghi ngút phía trước nhà, tôi cảm thấy thấy xúc động và tự thẹn vì mình không có đủ một đức tin và lòng thành như thế.

Tôi rất thích dọn các lễ vật vào nhà mỗi khi ba mẹ làm lễ xong và nhang đã tàn. Chậu hoa cúc mẹ sợ trời lạnh quá héo đi, nên đã lấy bao ni lông trùm kín. Tôi cẩn thận nhẹ nhàng dỡ ra từ từ. Chậu cúc nhìn vẫn còn nguyên tươi tắn, hoa vẫn vàng, lá vẫn xanh nhưng... cứng đờ. Khoảng chừng mười phút sau, như có phép lạ, chậu cúc đổi màu, hoa lá rũ xuống, thử đung mạnh vào thì nó rơi rụng tả tơi. Cả đĩa trái cây

cũng biến thành nước đá. Tôi tiếc rẻ cắn thử, tưởng rụng cả răng. Tôi tinh nghịch lấy mấy chùm nho cho các bé con ăn, làm chúng nhăn nhó rùng mình. Trước kia khi còn ở bên nhà, mẹ thường để dành nước cúng Phật để uống cầu cho mạnh giỏi. Ở đây vào mùa đông lạnh lẽo của tiểu bang Minnesota, nước cúng đông thành những viên đá cục. Mẹ cười bảo, thôi con ngâm đỡ cũng tốt vậy...

Tôi bước vào một tòa nhà cũ dùng làm văn phòng lo về tài chánh cho sinh viên. Tôi thường hay vào đó nghỉ chân cho bớt lạnh rồi lại tiếp tục đi đến lớp. Tôi đứng cạnh máy sưởi cũ kỹ lộ thiên đặt sát vách cạnh những cánh cửa ra vào, lơ đãng nhìn ra ngoài trời suy nghĩ. Khoảng thời gian gần đây tôi nhận thấy mình có nhiều tư tưởng lạ lùng, không hiểu đó là những tư tưởng đi lên hay đi xuống, nhưng có điều chắc chắn nó sẽ làm cho việc học của mình khó tiến triển được.

Năm rồi, khi bắt đầu trở lại đại học, tôi đã cố gắng bằng mọi cách để gia tăng số vốn Anh ngữ của mình. Tôi đã tập cho mình thói quen mỗi ngày bỏ mấy tiếng ra đọc báo Mỹ. Ở trường, lúc có giờ rảnh cũng tìm đọc thêm sách báo. Lúc ở trên xe, tôi

luôn vặn radio để nghe tin tức. Tôi rất hăng say và thích thú với thói quen mới này. Tôi tra tự điển, ghi lại, phiên âm, tìm thêm những chữ đồng nghĩa và phản nghĩa của từng từ ngữ mới. Những tờ báo tôi vớt đi đều nát lán mực. Tôi nghĩ học theo lối này vừa mau khá Anh văn vừa biết thêm tin tức và biết được nhiều điều mới lạ nơi xứ người.

Nhưng... nhưng không biết từ lúc nào, tôi đã bỏ quên thói quen hữu ích này và bắt gặp mình lúc nào cũng đến trường với cái túi đầy ắp những sách báo Việt ngữ. Tôi say sưa trở lại khu rừng cũ với những từ ngữ mẹ đẻ. Tôi vui đó rồi buồn đó với những đoản văn, những bài báo đến từ các tiểu bang, từ các xứ khác.

Tôi thích nhất là khi cầm trong tay một cuốn báo mới toanh còn thơm mùi mực. Như con bé ngày nào bụng đói ngồi trước đĩa cua rang muối còn đủ mấy cái càng đầy thịt cua, nước sốt, tôi say mê với từng tiết mực như gặm nhấm từng miếng vỏ cua. Rồi xem cả từng mục quảng cáo, từng hàng rao vặt. Tôi thích thú khi khám phá ra trong danh sách tòa soạn dài thượt với nhiều tên mà chỉ có một người, như Súc Mấy rồi Đinh Từ Thức, hoặc

Phạm Kim Vinh rời Trương Tử Phòng rời lại Tiêu Lang, hay phía trên Ngọc Dũng rời phía dưới lại thêm họa sĩ Tuýt. Tháng này nhà báo ở trong danh sách này, vài tháng sau lại thấy xuất hiện ở báo khác. Tôi đang đi vào cái thế giới riêng của mình giữa các bạn không cùng chủng tộc. Đôi lúc thấy vốn tiếng Anh của mình bị nghèo hẵn đi, tôi trở về thói quen cũ, lấy một tờ báo nhà trường trước khi vào lớp. Nhưng rồi, tờ báo ấy sẽ bị bỏ lại ở một góc nào đó, hoặc nằm yên trong túi xách vài hôm, không một nếp nhăn. Tôi thấy mình không ngăn mình được nữa.

Đạo này tôi lại còn thêm cái tính kỳ cục là hay tránh nói chuyện với người Mỹ, mặc dầu những người tôi quen rất tốt và dễ mến. Tránh nói chuyện với họ, không phải vì sợ hoặc ghét họ, mà vì tôi rất khó chịu với cái lịch sự thái quá của họ. Tôi sợ những câu chào hỏi của họ, sợ những lời họ hỏi thăm từng người một trong gia đình mình. Tôi sợ như phải sắp nghe hoài một đĩa hát cà lăm.

Khóa học mùa đông năm nay của tôi có một bà giáo trẻ rất xinh và rất dễ thương. Hôm nọ, nghe bà khen một cô Mỹ chải mái tóc đẹp quá, tôi quay lại

nhìn. Mái tóc của cô nàng Mỹ quăn quýt chải hết ra phía trước, che gần hết khuôn mặt, trông không khác một ổ rom. Tự nhiên tôi thấy ngượng ngập cho lời khen đó và đâm ra nghi ngờ về những lời khen mà bà thầy đã dành cho mình. Mỗi lần phải cảm ơn về những lời khen của người Mỹ, tôi phải khó khăn lắm mới kéo được hai tiếng “thank you” ra khỏi miệng. Tiếng “thank you” nhỏ xíu, như bắt đắc dĩ phải nói, mà không muốn cho chính mình nghe. Nhớ có một lần vào tiệm vải, lỡ đụng một đồng vải rơi xuống đất. Một bà Mỹ tiếp lượm hết đồng vải lên, rồi bà ta cứ đi qua đi lại nhìn hoài như để chờ đợi một lời cảm ơn. Tôi cứ phớt lờ. Bà ta có vẻ khó chịu, bỏ đi. Tôi không hiểu mình bướng bỉnh như vậy để làm gì và để thỏa mãn cái gì? Tự ái chăng? Hay có cảm giác bị người bản xứ xem thường mình? Khi sống lâu ở xứ người rồi tôi mới thấy sự lợi ích của lời khen. Nhất là của cha mẹ hay người lớn đối với trẻ con. Đó là sự khuyến khích để chúng có cảm giác hạnh phúc và cố gắng làm tốt hơn...

Tôi còn nhớ hôm đầu tiên bước chân vào một lớp học. Vừa ngồi xuống ghế là cảm thấy ngay cái không khí cô đơn và lạnh toát bao trùm. Tôi cảm thấy ngay cái lạnh lùng của những người bạn không

cùng chủng tộc với mình. Họ không biết nhiều về Việt Nam mặc dầu họ là những sinh viên báo chí. Nhưng đừng tưởng họ lạnh lùng là họ không để ý đâu nhé. Họ muốn tỏ ra là người lịch sự văn minh, không muốn lộ ra ngoài vẻ tò mò. Vì vậy, họ nhìn lén tài tình lắm. Cô bạn ngồi cạnh, hễ mỗi khi đến lúc cô ta ghi “cua” thì xoay lưng lại phía tôi để tập lên đùi chép. Cô liếc trộm đôi giày tôi, rồi một hôm cô mang một đôi giày trắng thật mới, móng chân cắt sạch sẽ. Dĩ nhiên là bàn chân và đôi giày cô ta trước đó không tinh tươm được vậy.

Tuy vậy cũng có người thân thiện, dễ thương. Đó là những bà già. Tôi có một số bạn Mỹ già. Sau khi tôi định cư tại Minnesota chừng một năm họ có mời tôi đến chơi nhân một buổi họp mặt. Họ muốn nghe chuyện nước mình. Mới nghe tôi nói mẹ sanh tôi giữa lúc súng đang nổ thì họ xuýt xoa hít hà, gục gạ gục gật ra chiều thông cảm lắm. Lần đó tôi mang theo cả album về xứ sở của mình để cho họ thấy cảnh đẹp và tập tục hay ho của xứ mình ra sao.

Tôi bận lắm nên thường viết lách từng đoạn ở những thời gian không gian khác nhau. Tôi đang ngồi trong câu lạc bộ nhà trường giữa tiếng nói

tiếng cười của các bạn Mỹ và tiếng tiền cắc chạm vào nhau trong các máy bán nước và thức ăn. Sao người ta ăn thức ăn của người ta trông ngon quá, còn mình thì cổ nuốt. Buổi trưa tôi thường không ăn uống bình thường mà chỉ làm những động tác để vừa lòng bao tử. Như bỏ mẩu bánh mì vào máy microwave bấm 20 giây hâm nóng, bỏ 20 cents vào máy để mua một ly nước, rồi tuần tự cho hai thứ ấy vào miệng. Vậy là xong!

Ngồi ở đây đôi khi cũng gặp nhiều chuyện ngộ nghĩnh. Giữa câu lạc bộ có một sân khấu nhỏ. Hôm trước có một nhóm sinh viên đến biểu diễn thời trang, họ leo lên từng người nhún nhảy co tới co lui, xong họ để nhạc, rồi mạnh ai nấy “giật”. Về thời trang ở đây thì tôi thật quê mùa. Hôm nọ gặp một cô Mỹ mặc quần vải trắng cột dây lưng, chân mang guốc (giống guốc vòng) đi trên đường. Tôi cứ tưởng cô ta đang nằm nhà thương mà sao đi lang thang ngoài đường. Chừng nghe cô em nói mới biết đó là một mới nhứt của các nàng Mỹ đấy. Thú thật, mặc quần vải trắng hơi nhẵn nhẵn, lưng quần buộc gút thả tòn teng, chân mang guốc trông giống mấy người đi sau xe tang bên xứ mình ghê đi.

Mấy tuần trước, hôm lễ Halloween có vài cô cậu Mỹ dắt bạn lên sân khấu vẽ mướn 25 cents một cái mặt nạ. Các cô cậu xếp hàng nối đuôi nhau để được vẽ. Nhiều cô Mỹ thật xinh chìa hai cái má mịn màng hồng hào ra để được tô cho những nét vắn vện. Nhưng cả thầy đều tỏ ra khoái chí sau khi nhìn vào cái kính con con. Gần nơi tôi ở, người hàng xóm có làm một cái nhà ma. Vào ngày lễ này ban đêm trẻ con hóa trang ma quái mang mặt nạ đến gõ cửa từng nhà để xin kẹo. Sao ở cái xứ văn minh không tin chuyện hoang đường mà lại có một cái lễ ma quái như vậy cho trẻ nít nhỉ? Nhìn lại Tết Trung thu của trẻ con Việt Nam sao mà dễ thương ghê.

Ở dưới hầm nhà trường hôm nay ngột quá vì họ vắn máy sưởi hơi cao nên tôi lên câu lạc bộ trên lầu. Người Mỹ họ siêng quá. Ngồi đâu, nằm đâu, họ cũng học được. Đang ăn cũng học. Ít ai tùm năm tùm ba nói dóc như sinh viên mình lắm. Trời hôm nay âm u nhưng thỉnh thoảng lại có chút nắng. Nơi tôi ngồi, trên trần và bức tường trước mặt đều bằng kính. Ngoài sân, những chiếc ghế bỏ trống. Không ai ngồi phơi nắng vì hôm nay trời đã cuối thu. Bên ngoài gió nhiều. Những cành cây trụi lá

lay động mạnh. Nha khí tượng cho hay chiều nay bão và tuyết sẽ đổ về đêm.

Xa xa những tòa binh đình cao in đậm nét trên nền trời. Hàng chữ St. Mary's Hospital trên một tòa binh đình dài làm tim tôi thất lại. Nơi đó, tuần rồi họ đã phát giác ra được bệnh ung thư máu của người chị họ tôi. Thoạt nghe đến hai chữ ung thư ai mà không bủn rủn tay chân, nhất là người mắc bệnh lại là thân nhân của mình. Họ đã chuyển chị ấy sang một nhà thương gần trường tôi vì nơi này chuyên chữa bệnh ung thư. Họ cho biết bệnh mới phát nên có thể trị được. Bây giờ ai vào thăm phải mặc áo choàng, mang găng tay và mặt nạ vì bác sĩ đang cho thuốc vào người chị ấy để tiêu diệt tế bào ung thư nên chị yếu lắm. Cầu mong cho chị ấy khỏi bệnh vì các con của chị còn nhỏ quá. Anh ấy là bác sĩ từng cứu nhiều bệnh hiểm nghèo mà bây giờ mất hết bình tĩnh. Sang đây hai gia đình gặp nhau ở trại, cứ nghĩ dặt dứu nhau đến xứ lạnh này, đem tình bà con mà sưởi ấm đùm bọc lấy nhau nơi xứ lạ. Nếu chị ấy...

Sự sống cái chết, sức khỏe và bệnh tật gần nhau quá. Đời người sao mong manh như sương như gió.

Cu Thịnh tháng 12 này được bốn tuổi, nó biết đến trước bàn thờ Phật cầu nguyện cho ông bà nội của nó ở bên Việt Nam được mạnh giỏi. Lời cầu nguyện của nó luôn làm cho ba nó cảm động và buồn. Từ ngày qua Mỹ tôi không còn viết nhật ký cho Thịnh nữa. Mỗi khi cầm quyển sổ nhỏ ấy trên tay tự nhiên cảm thấy buồn làm sao ấy. Liệu khi lớn lên nó có hiểu được những gì mẹ tâm sự với nó từ lúc hình hài của nó mới được thành tựu, đến lúc gặp khó khăn khi sanh nở và lúc nó biết lẫy, biết bò, rồi chập chững biết đi. Liệu nó có hiểu được tâm trạng của mẹ nó sau khi lấy chồng phải sống xa không khí đầm ấm của gia đình để bắt đầu va chạm với đời không? Mẹ nó thương nhớ gia đình như thế nào và nghĩ gì về tương lai của con mình. Dù cho có đọc được tiếng Việt, liệu nó có hiểu được cái thâm trầm của người Việt mình không? Tôi còn nhớ ông Ích thầy tử vi ở Cầu Muối xem bói nói tôi sẽ sanh thêm một đứa con trai và hai anh em nó sẽ lấy vợ ngoại quốc. Còn chồng tôi đang đi lính mà ông nói anh chị sẽ xuất ngoại, lập nghiệp ở nước ngoài và nhập quốc tịch luôn. Lúc đó chúng tôi cứ bảo đùa là chắc anh xuất ngoại sang Campuchia. Vậy mà ông thầy tử vi này nói đúng ghê. Cu Cường,

em của Thịnh nay đã được mười chín tháng, nó là Mỹ con mũi xẹp.

Tôi đang ngồi trên xe xếp hàng chờ vào bãi đậu. Có thể lâu một hoặc hai giờ, nên phải tập tính kiên nhẫn ở cái xứ hay “xếp hàng” này. Ngoài trời tuyết bay lất phất như những hạt đường cát trắng. Những hạt tuyết nhẹ tan sau một vài giây chạm vào kính xe. Mới hôm qua tôi cứ ngỡ đang đi trong khung trời Đà Lạt mà hôm nay trời bỗng trắng xóa, gió rít từng cơn. Nhiệt độ xuống tới 5° C. Mùa đông đến, mỗi lần đi đâu cứ như mang cả một tủ áo theo. Nào áo trong, áo ngoài, quần trong quần ngoài, nón, găng, khăn quàng cổ. Cái lạnh ở Đà Lạt làm mình run buốt xuyết xoa. Cái lạnh ở đây khô, ngấm dần và thường gia tăng khi có gió. Lúc trời dưới 10° F tức 24° C khi đi ra ngoài tôi cảm thấy bị ngộp thở, hai buồng phổi như co rúm lại, ngực như lép vào tường chừng bị rút hết không khí. Tôi thường thở hổn hển mỗi khi lội bộ từ bãi đậu xe đến lớp học, cái mũi tưởng như đã đánh rơi ở dọc đường vì nó tê cóng mất hết cảm giác. Thế mới biết khí hậu ở xứ mình thích thật.

Tôi đẩy mạnh cánh cửa kính, băng qua khu công viên ngập tuyết. Cũng chẳng còn bao lâu nữa

khi mùa xuân đến tuyết tan, người ta lại đến đào bới, đổ thêm phân, thêm đất, và trồng lên các loại hoa lá cỏ cây. Cảnh vật lại đổi màu. Những cái áo đi tuyết dày cộm được thay bằng các loại áo mỏng đủ màu sắc sỡ. Các nàng và chàng Mỹ lại đua nhau mặc các kiểu áo quần mùa xuân. Càng về hè trời càng nóng, các mảnh vải càng nhỏ càng hẹp dần. Các chàng vừa nằm phơi nắng vừa ăn, vừa học, vừa âu yếm, tâm tình hoặc túm nhau lại nghe anh Mỹ già vừa đàn vừa hát nhạc dân ca. Tôi thấy sao giới trẻ của xứ người sống cuộc đời thật dễ dãi.

Lời trách móc cuối năm vừa rồi của một tờ bán nguyệt san về sự ăn chơi thái quá của một số người Việt, nhất là giới trẻ, đã làm cho tôi buồn không ít. Vì nhà báo nhắc nhở và cho biết những cái vui hơi lố này đã làm chậm trễ không ít sự chấp thuận cho những người đi sau tại các trại tị nạn ở rải rác khắp nơi nhập cảnh. Tôi không buồn vì các lời đó đúng, nhưng buồn vì nó làm cho tôi nghĩ đến những mặc cảm mà tuổi trẻ Việt Nam phải mang lấy do chiến tranh. Ăn một bữa ăn sang, mặc một cái áo đẹp, đi một chiếc xe mới, hay xem xinê, bát phở vào ngày cuối tuần, làm một cái gì, nhất nhất một thanh niên Việt Nam có ý thức đều mang mặc

cảm. Mặc cảm hưởng thụ. Mặc cảm ơi, sao cứ đeo
đăng mãi tuổi trẻ Việt Nam!

Tôi chạy lên các bậc thang của tòa nhà nơi có
lớp học, phóng nhanh vào cửa, bỏ lại sau lưng bức
màn tuyết trắng xóa.

Tuyết ơi, tuyết đẹp lắm, nhưng thôi già từ, tuyết nhé!

Minnesota, cuối Đông 1978

KỂ MỜI NGƯỜI CŨ

“Sài Gòn bây giờ trời mưa hay nắng...”

Tôi chợt bàng hoàng xúc động. Âm thanh hai tiếng “Sài Gòn” được nhắc đến với một giọng ca thật buồn, khan đục, thoáng nghẹn ngào. Tiếng vỗ tay bùng dậy rồi lắng chìm trong khoảnh khắc.

*Sài Gòn khói bay, Sài Gòn nắng đổ
Sài Gòn đã buồn như trời sớm mai...*

Hơn một ngàn khán giả lắng chìm trong bóng tối. Trên sân khấu, dưới ánh đèn màu đỏ nhạt, người nữ ca sĩ vẫn khuôn mặt trái xoan ngày nào, đang cất tiếng hát, từ đáy lòng, đem người nghe trở về vùng đất mẹ. Cạnh đây, người nghệ sĩ đang cúi xuống cây đàn, gảy lên những tiếng nhạc do

chính chàng sáng tác. Họ trông có vẻ hạnh phúc bên nhau.

Hình ảnh của Lê Uyên và Phương nhòa đi, và trong tiếng hát, tiếng đàn đó, tôi thấy lại những đường phố Sài Gòn ngày nào với những âm thanh hỗn độn, tiếng nói, tiếng cười, tiếng trả giá ở chợ Bến Thành; tiếng kèn xe, tiếng thắng xe ken két của chiếc xích lô đạp, tiếng gọi tắc xi. Những hình ảnh giản dị, bình thường, những nụ cười mời mọc của người bán vé số, bán thuốc lá dọc các hè phố.

Con đường hẻm nhỏ của đường Tự Do (nay là Đồng Khởi) xuyên qua đại lộ Nguyễn Huệ, là nơi tôi hay đến vào những buổi chiều thứ Bảy, mùi nem nướng bay thơm phưng phức. Rồi bà cụ bán bún ốc ngang rạp ciné Rex, phải đứng chờ lâu, khi ăn phải bỏ nhiều ớt, vừa ăn vừa đồ mồ hôi hít hà mới thấy ngon. Các sạp bán sách, bán vải dài theo đường Lê Lợi, buổi trưa đi ở đây vừa chen vừa đồ mồ hôi, nhưng đến góc Pasteur mình sẽ gặp tiệm nước mía nổi tiếng. Nước mía này được vắt cam vào, tuy đắt mà ngon. Ai cũng nói máy ông Tàu làm phá lấu không sạch đâu, nhưng khi gặp ông ta, mình lại tạm quên đi cái dơ để mua một miếng

gan, bao tử, tim, dòi trường, hay một ghim gan gà; phải quệt một miếng tương, một miếng ớt lên, ăn mới bắt.

Chưa hết, xe bánh cuốn ở ngay góc đường gần nhà mới ngon, vì nước mắm của ông chủ pha với nước nấu chín nên không tanh, lại có những múi chanh chưa vỡ, cùng những miếng ớt tươi lơ lửng thấy phát thèm. Ông ta đã không hà tiện nước mắm, lại hay thêm rau, lại cắt chả lụa cho đầy, thì làm sao bước sang nơi khác cho được. Đêm nào bụng đói bất ngờ, phải nghĩ ngay đến phở Hiền Vương. Các tiệm phở đường Hiền Vương rất nổi tiếng, nhưng muốn vừa ngon vừa rẻ thì nên ăn ở các xe phở nơi góc Pasteur; hôm nào đói mà túi nhẹ, thì phải trộn giá sống vào tô cho nhiều. Tuy nhiên, muốn khoái khẩu thì đừng nhìn quanh dưới đất.

Tôi nhớ mình hay lo lắng khi nghe tiếng mì gõ vào những giờ giới nghiêm. Không biết họ đã bán gần hết chưa, hoặc không hiểu họ đi kịp về nhà không.

Tôi cũng hay nhớ nhất, khi mình đang ngồi học bài mà nghe tiếng rao chè đậu đen của chị Tư.

Tôi hay xúc động mỗi khi thấy chị quảy vôi gánh chè, bước vôi vãi trở lại như sợ tôi đổi ý.

Tôi bỗng nhớ nhung một cách lạ kỳ tiếng xích lô máy nổ mà xưa kia đã làm cho tôi rất bức mình vào lúc 6 giờ sáng, giờ mà học sinh còn lưu luyến chăn mền. Giờ này, khi nhìn xuống đường tôi đã thấy những người buôn bán vôi vãi rảo bước. Đằng góc đường, bà cụ người Bắc đang chuẩn bị để tráng bánh cuốn. Bà sắp vào những chỗ cố định chai nước mắm ớt, ống đũa, các đĩa lớn, chén nhỏ, rổ giá chà có cả ngò và rau thơm, lon Guigoz đựng hành rán. Bên kia đường, quán cà phê nhỏ đã bán những ly cà phê nóng thơm lừng từ bao giờ cho các chú tài xế tắc xi hay những bác xích lô.

Sài Gòn bước ai gõ xuống đêm sâu

Sài Gòn nắng nghiêng... Sài Gòn đứng đợi...

Nước mắt tôi bỗng ràn rụa trên má.

Thằng bé con tôi gần bốn tuổi ngồi cạnh, cười to thích thú. Nó vỗ tay, miệng cũng la “bis, bis”. Bên cạnh là anh của nó gần sáu tuổi, đôi mắt ngời sáng, đang rướn mình lên vỗ tay thật to. Nó bắt chước những người khác, hai chân giậm giậm xuống sàn nhà. Nó thường hãnh diện khoe với vợ

chồng tôi: “Con biết Sài Gòn nè mẹ, còn thằng Cường nó không biết gì hết. Con là Việt Nam, còn nó là Mỹ”.

Thật vậy, thằng bé yêu mến Việt Nam, yêu mến Sài Gòn qua những bức ảnh mà chúng tôi mang theo, và những hình ảnh mà tôi thường mô tả cho nó nghe trước những giờ ngủ. Những hình ảnh đó bao gồm cả ông nội bà nội, các cô chú của nó ở Việt Nam. Mỗi buổi tối, nó hay theo tôi thấp nhang lạy Phật. Nó luôn cầu nguyện: “Xin Trời Phật ‘làm’ cho ông nội bà nội con mau qua”. Nó không biết nói tiếng phò hộ, mà lại dùng chữ “làm”. Nhưng đó là ý nguyện chân thành của tuổi thơ.

Vì chưa biết viết nên nó thường hay vẽ ông bà nội nó theo hình của ông bà chụp vào ngày cưới của vợ chồng tôi. Ông nội thắt cà vạt mang giày còn bà nội mặc áo dài bông, choàng khăn, trên đỉnh đầu có búi tóc. Nó thường hay đọc thư cho tôi chép để gửi cho ông bà nội. Nó đọc say sưa, tay chống cằm, có khi dừng lại chép miệng, nhúu mày suy nghĩ. Nhiều khi viết không kịp, tôi phải gắt nó ngừng lại. Tôi còn nhớ một vài đoạn nó nói: “Ông nội ơi, con nhớ ông nội, ông nội có nhớ

con không? Con tên là Thịnh, thằng em con tên là Cường. Hồi đó ông nội ẵm con, con đái ướt ông nội đó. Hồi đó con còn nhỏ, bây giờ con hơi lớn rồi. Ông nội ơi! Chùng nào ông nội qua? Chùng nào bà nội qua? Ông nội qua, con cho ông nội cây gậy, con cho ông nội nằm giường của con, con dắt ông nội đi chơi, đi Disneyland, đi Sea World xem cá bay. Con cho ông nội chơi đồ chơi của con. Ông nội ơi, con muốn ông nội qua mau mau đăng chơi với con nhe”.

Thư bên nhà gửi qua cho biết, cả gia đình rất xúc động khi đọc những lá thư và xem các hình vẽ của thằng bé. Thư của bà nội chúng nó nói: “Bà nội nhớ các cháu quá. Bà muốn ôm các cháu hôn mà không biết làm sao, cháu ơi!”.

Tôi thường nghĩ các con rồi đây sẽ lớn lên ở xứ người, tình yêu thương dân tộc, tôn giáo, tình yêu gia đình, sự hiếu thảo, lòng tôn kính đối với ông bà, và ngôn ngữ của chúng, sẽ ra sao? Nếu chúng là những đứa trẻ mất gốc, không nói được tiếng Việt, chê thức ăn Việt, có cuộc sống đi ngược lại luân lý Á Đông, không biết thưởng thức một bản nhạc, một bức tranh, một đoạn văn mang nặng

tình tự dân tộc, thì đó là lỗi của vợ chồng tôi. Tôi biết mình không thể đổ lỗi cho sự bận rộn mưu sinh, vì điều quan trọng hơn hết là sự muốn và không muốn.

Tôi còn nhớ, cách đây vài tháng có vợ chồng một người bạn mới quen đến chơi, họ dắt theo mấy đứa con. Các đứa bé nhập bọn chơi với nhau và nói toàn tiếng Mỹ. Như mọi khi, vợ chồng tôi rầy con không được nói tiếng Mỹ ở nhà. Các con tôi chuyển sang nói tiếng Việt, thì các bạn mới không hiểu. Vợ chồng người bạn hơi có vẻ ngượng, nhất là khi đôi bên đối thoại với nhau, cha mẹ nói tiếng Việt và phải lặp lại bằng tiếng Mỹ thì các con mới hiểu. Chúng tôi hơi ngỡ ngàng.

Khi họ ra về, tôi suy nghĩ nhiều và cảm thấy lo sợ. Các con tôi rồi đây dần dần lớn lên, thời gian ở trường của chúng sẽ dài hơn, sẽ tiếp xúc với thầy cô, bạn bè Mỹ nhiều hơn, thì liệu tiếng Việt của chúng có còn lưu loát như ngày hôm nay không? Chồng tôi đã trấn an: “Anh biết là khó, có thể là rất khó, nhưng không phải mình không làm được. Điều cần nhất là mình phải cố gắng và tiếp tục những gì mình đã làm. Mỗi ngày, chúng mình

dành một số thì giờ cho con. Mỗi bữa ăn, anh đều biểu chúng kể chuyện ở trường, để vừa biết được sinh hoạt của chúng, vừa cho tụi nó có dịp nói tiếng Việt. Mỗi buổi tối, anh hoặc em kể chuyện cho chúng nghe về Sài Gòn, nhắc nhở ông bà ở bên này cũng như gia đình ở bên Việt Nam, rồi nghe nhạc Việt. Giao thiệp với bạn bè, thì lựa những người nào có con biết nói tiếng Việt để chúng chơi với nhau. Anh thấy như vậy cũng đủ lắm rồi”.

Từ lúc tôi để băng nhạc “Quê hương và lòng Mẹ” cho các con nghe vào những giờ sắp vào giường ngủ, hai đứa con này đều ghiền nghe nhạc Việt. Thăng lớn hiểu biết hơn, mỗi khi tôi không để nhạc thì nó nhắc. Chúng nó thích nhất là bản “Việt Nam! Việt Nam!” của Phạm Duy và bản “Lòng mẹ”.

Chẳng bù với lúc trước, chúng bắt chước cô nàng bê-bi-xít, về nhà cứ mở nhạc Mỹ rồi nhảy Disco. Nhất là khi nghe bản “Saturday Night Fever”, chúng hát theo, rồi bắt chước John Travolta nhào lộn, một tay chỉ dưới đất, tay kia chỉ lên trời, rồi uốn qua uốn lại. Phải công nhận trẻ con bắt chước thật nhanh. Tôi còn nhớ, sau khi qua Mỹ

vài tháng, đưa con lớn mới hai tuổi, một vài lần tôi thấy nó đứng giạng chân ra, hai tay nắm lại, đưa hai ngón cái lên trời. Sau đó tôi mới biết nó bắt chước anh chàng Henry Winkler đóng vai Fonzie trong chương trình Happy Days chiếu trên tivi. Trẻ con bắt chước rất nhanh nhưng cũng chóng quên, miễn là cha mẹ chịu khó theo dõi và hướng dẫn theo những con đường mình muốn, để có ích cho nó và cũng nhằm đào tạo nó trở thành một con người mang tố chất Việt, nếu chúng không làm được gì hữu ích cho dân tộc thì ít nhất cũng là người thuần túy Việt Nam, không mất gốc.

Gặp những đứa bé Việt Nam da vàng mũi tẹt mang tên Mỹ, hễ nghe tiếng Việt thì ngơ ngẩn ngẩn như người ngoại quốc, tôi thấy làm sao ấy. Tôi nhớ đến những lời thổ lộ của một anh bạn Mỹ gốc Việt đã qua đây lâu: “Lúc đầu tôi cũng hãnh diện được làm người Mỹ, sống với cha mẹ nuôi người Mỹ, tôi chỉ nói tiếng Mỹ và giao thiệp với bạn Mỹ. Nhưng, dần dần tôi cảm thấy cô đơn giữa đám người đó. Mình cũng ăn thức ăn của họ, nói tiếng họ, nhưng nhìn quanh thấy da họ trắng, mắt họ xanh, chỉ có mình là da vàng, tóc đen, tôi thấy cô đơn và bị mặc cảm. Dù cho tiếng Mỹ mình có

giỏi đến đâu cũng không bằng họ, thì làm sao có sự cảm thông hoàn toàn được? Tôi cũng biết khá nhiều tiếng lóng, nhưng đôi khi họ xúm nhau cười, còn mình thì hiểu chưa kịp”.

Tiếng vỗ tay và reo hò của khán giả cắt đứt dòng tư tưởng của tôi. Trên sân khấu, nhạc sĩ Phạm Đình Chương, tức Hoài Bắc xuất hiện sau lời giới thiệu của nhà văn Du Tử Lê. Trông ông có vẻ khác khổ hơn, nhưng không khác xưa mấy. Ông bày tỏ sự sung sướng được hát trở lại. Theo Hoài Bắc thì Thái Thanh không đi, vì còn mẹ. Sau bản “Đôi mắt người Sơn Tây”, Hoài Trung và Mai Hương bước lên cùng hát với Hoài Bắc bản “Ly rượu mừng”, làm tôi nhớ Tết bên nhà làm sao! Suốt những ngày Tết, radio, truyền hình cứ lặp đi lặp lại bản này hoài, khiến tôi thấy lòng cũng nao nao một niềm vui quen thuộc.

Những ngày còn bé, trong những âm thanh này, tôi được mặc áo mới, cứ tối ngày móc túi ra đếm đi đếm lại những đồng tiền lì xì. Ở phòng khách, năm nào mẹ cũng đặt một chậu hoa mai. Tôi thích nhất là đi chợ hoa vào những ngày cận Tết. Ba hay dắt mẹ và chị em tôi đi chụp hình. Mẹ

thích lựa mua cây quất thật to, trái thật nhiều, vàng tươi để chưng trước thềm nhà.

Đường Nguyễn Huệ những ngày Tết toàn là hoa. Nhiều hoa quả, chậu nào cũng đẹp, không biết đâu mà lựa. Tôi hay đòi mẹ mua những chậu ớt có những trái đỏ tròn và nhọn; mẹ bảo ớt kiểng không cay đâu. Tôi lựa những cành mai có búp thật nhiều, thật to, bảo mẹ mua; mẹ bảo cành mai này héo rồi, họ ngâm nước đỏ, mang về mỏng một rưng hết, chẳng có nở đâu. Mẹ thích mua nguyên cây mai, sau ngày Tết mẹ đem trồng ngoài vườn.

Những năm sau, hễ Tết đến, những cây mai nở rộ, cả nhà ra vườn chụp hình. Mảnh vườn nhỏ trước nhà, mẹ tôi chăm sóc kỹ, mỗi lần sắc thuốc uống, mẹ hay lấy xác thuốc đã nấu xong để làm phân bón. Năm gia đình tôi ra đi, những cây ổi, cây mận giống thật tốt, bắt đầu có trái. Những người em họ viết thư sang cho hay thăm cỏ và sân vườn nhà đã được bới lên trồng rau, trồng khoai để sản xuất.

Khi những câu đầu tiên của bản “Ngựa phi đường xa” vừa được ban hợp ca Thăng Long cất lên, hội trường Crawford Hall của Đại học UCI

(University of Irvine) như lên cơn bão. Dưới nhà, khán giả vỗ tay; trên lầu, khán giả giậm chân. Nhất là khi Hoài Trung bắt chước tiếng ngựa hí, rồi tiếng vó ngựa phi. Chồng tôi chép miệng: “Hoài Trung vẫn còn đủ phong độ, em nhỉ?”. Tôi nói: “Mai Hương hát cũng hay, nhưng phải chi có Thái Thanh chắc vui lắm hén anh!”.

Chương trình hôm nay, theo nhà văn Du Tử Lê, là để mừng sáu văn nghệ sĩ mới sang định cư. Đó là nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương; nhà văn Đỗ Tiến Đức, tác giả truyện phim “Ngọc Lan”; vua du ca Nguyễn Đức Quang; nhà báo Duy Sinh; và cặp Lê Uyên và Phương.

Sự hiện diện của các văn nghệ sĩ hôm nay đem đến cho tôi biết bao cảm xúc và suy tư. Không phải chỉ riêng với những người này, mà mỗi lần gặp bất cứ một nhạc sĩ, nhà văn, họa sĩ, nhà báo, nhiếp ảnh gia, hay thi sĩ mà tôi đã cảm mến qua các tác phẩm của họ, tôi đều thấy xúc động. Tôi có cảm tưởng như giữa tôi và họ được liên lạc bằng một thứ tình cảm riêng. Đó không phải là tình dòng họ, tình bạn hay tình yêu, mà là thứ tình tự dân tộc. Phải chăng bức họa gợi nhớ hình ảnh quê

huong với cậu bé mục đồng thổi sáo bên cạnh chú trâu già; rồi những ca khúc, những bài thơ, bài văn làm xúc động những kẻ ly hương?

Hội trường bỗng ồn ào một cách khác thường. Trên sân khấu, ký giả Duy Sinh bắt đầu nói chuyện. Bài nói chuyện đúng ra phải được sắp xếp vào đầu chương trình mới có không khí. Tuy nhiên, tôi cũng thấy khó chịu về sự kém lịch sự của khán giả. Họ nói, họ cười, họ đi mua nước uống, thức ăn, họ đi đi về về. Trên sân khấu, diễn giả vẫn kiên nhẫn nói cho những người cố gắng nghe với tiếng mất tiếng còn... Tôi nghe nói ông sắp ra tờ báo mang tên *Quê Hương*, số đầu sẽ ra mắt vào dịp Tết. Tôi thấy lo lắng ái ngại cho ông, vì sống gần năm năm nơi đất người, tôi biết ra báo, nếu không vì ham danh hay mưu đồ tư lợi, mà vì lý tưởng muốn phục vụ dân tộc, là cả một sự hi sinh.

Tôi nhớ cách đây bốn năm, tờ *Quê Hương* của nhà văn Du Tử Lê số 2 phát hành vào cuối tháng 4-1976 có kèm lá thư ngỏ. Nhà văn này đã than rằng trong tòa soạn có năm người đi làm, ba người phải nghỉ để lo cho tờ báo và tiền lương khiêm nhường của hai người kia không đủ bù đắp cho chi

phí ẩn loát. Ông kêu gọi độc giả giúp cho tờ báo tồn tại bằng cách gửi cho *Quê Hương* từ 1 xu đến 100 đồng. Cuối thư, ông khẩn thiết kêu gọi: “*Quê Hương* đã được đặt vào lòng tay quý vị. Quý vị có thể bóp chết hay tiếp hơi cho sống lại, và chỉ quý vị mới có quyền đó mà thôi”. Và tờ *Quê Hương*, một tạp chí thông tin, quảng bá và phát huy văn hóa Việt, lặng lẽ rời các sạp báo, vì tờ *Quê Hương*, theo Du Tử Lê, sau đó đã quyết định: không nhận tài trợ, không nhận giúp đỡ, để giữ thể độc lập; báo sống hay chết, do nơi bạn đọc và thân hữu.

Tờ *Quê Hương* chết, nhưng cái đẹp của người làm báo chân chính vẫn còn. Đó là tờ *Quê Hương* của Du Tử Lê. Còn tờ báo có cùng tên của Duy Sinh sẽ ra sao? Sau tờ *Quê Hương* của Du Tử Lê, một số báo khác phải chết non, như tờ *Bút Lửa* của Lê Tất Điều và một số anh chị em nhiệt huyết ở San Diego; hay cố gắng thỉnh thoảng xuất hiện như *Thời Báo* của Đào Nhật Tiến ở Texas; *Thời Tập* của Viên Linh ở Virginia; *Văn Học Nghệ Thuật* của Võ Phiến và Lê Tất Điều; hoặc tờ *Đông Phương*, một tạp chí văn nghệ biên khảo của Thế Vũ... dần dần vắng bóng, vì tiền mua hai tờ báo, người ta mua được một vé ciné hoặc ăn được hơn

một tô phở; và nếu nhịn mua bốn tờ báo, người ta chỉ mua gần được một cái vé nhảy đầm. Rồi lại thêm một vài chợ có kèm quán ăn, cho xem báo cạp. Khách vừa no bụng vừa xem báo miễn phí, tội gì mua! Những tờ báo nhần nheo, ế ẩm là lỗi ở ai? Ở chủ tiệm hay ở người xem cạp?

Tôi quý tất cả những tờ báo ở hải ngoại, vì mỗi tờ đều mang sứ mệnh bảo tồn ngôn ngữ Việt. Báo trí thức, báo chính trị hay báo bình dân, đều có một giá trị riêng. Nếu tất cả đều là báo trí thức, thì độc giả bình dân lấy gì xem? Người thích xem tin tức, kẻ thích xem bói toán, chuyện khoa học, tiểu thuyết kiếm hiệp hay chuyện tình. Độc giả hải ngoại không phải là những người dễ bị gạt. Họ đều có bạn bè, thân nhân ở khắp nơi trên thế giới và còn đọc cả tin tức của các báo ngoại quốc. Họ biết tin nào đúng tin nào sai. Đừng nghĩ rằng một tờ báo bán chạy là độc giả của họ tin hết những lời tờ báo ấy nói. Tôi chỉ đánh giá báo chí qua giá trị ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục và thông tin trung thực.

Hội trường của Đại học Irvine bắt đầu lấy lại không khí, khi vua du ca Nguyễn Đức Quang xuất hiện. Anh là đàn anh văn nghệ đấu tranh ngay từ hồi

còn là sinh viên bên nhà. Anh có lối trình diễn khá độc đáo, và hát mấy bài nổi tiếng do mình sáng tác. Nguyễn Đức Quang may mắn có nhiều bạn văn nghệ cũng như bạn cùng học trường Đại học Chính trị Kinh doanh với anh. Ở xứ người, ngoài tình gia đình, còn gì an ủi, quý mến hơn tình bạn. Anh đã thường xuyên họp bạn tại nhà để cùng tâm sự, cùng hát. Hát để ca ngợi quê hương. Hát để nhắc nhở kẻ ly hương nhớ mãi những gì mình phải làm.

Chúng tôi rời Đại học Irvine trong cái lành lạnh về đêm của California. Những giây phút gặp gỡ của kẻ mới người cũ mang nhiều nỗi xúc động, vẫn còn lưu luyến trong lòng tôi. Nhà văn Du Tử Lê và các anh em sinh viên tại đây đã thành công qua buổi văn nghệ hôm nay. Tổ chức một buổi văn nghệ miễn phí với sự góp mặt của các văn nghệ sĩ nổi tiếng, cùng với sự đóng góp của các ca sĩ, nhạc sĩ đã đến định cư trước, và của các anh chị em sinh viên, là cả một sự cố gắng và hi sinh. Sự hi sinh của người trình diễn cũng như của người tổ chức.

Long Beach, California 09-01-1980

LÀM MẸ TRÊN XỨ MỸ

Thịnh bảo tôi đến Jenny Craig Center gần nhà để hỏi về chương trình ăn kiêng. Cách đây một năm, con tôi đã tỏ ý muốn đến một trung tâm ăn kiêng. Thịnh nói cần sự giúp đỡ của người khác, nhưng tôi bác bỏ vì tôi nghĩ tùy thuộc vào ý chí của nó, chứ ăn kiêng rồi mà cứ ăn nhiều trở lại thì không có kết quả.

Thịnh thường nói: “Mẹ không biết, mẹ chỉ nói mà không chịu nghe,” hoặc “Con không thích nói chuyện với mẹ vì mẹ không hiểu”. Có lẽ con tôi nói đúng. Tôi chỉ biểu nó bớt ăn, rầy nó khi thấy nó ăn nhiều, và những điều đó không giúp nó được.

Mỗi lần thấy Thịnh ăn cheese, mayonaise, hay ăn bánh hamburger big-mac là tôi buồn, tôi

giận. Tôi rất thích nấu những món lạ, món Pháp cho gia đình ăn, nhưng tôi lại lo buồn vì thấy Thịnh ăn ngon và ăn nhiều. Nấu cái gì Thịnh ăn cũng nhiều hết. Nấu những món mà tôi nghĩ ít làm cho mập, rồi cuối tuần Thịnh ăn pizza và hamburger tôi lại giận vì cho rằng uống công. Tôi lo cho Thịnh, nhưng Thịnh vẫn tiếp tục ăn thức ăn quá béo bở.

Nhiều khi hai mẹ con cãi nhau vì chuyện ăn uống. Thịnh giận nói: “Mẹ, nếu mẹ không giúp gì cho con được thì mẹ đừng nói nữa”; hoặc “Con thích ăn vì con đói”; hay “Con thích ăn vì đồ ăn ngon”.

Lúc còn sống, ba tôi, ông ngoại của Thịnh ưa kể đi kể lại khi ông hỏi: “Con không sợ mập sao?”. Thịnh trả lời: “Con không sợ mập mà con sợ đói hà”. Lúc đó Thịnh còn nhỏ, mới khoảng gần mười tuổi.

Không biết Thịnh bị quá cân lượng có phải tại tôi không? Lúc sắp rời Việt Nam, Thịnh mới 16 tháng. Đến phi trường Tân Sơn Nhất, nó bắt đầu bỏ sữa. Hộp sữa bột Guigoz mang theo còn nguyên. Đến trại tị nạn ở Grand Island Philippines, rồi qua Guam, Thịnh ăn thức ăn tôi lãnh về. Nó gầy và móm. Ở Guam trời nóng nó mặc xì líp, ở

trần ngời trên ghé bó. Lúc đó chúng tôi ở lều vải, trời nắng và gió, cát bụi mịt mù.

Hôm mới được đưa đến đảo Guam lúc trời còn tối, các anh lính Mỹ dựng lều cho chúng tôi đang ăn đùi gà chiên. Thấy Thịnh đói quá, tôi ngại ngần xin các anh một cái đùi gà. Không biết có phải tại vậy mà từ dạo ấy nó “mê ăn gà” không?

Một thời gian sau, khi chúng tôi được chuyển qua tiểu bang Arkansas, ở trong trại lính Fort Chaffee, Thịnh đeo tôi cả ngày. Vì đói giờ nên ban đêm nó thức đòi tôi ẵm đi chơi, ban ngày ngủ, tại vậy mà tôi gầy nhom. Tôi và Lệ, cô em họ, cứ hay ép Thịnh ăn đồ ăn của em bé trong hũ (baby food) của trại phát vì thấy nó ốm quá.

Tháng 6-1975, chúng tôi định cư ở Minnesota, nơi có tuyết lạnh vào mùa đông. Có những buổi sáng thức dậy tuyết phủ ngập cả chiếc xe. Nhiều lúc xe không nổ máy vì quá lạnh. Có một lần Thịnh bị sung phổi không thở được phải gọi xe cấp cứu, đưa đi ngay vào nhà thương. Chỉ có một đêm mà Thịnh ốm và xanh như con “khỉ già”, bị cột tay chân vào thành giường, và nằm trong mùng để thở oxy. Ban ngày tôi ở đó, ban đêm ông xã tôi ngủ

dưới đất bên cạnh giường bệnh, vì Thịnh không chịu xa chúng tôi nửa bước.

Khi có tôi thì Thịnh đòi ba nó, khi có ông xã thì nó lại đòi tôi. Ban ngày tôi phải bắc ghế cho nó ngồi cạnh cửa sổ để “đợi ba”. Những người Mỹ chưa quen với lối sống của người Á Đông có vẻ ngạc nhiên về cách săn sóc con của chúng tôi. Gần phòng Thịnh các trẻ em đều ở một mình. Thịnh thoảng, cha mẹ các em chỉ đến thăm một chút rồi về. Các em trong đó phần nhiều đều bị cột vào thành giường cho khỏi té, hoặc tránh giựt kim ra lúc đang vào nước biển. Vậy mà thịnh thoảng cũng có em té xuống đất. Lúc đó có lẽ Thịnh được bốn tuổi và đại gia đình chúng tôi mua được một căn nhà ở Edina. Sở dĩ chúng tôi chọn khu này vì có trường học tốt và yên tĩnh. Cảnh ở đây rất giống Đà Lạt. Khoảng thời gian này tôi nhớ Đà Lạt ghê.

Từ khi bị sung phổi, Thịnh thường hay bị dị ứng suyễn. Mỗi tuần hai lần tôi phải chở nó xuống phố Minneapolis để chích thuốc Allergy (dị ứng). Thịnh cứ hay suyễn và mỗi lần sau các trận suyễn, nó xanh và ốm nhách nên vợ chồng tôi phải ép ăn hamburger và khoai tây chiên của Mc Donald. Cứ

thế cho đến khi con lớn dần. Có lẽ ngày nay con tôi quá cân lượng là do lỗi của chúng tôi đã ép con ăn vì chúng suyễn và mất sức chẳng?

Lúc mang bầu Thịnh, vợ chồng tôi ở Đà Lạt. Sau khi sanh Thịnh ở Sài Gòn, tôi lại đem con trở lên Đà Lạt vì ông xã tôi muốn gần cậu con trai đầu lòng. Thịnh hay sổ mũi luôn vì Đà Lạt lạnh, trời thường mưa và dĩ nhiên là nhà không có máy sưởi.

Khi ấy vợ chồng chúng tôi ở trong một căn phòng nhỏ chỉ đủ để hai cái giường và một cái nôi. Chúng tôi phải ngồi ăn cơm dưới nền đất. Lúc đó ông xã tôi đi dạy môn kinh tế tại Trường Võ bị Đà Lạt. Đôi khi tôi tự hỏi, có phải lúc nhỏ ở Đà Lạt, con tôi chịu lạnh không nổi nên bị sổ mũi hoài không. Rồi lại ở Minnesota quá lạnh bị sưng phổi, vì thế nên bị suyễn luôn không?

Có nhiều người nói thuốc suyễn có kích thích tố làm cho ăn nhiều và mập. Tôi thấy điều này có lẽ đúng, vì mỗi lần chích thuốc suyễn Thịnh ít khi chịu ngồi yên, vừa thở mệt mà lại chạy giỡn, nên dĩ nhiên phải ăn nhiều vì đói.

Có một dạo Thịnh bị suyễn nhiều vì đổi từ trường tiểu học Weaver ở Los Alamitos về La

Tierra ở Mission Viejo. Lúc đó nó học lớp bốn, nhưng khu học chánh này dạy trình độ cao, với nhiều bài học bài làm hơn. Mỗi ngày sau khi đi học về Thịnh lo làm bài, học bài hoài vì sợ cô giáo rầy. Hơn nữa mỗi lần suyễn, nó nghỉ ở nhà, có khi vài ngày, hoặc một tuần, nên bài dồn lại nhiều. Vậy mà nó rất cố gắng nên được điểm cao. Điểm Thịnh bắt đầu xuống khi học với ông thầy lớp sáu, nó nói ông thầy của nó lúc nào cũng nói về ông và luôn cho ông là người giỏi nhất. Lần đầu tiên tôi gặp một ông thầy ở xứ Mỹ bảo tôi, cứ việc đánh con khi chúng lì và ông ta cũng đánh con như thường, nếu chúng không nghe lời.

Năm đó Thịnh cao lớn thấy rõ. Nó đứng ngang với các bạn Mỹ cùng lớp và còn cao hơn vài đũa khác. Lúc tốt nghiệp tiểu học, trong khi các bạn ăn mặc thường thì nó đòi mặc một bộ đồ vest mới để lên lãnh bằng. Lúc học tiểu học Thịnh học đờn hồ cầm, và có vào ban hợp ca của trường. Nhưng ngày trình diễn nó mắc cỡ với ba mẹ, nên chỉ nhép miệng chút chút, chớ không hát to như các bạn khác.

Lúc học với ông thầy lớp sáu, có lẽ Thịnh bị suyễn nhiều nhất. Tôi không dám đi làm xa cũng vì vậy. Nhiều hôm tôi đi làm trong tiệm hoa mà cứ phập phồng không biết nhà trường gọi lúc nào. Nhiều khi Thịnh thở không được, không phải vì suyễn mà vì uống nhiều loại thuốc quá nên bị hành. Ông hiệu trưởng bắt Thịnh liệt kê những thuốc đã uống và yêu cầu tôi nói với bác sĩ là bà cho con uống quá nhiều thuốc. Tất cả tám loại, mỗi ngày ba lần.

Mỗi tuần bà bác sĩ bắt Thịnh chích hai lần. Rất nhiều lúc nó không bệnh nhưng sau khi chích thuốc lại bị dị ứng, mắt đỏ lên và bắt đầu thở khò khè. Bà ta bắt vào thở máy. Chất thuốc Alupent để vào máy cho Thịnh thở làm tim đập mạnh, mặt biến xanh, có lúc ói ra nhiều nhớt. Những lúc đó, hay những lúc chờ con đi cấp cứu vào nhà thương ban đêm, tôi thấy cuộc đời không còn niềm vui nữa. Tôi chỉ mong ước cho Thịnh hết bệnh suyễn.

Lên lớp bảy Thịnh bắt đầu học kém, làm mất bài làm, vào lớp trễ... Khi học tiểu học từ sáng đến trưa nó chỉ học một lớp và một cô hay thầy, bây giờ chuyên lên Junior high nó phải chạy đi đổi lớp lung tung. Lúc thì tủ bị kẹt, lúc thì chạy từ lớp này

qua lớp kia bị suyễn. Có nhiều buổi sáng sau khi chạy bộ hay tập thể dục với các bạn, Thịnh lên cơn suyễn. Tôi phải thường xuyên viết giấy xin cho con được miễn chạy, vì vậy ngay cả điểm thể dục của nó cũng thấp.

Vì Thịnh suyễn hoài nên phải ngưng học lớp Việt ngữ vào Chủ nhật. Rồi một thời gian sau thì ngưng sinh hoạt hướng đạo. Một phần vì các huynh trưởng hay bận việc nên sinh hoạt không được đều đặn như trước. Phần khác Thịnh thích đá banh một tuần hai lần, và thứ Bảy thường thi đấu với các đội khác vùng.

Thịnh và Cường đều thích đá banh, nên tôi phải làm việc bán thời gian để sau giờ học của các con, tôi có thể đưa rước hai anh em đi đá banh hoặc dợt nhạc hòa tấu ở trường, và tôi còn có thể đi chợ, nấu cơm chiều.

Gần cuối năm lớp bảy, có một dạo tự nhiên Thịnh bỏ ăn và bỏ hết thuốc. Lúc suyễn nó cũng không uống thuốc suyễn. Bác sĩ đề nghị chúng tôi cho Thịnh đi bác sĩ tâm thần và bà cho là nó bị tim. Tôi lại nghĩ nó mệt tim vì uống nhiều thuốc suyễn. Tuy nhiên chúng tôi cũng cho Thịnh đi bác sĩ đặc

biệt về tim, mang máy đo tim. Kết quả, nó không bị tim gì cả. Đạo đó có xảy ra vụ người ta chết vì ăn nhiều phô mai có chất độc, hoặc uống thuốc bán ở chợ có chất độc gì đó. Thịnh ăn thật ít và trong một tuần sụt đến năm kí lô. Lúc đó, tôi chỉ mong sao cho con tôi ăn được, và tôi tự hứa là khi nó trở lại bình thường, tôi sẽ không rầy và ép nó chăm học nữa. Miễn cho nó mạnh khỏe là đủ rồi.

Thịnh là đứa bé nhiều tình cảm. Có một lần ông xã tôi mượn cuốn phim về chiến tranh nguyên tử, vừa mới vặn lên một chút thấy người ta chết vì chiến tranh hóa học, nó khóc òa lên và bắt tắt liền. Lúc học tiểu học, có lần cô giáo bắt làm một tấm bích chương để dán hình nó thích, gọi là “*My very own poster all about me*”. Chỗ ghi câu “Gia đình và tôi”, Thịnh dán hình chụp cả đại gia đình mấy chục người, hình nó khi mới biết lật, chụp ở Đà Lạt, và hình tôi bế nó ngồi chơi trước cửa phòng với ông xã tôi mặc đồ chuẩn úy lúc dạy ở Võ bị Đà Lạt. Nơi chú thích những gì Thịnh ghét, nó dán hình thuốc lá Marlboro, loại thuốc mà ông xã tôi hay hút và hình ông Khomeini. Nơi những gì nó thích thì nó dán hình Tổng thống Reagan và phi hành gia trên mặt trăng.

Riêng ba điều ước của Thịnh viết trên tấm bích chương là tôi không bao giờ quên: Điều thứ nhất, mong cho thế giới có hòa bình; điều thứ hai, không có người nghèo; điều cuối cùng, mong sẽ là người mạnh khỏe nhất trên đời. Đọc những điều ước trên, tôi thấy thương con quá. Có lẽ trong đời tôi, điều mà tôi không thích và sợ nhất, là bệnh suyễn của Thịnh và ông xã tôi hút thuốc lá.

Hồi còn nhỏ, tôi rất thân với dì Xuân. Dì nhỏ tuổi hơn tôi, học giỏi và đẹp có tiếng ở trường Thoại Ngọc Hầu, Long Xuyên. Năm nào dì cũng được lãnh phần thưởng xuất sắc của trường. Tóc dì dài, mũi cao mơ mộng, miệng cười má lúm đồng tiền. Nhưng mỗi khi đi lên cơn suyễn, trông dì thật mệt và tội nghiệp. Lúc ở Sài Gòn, mỗi lần nghỉ hè tôi thường hay về Long Xuyên chơi ở nhà dì. Nhiều đêm tôi chợt thức thấy dì ngồi thở khó khăn và hình ảnh đó không bao giờ phai mờ trong trí tôi. Ngờ đâu bây giờ đến lượt con trai tôi cũng bị khổ sở vì chứng bệnh quái ác này.

Chuyện “ông bố hút thuốc lá” là một bận tâm khác. Cả hai anh em Thịnh, Cường tìm mọi cách cản ngăn ba chúng hút thuốc. Có đạo nhà trường

dạy về sự nguy hiểm của thuốc lá. Hai đứa về nhà thấy thuốc lá ở đâu là giấu hoặc vò nát rồi liệng thùng rác. Ông xã tôi phải đi theo xin từng điếu một. Nhiều lần, hai đứa rất tức giận vì ba chúng cứ hút thuốc hoài, bỏ không được.

Một hôm Cường khóc nói với tôi: “Mẹ là vợ mà sao không tiếp tụi con nói với ba vậy”. Tôi bảo: “Mẹ nói hoài không được”. Tôi không muốn nói nữa vì mỗi lần nói đến thuốc lá là vợ chồng mất vui. Thịnh mua cho ba nó một cuốn video “Stop Smoking” (Ngưng hút thuốc). Nó vạ cho ba nó xem, một lát ba nó ngủ khò. Chẳng thấy hiệu quả mà ba nó cũng chẳng chịu xem một mình, nên cuốn video bị chìm trong lãng quên.

Niềm hi vọng cuối cùng của hai thằng con trai là đợi bà nội qua đoàn tụ để bà nội rầy ba. Bà nội qua đoàn tụ tháng 9-1989 và tuy bà có rầy, nhưng ba chúng vẫn trơ trơ, làm hai đứa buồn lắm. Nhất là thấy bà nội xỉa thuốc mỗi khi bà thèm trầu, tụi nó lại sợ bà bị ung thư cổ.

Bây giờ hai con tôi yêu cầu ba chúng hút thuốc ngoài sân để chúng không bị suyễn. Hai đứa giải thích là người hít hơi thuốc còn bị hại hơn

người hút thuốc. Nhiều khi tôi tự an ủi là có nhiều điều mình cho là kém may mắn lại là một điều may. Cũng như Thịnh bị suyễn thì chắc cả đời nó sẽ không hút thuốc lá. Mong thay!

Mấy năm đầu, sau khi tôi lấy chồng, có lần ba tôi nói: “Con Mai ghét của nào trời trao của đó”. Ông xã tôi không nghiện rượu hoặc mê cờ bạc, nhưng khi ăn tiệc có bạn thân thì cũng uống cho vui. Còn thuốc lá thì mỗi ngày cả hai gói. Có chuyện khó khăn trong công việc hay trong đời sống nhiều chùng nào, anh ấy càng hút thuốc nhiều chùng đó.

Khoảng thời gian Thịnh bỏ ăn, vợ chồng tôi cũng lo vô cùng. Tôi hay ngồi bên giường con, hôn con trước khi nó đi ngủ. Nó không ăn nên ốm nhom, tôi phải lấy quần áo cũ cho mặc, vậy mà cũng còn rộng. Tôi tự hứa khi nào Thịnh chịu ăn lại, sẽ không bao giờ rầy lúc nó ăn nhiều nữa.

Mỗi lần Thịnh suyễn, tôi đưa thuốc suyễn thì nó lắc đầu, nhất định không chịu uống, chỉ nằm nghỉ và bơm thuốc Ventoline. Có lúc suyễn nhiều sợ đi bác sĩ không kịp để chích thuốc, Thịnh ngồi ngay xuống đất, chấp tay niệm Nam Mô A Di Đà

Phật. Một lần lên con thuyền vào buổi tối, nó bắt ba chở đi bác sĩ. Nó cứ niệm Phật trên xe và kêu khó thở. Ông xã tôi nói, nếu cảnh sát có rượt chắc anh ấy cũng không ngừng.

Từ lúc tự động bỏ thuốc tới giờ, Thịnh cố tự chữa bằng cách nghỉ ngơi khi lên con thuyền, và chỉ bơm thuốc vào miệng hít vào cho nở cuống phổi ra. Khi thuyền nặng thì đến bác sĩ gia đình để chích thuốc. Tôi cũng cho Thịnh đi châm cứu và nó bắt đầu chơi thể thao nhiều. Năm nào đến mùa đá banh, hai anh em đều có vào đội banh. Có mùa thì chơi dã cầu hoặc bóng rổ. Năm rồi nó cố gắng chạy nhiều để vào đội đá banh của trường. Nhờ chạy nhiều nên người Thịnh tuy to nhưng rắn chắc, thon hơn bây giờ, và dĩ nhiên là rất nhiều lần phải đấu tranh với các con thuyền.

Thịnh và Cường đều bị dị ứng nên nghẹt mũi gần như kinh niên. Mỗi lần nằm gần con ban đêm tôi ngủ không được vì tội nghiệp con quá. Hai anh em đều thở bằng miệng nên mỗi lúc nào cũng khô. Khi thời tiết chuyển mùa sang thu hay xuân, cả hai đứa đều nghẹt mũi nhiều vì phấn hoa.

Hè vừa rồi tôi đem Thịnh đến bác sĩ De Berry chuyên môn về tai mũi họng. Ông có một ống cao su nhỏ, đầu ống có đèn để đưa vào mũi xem. Vừa nhìn vào là ông nói xương mũi bên mặt Thịnh bị gò ra nên khó thở và khi nghẹt mũi thì nước mũi chảy xuống cổ họng làm khò khè gây nên suyễn. Ông đề nghị mổ mũi. Thịnh mừng lắm vì mong bớt suyễn sẽ chơi được nhiều thể thao hơn.

Năm nay Thịnh đã mười bảy tuổi học lớp 11, vẫn ở trong đội bóng chuyên của trường, mỗi ngày đều dợt banh và mỗi tuần thi đấu hai lần. Nó mê bóng chuyên hơn cả đá banh hay các loại thể thao nào khác. Thịnh hay mời cha mẹ đến xem mỗi lần đội của nó đấu với các trường bạn. Đến xem tôi mới biết con trai mình đưa banh giỏi và là nhân vật trọng yếu của đội. Chỉ có điều là nó to con hơn các bạn trong đội.

Khi cố vấn của trung tâm Jenny Craig hỏi lý do Thịnh muốn xuống cân, nó nói để được nhanh nhẹn hơn và nhảy cao hơn khi chơi bóng chuyên. Thịnh nói với Nancy, cố vấn, là ông thầy có hứa nếu Thịnh xuống cân thì năm tới sẽ cho chơi banh nhiều hơn. Tôi được Cường cho biết riêng là ông

thầy này có nói, nếu Thịnh xuống cân sẽ được vào đội tuyển của trường.

Tôi thâm nghĩ biết đâu con mình bị quá trọng lượng cũng là điều tốt, để có cơ hội học hỏi. Bây giờ Thịnh phải gặp cố vấn để nói chuyện và đến lớp học về các môn như kỹ luật, bỏ các thói quen xấu, học về cách dinh dưỡng, vân vân. Thịnh sẽ rèn luyện được ý chí của mình. Mỗi ngày nó ăn uống theo thời khóa biểu và thực đơn của chương trình.

Lúc trước có lẽ vì nghẹt mũi kinh niên nên Thịnh khó tập trung tinh thần để làm bài hay học bài. Từ ngày mở mũi đến giờ việc học hành đã có phần tiến bộ. Cường không thích học nhạc nhưng Thịnh lại tự chọn môn âm nhạc. Khi lên trung học đệ nhất cấp (Junior High School), nó ngưng học nhạc nhưng lúc lên lớp tám thì học trở lại và học cả sử dụng hồ cầm.

Thịnh nói với tôi khi chơi nhạc thấy học khá hơn. Năm đó tôi có xem nó đi trình diễn ở Đại học Saddleback College, trường trung học của Thịnh được chấm hạng nhì, sau trường trung học Los Alamitos. Lên trung học nó chỉ cần học hai năm về

âm nhạc nữa thôi, nhưng lại quyết định học luôn bốn năm cho đến khi ra trường.

Năm nay tôi không còn phải lo đưa rước con nhưng lại lo nó có thói quen chạy xe quá mau. Dĩ nhiên ngoài chuyện bảo hiểm xe, tiền trả góp xe hàng tháng, còn có tiền bị phạt, đụng xe, vân vân.

Hai ngày nay Thịnh phải nộp cho tôi mỗi ngày mười đồng vì đi học trễ, đậu bậy nên bị phạt 35 đồng. Nó nhờ tôi giữ bí mật và tôi nói khi nào góp đủ tôi mới chịu ký chi phiếu trả tiền phạt.

Sở dĩ Thịnh phải giấu, vì ông xã tôi vừa mới trả cho nó một giấy phạt vượt đèn đỏ hôm nó đi Disneyland về với các bạn. Một tháng trước anh ấy cũng đã đóng tiền phạt cho nó về lỗi chạy xe quá tốc độ và số tiền nó phải học lại lớp lái xe để không bị ghi vào hồ sơ cảnh sát.

Mấy ngày đầu tiên thấy con phải ăn theo thực đơn của chương trình ăn kiêng, tôi thấy tội nghiệp quá. Tôi vào phòng thấy Thịnh nằm im. Tôi tưởng nó ngủ nên tắt tivi, thì nó mở mắt ra nói: “Mẹ à, con mệt và đói”. Tôi bảo: “Để mẹ gọi hỏi xem họ có cho con đủ thức ăn không nhe”. Thịnh bắt tôi gãi lưng mà phải gãi mạnh cả hai tay. Nó thật

giống tôi hồi nhỏ cũng ghiền mẹ gãi lưng lắm, nhất là lúc tôi được bảy, tám tuổi ở Cái Vồn, Cần Thơ. Chiều chiều mẹ tôi hay ngồi trên bộ ván trước nhà nói chuyện với bạn bè hàng xóm, tôi thường hay nằm bên cạnh, gió hiu hiu làm tôi buồn ngủ. Đó là lúc tôi hay đòi mẹ gãi lưng nhất.

Thịnh ăn kiêng đến ngày thứ ba thì khoe với tôi với một vẻ vui khác lạ: “Con xuống được bốn cân mẹ à”. Mẹ tôi nói: “Mẹ thấy Thịnh nó ở trần nhìn vô kiếng, ngấm tới ngấm lui con ạ”. Bà nội thấy Thịnh ăn ít nên xót ruột, sợ nó đói.

Tuần đầu Thịnh phải đi học lớp ăn kiêng dành cho vị thành niên và một lớp định hướng (orientation). Tôi năn nỉ con để được đi cùng mà nó nhất định không cho, nói lớp đầu tiên muốn đi một mình. Nó đi học và hẹn với bạn ra công viên đánh banh luôn. Tôi mừng lắm vì như vậy nó sẽ vắng mặt lúc tôi nấu cơm chiều và bữa cơm gia đình. Tôi sợ con thèm ăn tội nghiệp, vì lúc nào tôi nấu ăn nó cũng xin được nếm. Có khi nếm nhiều quá, nhất là món sườn ram là tôi phải rầy, nói con trai ăn bốc hay ăn vụng trong bếp là xấu lắm.

Hôm Thịnh ăn kiêng ngày thứ nhất, nhằm lúc anh bạn từ thuở trung học Taberd của ông xã tôi bên Việt Nam qua. Tôi đãi anh Tài, trùng tên với ông xã tôi, món chả cá Thăng Long. Thịnh bốc hết mấy miếng cá nướng, nói vì thơm quá. Qua ngày sau nó còn bốc hết mấy miếng thịt vịt trong nồi bún vịt và mấy cục sườn heo kho với tàu hủ. Tối nó còn than đói quá, ăn thêm hai miếng phở mát, một miếng thịt nguội và mấy cái bánh lật. Tôi dặn con phải khai hết với cô vấn đề họ tìm cách giúp. Khi Thịnh đi học ở trung tâm Jenny Craig về thì có vẻ tự tin hơn, nói với tôi: “Mẹ à, đứa nào cũng ăn gian hết hà!”.

Tôi và ông xã hay đi bách bộ sau giờ anh ấy đi làm về và nghỉ ngơi độ nửa giờ. Anh luôn thích cả gia đình ăn cơm chung buổi chiều vì cả ngày kẻ đi làm người đi học. Đối với anh ấy bữa cơm chung rất quan trọng để vợ chồng con cái gần gũi nhau. Hôm nào đi làm về mà thấy con ăn cơm xong hoặc vừa ăn vừa xem tivi là anh ấy “xụ mặt” ngay. Nhiều khi tôi phải giải thích là các con đi học cả ngày, chiều đưa thì chơi bóng chuyền, đưa đánh quần vợt, về đến nhà đứa nào cũng đói quá làm sao đợi đến bảy, tám giờ tối. Còn bà nội mấy cháu năm

nay đã bảy mươi sáu tuổi, người già nếu để bụng đói sẽ mất sức hay đau bao tử, và bà lại quen bên Việt Nam dùng cơm lúc năm giờ chiều.

Bây giờ tôi muốn giúp Thịnh ăn kiêng nên đề nghị với anh là tôi sẽ nấu nướng giản dị hơn, nhất là tránh nấu những món nó thích như gà xào mặn với gừng, cá bông lau kho tộ, mắm chung...

Cường, con trai kế tôi không phê bình gì về nghề nghiệp của mẹ nhưng những lúc gần đây Thịnh nói với tôi: “Con không thích mẹ làm bông”. Tôi hỏi tại sao thì nó nói: “Con thích mẹ có nghề nghiệp chính thức”.

Tôi nói với con nghề cắm hoa cũng là một nghề tốt vậy. Tôi có thể làm ra rất nhiều tiền hay trở thành nổi tiếng, nếu tôi chịu bỏ nhiều thì giờ đi trình diễn, hoặc tham dự các cuộc thi cắm hoa lớn. Nhiều bà chủ tiệm muốn tôi làm toàn thời gian và hứa nếu làm lâu, họ sẽ bảo trợ tôi trong ngành này để tôi gia nhập hội và đại diện tiệm hoa đi tham dự các nơi.

Tôi hỏi Thịnh: “Vậy con thích mẹ viết báo hay làm cho đài truyền hình hơn à? Mẹ có thể nổi tiếng và làm nhiều tiền hơn nhưng mẹ phải đi làm

xa vì các đài truyền hình và các hãng phim ở tận Hollywood lận. Nếu làm những nghề đó mẹ phải đi, có khi cả tuần hay cả tháng như bác Sang ở đài NBC vậy. Rồi ai đưa rước, nấu ăn dọn dẹp cho tụi con?”. Tôi nói đến đây, Thịnh làm thinh không trả lời, nhưng tôi biết sự chộn lự của nó.

Lúc trẻ con xóm tôi bắt đầu hư hỏng, bỏ học, hút thuốc, hỗn với cha mẹ, vợ chồng tôi thật bối rối, có ý định dọn nhà đi, hoặc xin chuyển con đi trường khác, để nó không bị ảnh hưởng xấu của bạn bè.

Chúng tôi đã dọn nhà từ Long Beach xuống Mission Viejo vì nghĩ vùng này sự giáo dục tốt và khí hậu ít ô nhiễm để Thịnh và Cường bớt dị ứng suyễn. Lúc mới về ở đây thì tất cả các đứa bé hàng xóm đều học tiểu học. Mỗi năm trôi qua, chúng lớn dần và sự khổ tâm của các cha mẹ khu tôi ở bắt đầu gia tăng, nhất là kể từ khi trẻ con bắt đầu lên lớp bảy, lớp tám.

Lúc thì bà hàng xóm ngang nhà tôi mắng vốn Mary ở gần nhà là anh em Mark chọc ghẹo Laura, liệng giấy cho con bé hay tuột quần đưa mông cho con bà. Hôm thì Mark lén ăn cắp xe hơi chạy bị

cảnh sát bắt. Có hôm tôi đi làm về thấy hai ba xe cảnh sát bên cạnh nhà, sau đó mới biết Mark bị ba đánh nên gọi cảnh sát. Một ông cảnh sát nói chuyện, khuyên giải Mark ở trước nhà. Trong phòng khách thì hai ông khác nói chuyện với vợ chồng Mary.

Thịnh hay khó khăn với em nhưng quá tốt và yếu mềm với bạn bè. Bạn mượn gì nó cũng cho. Lúc thì đồ chơi, lúc thì xe đạp, hoặc tiền. Khi Thịnh cho Dany mượn đến mười đồng, tôi bảo nó phải đòi: “Mẹ cho con tiền ăn bánh sao con cho nó mượn hoài vậy. Nếu nó mượn thì phải trả”. Mỗi lần tôi bảo Thịnh đòi đĩa hát, xe đạp, băng nhạc, đồ chơi điện tử hay tiền đã cho bạn mượn, thì nó cứ khước lãn hoặc trả lời: “Con có đòi rồi”. Tôi có cảm nghĩ nó hay tội nghiệp những đứa bạn kém may mắn hơn vì cha mẹ chúng nó ly dị.

Có lúc chúng tôi quyết định dọn nhà, nhưng những căn nhà mới mắc tiền và lại nhỏ hơn căn nhà đang ở, có cửa sau đi xuống dưới đồi là trường tiểu học La Tierra. Chúng tôi mua căn nhà này để tiện cho việc hai con đi học gần và để khi bà nội qua đoàn tụ có thể nhìn các cháu lúc ra chơi cho đỡ

buồn khi các cháu đi học, các con đi làm. Nhưng lúc bà nội qua Mỹ thì Thịnh, Cường đã lên trung học vì thủ tục xin giấy tờ qua đoàn tụ gia đình phải chờ quá lâu.

Có lần tôi hỏi ý kiến ông thầy của Thịnh là có nên chuyển nó sang một trường khác để xa đám bạn không? Ông thầy khuyên, tốt nhất là giữ và theo dõi con, rồi hướng dẫn nó vì ở trường nào cũng có học sinh tốt và học sinh xấu.

Khi Thịnh, Mark, Dan, Scott lên Trường Trung học Mission Viejo thì Thịnh thường xin cho các bạn quá giang đi học hoặc đi làm. Nó thường hay hỏi tôi lúc tôi ngừng xe đón và nó dắt đám bạn đứng sẵn bên xe để tôi không thể từ chối. Trục và Toàn thường đi quá giang nhiều nhất. Toàn thì không nói làm gì vì ba nó đi học tập rồi chết, mẹ có chồng khác nên nó qua Mỹ ở với chú. Còn những đứa khác đều có cha mẹ đầy đủ nên nhiều khi tôi bực quá cần nhẫn thì Thịnh bảo tại ba mẹ tụi nó bận việc hoặc đi làm. Tôi nói: “Mẹ cũng biết đi làm vậy nhưng mẹ muốn dành thì giờ cho hai con, chứ không lẽ mẹ phải lo hết cho những đứa con của hàng xóm?”.

Tôi biết trẻ con hàng xóm bực bội tôi và hay chế nhạo Thịnh là có mẹ chăm sóc như em bé. Mỗi lúc Thịnh chạy qua trước sân mà tụi nó đang tụm năm tụm ba nói chuyện chơi, hút thuốc, chửi thề, nhỏ nước miếng rồi vặn nhạc xe hơi ùng ùng, là tôi gọi con về. Chúng thường nhìn tôi với đôi mắt thiếu thiện cảm. Mỗi lần vào nhà tôi chơi, chúng cũng không biết chào hỏi người lớn.

Thịnh thương bạn nên rất thích tôi chơi với mẹ của bạn. Mỗi lần tôi đi sắm quần áo hay đi chợ Việt Nam ở Bolsa với Mary, Thịnh rất mừng. Mary và đứa con út rất mê phở. Lúc đám nhỏ còn học tiểu học tôi thân với Mary hơn. Mary là người đảo Guam. Ba mẹ Mary sinh mười lăm đứa con. Mary nói lúc nhỏ rất nghèo, nhà anh chị em đông nên thường phải ăn cháo mới đủ cho cả nhà. Có lẽ Mary lai Phi nên hơi đen. Mỗi lần nhà Mary có tiệc thì tôi thấy họ hay nướng thịt ba rọi ăn ngon lành.

Lúc tôi mới dọn nhà đến, thằng con út của Mary mới vào lớp chuẩn bị mẫu giáo (pre-school). Mỗi lần tan học nó phải chạy vòng vòng ngoài sân cho đến khi hai anh nó đi học về mở cửa cho vào. Tôi có tánh hay “lo chuyện thiên hạ” nên tôi

nghiệp thẳng bé vào những lúc trời mưa. Mary để máy đưa con ở nhà quen rồi nên chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại hỏi thăm.

Tôi thường hay khéo léo nói xa nói gần khuyên Mary, bảo nếu con còn nhỏ mà mình không lo xem chừng thì lúc nó lớn mình mệt lắm. Mary cũng hiểu, lúc nào cũng “I know, I know” (Tôi biết, tôi biết) nhưng vẫn vậy.

Có một lần cuối tuần cả nhà Mary đi cắm trại, đưa con trai lớn ở nhà mở tiệc. Bạn bè nó kéo đến càng lúc càng đông, vì hễ chúng nghe có chỗ nào mở tiệc thì không được mời cũng kéo đến. Tôi có cảm tưởng căn nhà hàng xóm tôi sắp sập đến nơi nếu cảnh sát không đến kịp. Sau đó Mary kể cho tôi nghe vì bọn trẻ kéo đến đông quá, Tom - anh của Mark - gọi chú đến tiếp để đuổi đi, vì không có ba mẹ nên không dám gọi cảnh sát. Thế là có đánh lộn, Mary nói nhà bà bị thủng vách tường và bà phạm luật vì con bà dưới mười tám tuổi mà có ấu dâm, mở tiệc lúc không có cha mẹ ở nhà. Tom xong trung học thì đi Oklahoma học hai năm nghề sửa xe.

Khi Thịnh và lũ bạn lên lớp mười, tôi thường thấy Mark ở nhà hoặc ở tiệm rượu trong giờ học. Dần

dẫn đến Dan, bạn cũ ở sau đồi cũng bỏ học. Thịnh hay lén tôi lấy xe chở Mark và bồ của Mark tên Jennifer cùng lữ hàng xóm. Khi thì đi xin việc làm, khi đi sắm sửa hay đi chợ. Nó xin phép tôi đi đâu một chút, dặn tụi bạn đi bộ ra đầu đường rồi nó chạy ra đó rước. Tôi thường nói với con: “Thịnh à, chuyện đó để ba mẹ tụi nó lo. Ba mẹ tụi nó có trách nhiệm phải lo cho tụi nó. Mẹ không đổ xăng để con chở tụi nó như vậy. Còn con phải dành thì giờ học bài chứ không có ‘đi chơi vòng vòng’ với tụi nó hoài mẹ không bằng lòng”. Tôi dọa lấy chìa khóa xe lại không cho Thịnh lái xe nữa, nhưng nó cũng vẫn vậy.

Tuy nhiên từ khi Mark bỏ học, xin việc không được vì để tóc dài, rồi Jennifer có bầu, gia đình phải đưa lên ở thành phố Los Angeles. Cô ta phải ở trong trung tâm dành cho nữ học sinh vị thành niên có bầu mà không được nhìn nhận. Từ hôm đó trở đi Thịnh có vẻ suy nghĩ và lo học, lo cho tương lai hơn. Nhất là khi thấy Jennifer phải xin trợ cấp xã hội, thẻ y tế, vân vân, nó nhận ra tương lai của bạn mình mờ mịt. Đến lúc này tôi không cần giải thích hay khuyên dạy con nữa vì biết nó sẽ tự suy nghĩ lấy.

Mission Viejo, California 29-04-1991

THẰNG LÙN YÊU DẤU

Thằng Lùn là biệt danh của Louis Trần Phú Cường. Louis là tên ông xì-pông-xo (người bảo trợ) gốc Do Thái của gia đình tôi. Cường rất ghét ai gọi nó bằng cái tên Louis nên cái tên này bị “đẹp tiệt” ngay từ lúc nó còn nhỏ. Các cô, các thầy, các bạn Mỹ phải bẻ miệng chu môi khi đọc tên Việt Nam của nó, mỗi người phát âm một cách, nhưng chẳng ai gọi đúng. Có kẻ thì đọc “cung”, “coong”, vân vân. Vậy mà thằng Lùn vẫn nhất định không chịu xài tên Louis. Mỗi khi tôi hoặc ông xã gọi nó bằng Louis để chọc ghẹo thì nó cười nói: “It sounds stupid!”.

Có một lần tôi đọc nhật ký viết ở Đà Lạt lúc cu Thịnh còn nằm trong bụng mẹ cho cu Thịnh

nghe. Thịnh không chú ý nhiều hoặc có vẻ hơi què vì không đọc giỏi chữ Việt, riêng Cường thì chú ý lắm. Cường hỏi: “Mẹ à, mẹ có viết gì về con không mẹ?”. Tôi “ngớ” ra không biết trả lời sao. Chẳng biết tại sao tôi không viết gì về Cường. Có lẽ lúc mang bầu nó là lúc chúng tôi đang còn hoang mang với tâm trạng vừa xa quê hương, đổi đời, đầu óc còn nhớ lại chuyện lẩn lóc tại các trại tị nạn, nay trại này, mai trại khác.

Chúng tôi quyết định có thêm một thằng nhóc để cho hai anh em nó có bạn khi gia đình chúng tôi ở trong trại định cư Fort Chaffee, Arkansas. Chiều chiều, sau khi xếp hàng lãnh cơm ăn xong, hai vợ chồng chúng tôi thường dắt Thịnh, lúc đó khoảng một tuổi rưỡi, đi dạo vòng vòng trong trại. Chúng tôi thường bàn chuyện tương lai trong lúc bách bộ. Hai đứa nghĩ nếu tôi không có bầu thì khi ra khỏi trại, bị cuốn vào “guồng máy xứ Mỹ” sẽ không dám có đứa con thứ hai nữa. Cuộc sống xứ lạ quê người hẳn là sẽ khó khăn, vất vả, muốn có thêm con, chúng tôi phải có ngay trong thời kỳ chờ đợi này.

Vậy là một tháng sau tôi đi khám ở bệnh viện trại và kết quả là vợ chồng tôi sẽ có một thằng nhóc

thứ hai. Sở dĩ biết trước có thêm một đứa con trai vì tôi có linh cảm và một phần nào ông thầy tử vi đã xem cho tôi lúc tôi mới sanh Phú Thịnh. Ông ấy bảo thằng em sẽ học khá hơn thằng anh, gia đình tôi sẽ xuất ngoại và nhập tịch ngoại quốc. Ông xã tôi không tin vì ông rất ghét thầy bói. Lúc đó tôi nửa tin nửa ngờ vì ông xã tôi đang dạy ở Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam ở Đà Lạt. Tôi bảo đùa: “Chắc anh sẽ xuất ngoại qua Campuchia đánh giặc quá”.

Thịnh được sinh ra ở Việt Nam mà lại cao và lớn nhanh như thổi. Còn Cường, sinh ngay trên đất Mỹ nhưng lại nhỏ con. Thằng anh mập mạp, chúng tôi phải canh cho nó đừng ăn nhiều. Thằng em, ngay khi còn nhỏ, cứ phải mang đi cân đi đo, rồi hỏi bác sĩ sao nó chậm lớn quá. Lúc nhỏ Cường bị dị ứng nên phải bú sữa Isomilk. Trẻ con uống sữa đậu nành này ít khi xô sữa. Cường không ăn cheese, không ăn mayonnaise, không thích uống sữa. Những gì mà nó không thích thì anh nó lại mê. Nhiều bữa cơm tôi phải rầy la hò hét, Cường mới chịu ăn thêm, nếu không thì chỉ ăn một chén.

Gia đình tôi đến Minnesota vào tháng 6, 1975. Công ty xuất nhập cảng Weinstein đã bảo

trợ cho đại gia đình chúng tôi. Thế là sau khi định cư được một tuần, ba tôi và ông xã tôi đi làm ngay. Đây là giai đoạn hạnh phúc nhất vì đại gia đình được sống gần nhau, ba luôn gần gũi mẹ và các con cháu. Lúc đó mang bầu nên tôi quanh quẩn trong nhà nấu nướng, chỉ ra ngoài khi đi chợ và ban đêm đi học Anh văn.

Tôi bắt đầu học hỏi cuộc sống Mỹ và có cảm tình với người Mỹ qua hai vở kịch trong truyền hình “Search for Tomorrow” và “The Young and The Restless”. Riêng Thịnh thì hay xem kịch vui Fonji với hai cậu là em trai tôi, nên ở nhà thường bắt Thịnh nhái theo điệu bộ của tài tử Fonji. Thế là nó đứng ẹo một bên, một ngón tay cái chỉ ra phía sau lưng.

Gia đình chúng tôi ở trong hai căn chung cư, mỗi căn hai phòng. Sau đó gia đình ông bạn thân của ba tôi, một người anh họ và hai người cháu của ba mẹ tôi cũng về đó, nên nhà tăng lên mười sáu người mà chỉ có một chiếc xe hơi. Thời đó, điều chúng tôi mừng nhất là mua được nước mắm. Tôi và cô em họ hay chặt gà để nấu gà xào mặn. Mỗi lần làm món này thì cứ y như rằng ở tầng dưới

người ta động cây lên rầm rầm phản đối tiếng kìa chặt gà. Vì đông người, nên tiếng chân đi nhiều, nhất là cu Thịnh cứ chạy tới chạy lui nên chúng tôi thường “bị” than phiền. Thế là mỗi lần làm gà xào mặn, sườn ram, giò heo hầm măng vân vân là cậu em họ lại phải bung thớt, bung thớt xuống tận dưới hầm chỗ đậu xe để chặt.

Lúc Cường được sáu tháng, tôi đi học tại Đại học Minnesota. Lúc đầu tôi định theo ngành báo chí nhưng sau đổi qua ngành truyền hình. Khi dọn về California ở Long Beach tôi đi học toàn thời gian ở Đại học CSULB (California State of Long Beach), lại viết cho hai tờ báo tiếng Việt, nên lúc nào cũng bận rộn. Khi tốt nghiệp đại học năm 1980, tôi đi làm ở Đài Truyền hình Giáo dục KCET (Community Educational Television) ở tận Burbank. Tôi nghiệp cho gia đình nhỏ bé của tôi. Hai anh em thằng Lùn lúc còn nhỏ phải đi săn tin với mẹ về các sinh hoạt cộng đồng nào là hội thảo, văn nghệ, triển lãm tranh hay hình ảnh quê hương, các lớp học Việt ngữ, Tết Trung thu, Đại lễ Phật đản, Lễ Vu lan... Ông xã tôi thì lái xe đi theo giữ con. Không biết thuở xưa nếu anh ấy biết có vợ

viết báo cực như vậy thì anh có chịu đợi tôi đến bảy năm hay không?

Lúc còn trẻ khi mới đậu tú tài toàn phần, tôi ghi tên học luật. Ba tôi muốn tôi học ban kinh tế để đi làm ngân hàng. Tôi thấy học luật vất vả quá. Mỗi ngày phải đến sớm để “giành chỗ”. Lúc học thì đề lên lưng lên cổ nhau để ghi “cua”, nên tôi qua đại học Vạn Hạnh xem thử. Tôi thấy không khí ở đây thật thoải mái, không giành giật chen lấn, không phải “gạo” bài dày cộp và nhất là biết tánh mình không thể hợp với lối học từ chương.

Sau khi đọc kỹ yếu ngành báo chí, tôi thích quá nên về nhà xin ba đổi ngành. Ba tôi nói làm báo “nghèo” lắm. Ba hỏi hay là ba cho tôi đi qua Nhựt học sửa sắc đẹp. Tôi bảo làm nghề này chỉ sửa cho các cô các bà bề ngoài thôi, mà tôi thì muốn giúp cho mọi người về tinh thần cơ. Tôi nhớ có một giáo sư bảo rằng viết báo có thể giúp ích được hàng triệu người gì đó, nên tôi mê cái ý này lắm và nhất định theo đuổi ngành báo chí.

Tôi cố thuyết phục ba: “Con thấy học báo chí sẽ được mở mang kiến thức về rất nhiều vấn đề. Và lại có kiến thức con sẽ dạy cho con của con tốt hơn,

và nghề này vừa đi làm vừa có thì giờ lo cho con cái ba ạ”. Thế là ba tôi đồng ý. Khi ở Việt Nam, tôi viết phóng sự cho báo *Chính Luận*, mỗi bài được trả nhuận bút 3.000 đồng. Lương ký giả tờ báo này theo tôi được biết là khoảng 60 ngàn, cũng gần ngang với lương phụ tá giám đốc của tôi tại Công ty Hải sản đông lạnh PASEFOCO bên kia cầu chữ Y.

Qua xứ Mỹ ông xã tôi lại phải nuôi tôi để tôi đi học truyền hình và viết báo. Viết cho báo tị nạn, không có nhuận bút nên phải thiện chí và lý tưởng lắm mới làm được. Cuối tuần, ngoài việc đi chơi với gia đình, nghỉ ngơi, dọn dẹp nhà cửa hay lo chợ búa, người viết báo còn phải đi săn tin vì các sinh hoạt cộng đồng chỉ nhằm vào những ngày nghỉ. Ngoài ra còn phải tốn kém nhiều thứ như gửi thư hỏa tốc, mua phim, rửa hình lấy liền, để gửi về tòa soạn cho kịp báo lên khuôn. Đã học về báo chí và viết lách chuyên nghiệp, lại cứ phải viết “chùa” tháng này qua năm khác nhiều khi cũng tủi thân. Nhưng có thể nói báo chí Việt ngữ hải ngoại, những năm đầu, có được là do sự hi sinh chung từ nhiều phía.

Nhiều lúc tôi cần nhờ ông Đinh Thạch Bích chủ nhiệm báo *Việt Nam Hải Ngoại* khi có dịp đến

thăm tòa soạn. Ông ấy bảo báo của ông không có quảng cáo, mỗi lần in báo ông đều phải đắp tiền túi vào. Tòa soạn của ông rất nhỏ, nằm tầng dưới căn nhà ông đang ở và ông cùng các cộng tác viên đều phải thức đêm để làm báo. Tờ báo khác mà tôi cộng tác cũng thế, lúc lên San Jose thăm, tôi thấy tòa soạn báo *Người Việt Tự Do* ấn bản Mỹ Châu không có thiết bị sưởi nên mùa đông anh Đỗ Thông Minh bệnh. Vậy là viết bài đã không có nhuận bút, lại còn phải mua thuốc bổ mang đến biếu các anh, vì thấy họ làm việc cho lý tưởng.

Có lẽ thằng Lùn sẽ giận tôi. Nó sẽ hỏi tôi viết về nó hay viết về tôi cũng nên. Lúc tôi tốt nghiệp Đại học Long Beach, Lùn được bốn tuổi mà còn ôm chai sữa. Tôi thường bắt các con đi cúng, rồi ngồi niệm Phật năm mười phút trước khi đi ngủ. Thịnh có da có thịt nên lúc nào cũng ngộ nguậy còn Cường thì ngồi tham thiền rất yên. Thịnh hay chấp tay trên ngực còn Cường thì để hai tay trên đầu gối, ngón cái và ngón trỏ giao nhau. Có lần Cường nói: “Con feel được energy, mẹ ơi”.

Cường bị tai nạn hai lần do trẻ con hàng xóm gây nên. Một lần nó đang đạp xe ba bánh bằng

nhựa thì bị một chú bé Mễ hàng xóm xô té bẻ trán mang sẹo. Lần khác, nó đang cùng trẻ con hàng xóm chạy xe đạp trên các ụ đất của căn nhà bên kia đường thì bị một đứa bạn xô té gãy chân. Tính nó can đảm, ít những nhẽo than thở khi đau như Thịnh. Lúc nó gãy chân là khoảng thời gian tôi đang cảm thấy những biến chuyển tâm linh rất mạnh mẽ và đang cố ghi lại những cảm nhận, kinh nghiệm về các trạng thái tâm linh của mình. Thời gian này tôi bỏ nửa chừng chương trình cao học về truyền hình giáo dục cho trẻ con tị nạn mà tôi đang theo để lấy các lớp về tôn giáo, thiên văn học... và đọc rất nhiều sách, cũng như gặp nhiều người để thảo luận và học hỏi. Tôi nghĩ những đứa trẻ ở Việt Nam mới cần tôi chứ ở xứ Mỹ chương trình giáo dục trẻ em trên truyền hình thiếu gì.

Anh Lùn của tôi có lẽ sẽ cho rằng mẹ nó lại lạc đề rồi. Cường còn có một cái biệt danh nữa là “ông già hà tiện”. Nó xài tiền kỹ lắm và cất giữ rất ngăn nắp. Đôi khi muốn tập cho con để dành tiền, tôi mở trương mục cho con để tiền lì xì vào sau mỗi dịp Tết. Trong khi tiền của Cường càng ngày càng tăng thì Thịnh rút lần rút hồi xài cho hết sạch.

Tuy nhiên Cường hà tiện rất đúng cách. Nó để dành tiền mua xe đạp, đồ chơi hay món gì nó thích. Vì vậy để thưởng công cho con, chúng tôi thường trả phân nửa hay một phần món gì mà Cường muốn mua. Thịnh ăn xài lớn nên chỉ còn cách chơi ké đồ chơi của em. Một hôm tôi hỏi hai anh em khi lớn lên tiền kiếm được để làm gì? Thịnh nói phân nửa cho trẻ em ở Phi Châu, phân nửa còn lại cho người nghèo, còn lại chút ít để xài. Tôi hỏi Cường thì “ông già hà tiện” nói: “Không cho ai đồng nào hết vì cho thì không đủ tiền xài”. Tôi hỏi: “Vậy con không giúp trẻ em ở Phi Châu sao?”. Nó thản nhiên trả lời: “Để cho Micheal Jackson lo”. Lúc đó Micheal Jackson và Lionel Richie phát hành đĩa nhạc “We Are The World” để lấy tiền cho trẻ em Phi Châu. Có thể Cường có lý vì chỉ sáng tác có một bản nhạc mà Micheal Jackson đã thu được nhiều triệu bạc.

Thấy Cường có vẻ tính toán quá nên tôi buộc nó phải tiếp tục học đàn. Nó nhất định chỉ học đàn hết năm lớp bảy rồi ngưng, cho rằng học đàn mất thì giờ và điểm nhạc thấp làm cho điểm trung bình bị xuống. Tôi dụ Cường bằng cách thưởng tiền khi nó đi trình diễn cho các ông bà già xem hay hòa tấu ở trường

tiểu học cũ, để giới thiệu ban nhạc ở trường nó. Ông xã tôi hay “yếu lòng” nói với tôi: “Thôi em ạ, con nó không thích thì đừng ép tội nghiệp”. Tôi bảo: “Nó tính toán quá nên phải cho nó học âm nhạc để nó có tình cảm, mơ mộng, nghệ sĩ tính một chút chứ. Con nít có khi nó biết nó thích gì, nhưng cũng có khi nó không biết nó có năng khiếu trừ khi nó thử”.

Lúc ở Minnesota, hai con còn nhỏ, tôi thường mở nhạc êm dịu cho nghe suốt đêm. Tôi thấy xã hội Tây phương loạn quá. Sách báo, phim ảnh toàn bạo lực, khiêu dâm mà tôi không thể không cho con xem truyền hình được. Phim về giáo dục có giới hạn mà tôi còn phải đi học, đi làm không thể ngồi kế bên con hoài để kèm giữ nó. Nhất là lúc nó lớn, nó học những gì ở bạn bè, phim ảnh mình đâu có biết. Vì vậy, việc đưa vào tâm hồn chúng những âm nhạc êm dịu, những tình cảm thương yêu, tôi cho là cần thiết.

Thấy mướn đàn tón kém quá, “ông già hà tiện” bèn đề nghị tôi mua cho cu cậu một cây đàn. Dĩ nhiên chàng lựa đàn hơi to hơn khổ người của chàng để “xài được lâu” và mẹ khỏi tốn thêm tiền mua cây khác. Thế là thằng lùn của tôi tiếp tục học đàn vĩ cầm

cho đến năm nay lớp chín và đàn cùng ban hòa tấu với Thịnh ở Trường Trung học Mission Viejo.

Thịnh lúc nào cũng thích cả nhà xem nó trình diễn với cây hồ cầm to tổ bố, xứng với chiều ngang và chiều cao của nó. Riêng Cường vì tự cho rằng mình đàn dở nên thường trốn ở hàng ghế phía sau và vì nhỏ con nên mỗi lần đi xem, chúng tôi phải cố tìm mới thấy Cường.

Năm nay là năm tôi thấy kết quả nhất đôi với việc hướng dẫn Cường. Tôi không thấy nó than phiền về việc học nhạc nữa mà lại có vẻ thích thú khi đệm đàn cho các bạn trình diễn trên sân khấu. Mặc dù rất bận rộn vì mỗi chiều đều tập quần vợt hoặc qua các trường khác đấu giao hữu, nó vẫn giữ đủ bốn hôm đi trình diễn ở trường và ở nhà hưu dưỡng Leisure World cho người già. Điều ngạc nhiên nữa của chúng tôi là Cường mở nhạc cổ điển rồi ngồi bên cạnh máy hát nghe hòa tấu hàng giờ, nhất là mấy bản nhạc độc tấu bằng vĩ cầm. Đôi khi tôi tự hỏi mình có sai không, khi tôi buộc con tôi học một môn học mà nó không thích? Tôi xét lại các môn khác Cường đều giỏi như cũ. Như vậy thì việc học đàn đâu có trở ngại việc học. Nếu mọi sự học hỏi của nó đều tiến triển, năm tới nó

sẽ vào đội tuyển quần vợt của trường và sẽ đoạt đẳng cấp Hướng Đạo Phụng Hoàng trước khi tốt nghiệp trung học. Vậy việc tôi ép con trở lại Hướng Đạo cũng đâu có chiếm thì giờ và gây trở ngại cho việc chơi quần vợt như nó thường lo ngại.

Sau hết tôi ngại cho chiều cao của thằng Lùn vì sợ các cô chê. Lúc này Cường cũng chịu khó ăn, có lẽ vì thấy bạn bè “nhỏ giò” hết nên chàng cũng bắt đầu lo. Chàng cho tôi biết Harvey, người bạn Phi lai Mỹ của chàng nhờ uống thuốc bổ mà khá nên tôi cũng mua cho chàng uống, và chàng bắt đầu ăn nhiều thật. Khi tôi viết những hàng chữ này thì Lùn cao hơn được một tí. Nó có vẻ khoái chí lắm và cứ hay dắt tôi lại kiếng để đo xem đã cao hơn tôi chưa. Có lẽ tôi phải chuẩn bị đặt cho Cường một cái tên đặc biệt khác?

Mission Vietjo, California 22-05-1991

MẸ NHỚ ÔNG NGOẠI

Từ thuở bé, tôi đã thấy mỗi năm mẹ cúng giỗ cho ông ngoại vào ngày mùng hai Tết. Mẹ tôi mất vào tháng 5 năm 2016 lúc 92 tuổi, trong khi Tết năm đó vào đầu tháng 2 tây, bà vẫn còn cúng giỗ cho ông ngoại. Tôi còn nhớ có một lần đề nghị với mẹ là mẹ già rồi lo cúng kiếng cực quá, hay là mình làm giỗ hội chung cho tất cả ông bà một lần. Mẹ nói: “Con à, mẹ không làm giỗ cho ông ngoại, mẹ thấy trong lòng làm sao ấy, mẹ không yên tâm”.

Cách đây không lâu, mẹ vẫn còn làm đám giỗ cho bà cố của tôi, tức bà nội của mẹ. Bà ngoại tôi mất khi mẹ tôi bốn tuổi vì bà đau sau khi sanh mẹ, có lẽ vì thuở xưa ở làng quê thuốc men không hay nên bà qua đời. Khi mẹ lớn một chút thì một hôm

ông ngoại tôi cỡi ngựa đi xem đất ruộng bị té và ông yếu đi nhiều từ đó.

Cho đến năm mẹ mười một tuổi thì ông qua đời. Mẹ tôi thường xuyên nhắc nhớ về ông ngoại lúc sanh tiền. Tuy ông mất lúc mẹ còn nhỏ, nhưng bà thật yêu quý ông. Mỗi lần kể chuyện về ông ngoại, mắt bà sáng lên và giọng nói trở nên thật vui với một tình cảm thắm thiết đối với người cha của mình.

“Con à, hồi mẹ còn nhỏ chiều chiều ông ngoại hay chạy xe đạp chở mẹ đi chơi quanh trong làng Long Kiến. Ông để mẹ trong cái giỏ mây gắn trước xe đạp. Mẹ thích hết sức vậy đó. Ông ngoại còn hay chơi với mẹ nữa. Ông hay biểu mẹ mặc áo dài, đeo kiềng, mang giày cườm, vai quần khăn quàng bằng tơ màu vàng mua trên Nam Vang, rồi đeo chiếc vòng của bà ngoại để lại cho mẹ. Xong ông ngoại bảo mẹ ra ngoài. Khi ông gọi mẹ bước vào nhà ông chào rồi nói: ‘Chào cô Năm tới chơi’. Sau đó ông cho mẹ ngồi ăn bánh uống nước với ông. Hai cha con cứ hay chơi với nhau như vậy”.

Kể đến đây, mẹ cười thật vui nhưng nước mắt lưng tròng. Mẹ hạnh phúc nhưng cùng lúc

cũng đau khổ khi nhắc đến ông ngoại với tình thương yêu vô bờ bến của một đứa con mồ côi cả cha lẫn mẹ thuở thiếu thời. Sau khi mẹ mất, một hôm dọn dẹp kinh sách của mẹ, tôi thấy một cuốn tập nhỏ bìa cứng dạng nhật ký mà tôi đã tặng mẹ trong một dịp sinh nhật. Tim tôi đau thắt khi đọc những dòng tâm sự của mẹ viết cho ông ngoại vào năm 2003 lúc bà bảy mươi tám tuổi.

Những bài dưới đây đều là nguyên văn do chính tay mẹ Hòa An viết nói lên tâm sự và các diễn biến thật trong cuộc đời phò trì đạo pháp đã hun đúc thành một NGUYỄN HÒA AN, tín đồ thuần thành trung kiên của ĐỨC THẦY, Mẹ Hiền yêu quý nhất đời của chúng con:

Thư Cho Ba:

“Ba ơi! Lại đến mùa Vu lan báo hiếu, con rất đau lòng nghĩ đến ba mẹ. Ba ơi! Ba chết đã lâu rồi, con chắc chắn là ba không còn đau lòng nữa. Chỉ có con đây mỗi mùa Vu lan là nhớ cha nhớ mẹ, nước mắt đầm đìa, thương nhớ cha mẹ vô cùng vô tận không bút nào kể hết! Mẹ chết con mới có bốn tuổi, ba chết con mới mười một tuổi. Ba biết không? Tuổi thơ ngây đó con chịu biết bao nhiêu

điều đau khổ của cảnh mồ cô. Con đau, con nóng, hôn ba về kêu bà nội sắc thuốc cho con uống. Con biết ba chết cũng không đành!

Bà nội kể cho con nghe, ba may quần áo thật nhiều để lại cho con, mua sắm đủ thứ lúc gần ra đi. Rồi hôm 30 Tết, ba và chú Sáu Nguyễn Thành Út ngồi bàn tròn, uống trà nói chuyện, tự nhiên ba kêu con đến gần ba, ba bóp cổ con. Chú Sáu nói: “Bộ anh điên rồi sao? Anh bóp cổ nó chết làm sao?”. Ba trả lời với chú Sáu: “Thà là nó chết, sau này không ai hành hạ nó”. Chú Sáu nói: “Còn má nuôi nó chớ”. Ba trả lời: “Má già rồi, má chết ai nuôi?”. Chú Sáu nói: “Còn cô Mười chi”. Ba nói: “Cô Mười phải đi lấy chồng, đâu phải ở vậy hoài sao?”. Nói đến đó, chú Sáu dắt con lại nhà ông nội, đem vô phòng giấu con ở trong đó.

Đêm Giao thừa, ba tắm gội, mặt áo tràng. Ba cúng Cửu Huyền, cúng Phật xong, ra bàn thông thiên cúng bốn hướng, đốt pháo thăng thiên rước Giao thừa. Sau đó, ba lấy cây roi tre đi lại Phủ thờ nhà ông nội. Mời ông bà nội ngồi trên bộ ngựa gỗ. Ba quỳ gối xuống, lạy ông nội bà nội xin tội: “Vì con bất hiếu, chết trước cha mẹ, xin cha mẹ giải tội cho

con”. Ông nội lấy cái roi, biểu ba nằm xuống quất hai roi. Ba trở về nhà lên giường nằm sửa soạn ra đi.

Con nhớ lúc đó con đang bị nhốt trong phòng. Con cho thằng Chi, người làm trong nhà một đồng xu, nhờ nó mở cửa. Con mới chạy về nhà, nhảy lên giường ôm ba. Thì lúc đó ba còn đang nhìn cô chú, chỉ thiếu bác Ba thôi. Rồi các cô kéo con ra cho ba niệm Phật đặng ra đi. Cô chú nghe ba nói: “Xin đợi tôi chút”. Cô chú nghĩ rằng Ông Trên rước ba vì ba ăn chay, cúng lạy bốn thời. Ba theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Đức Phật Thầy Tây An, lúc đó Đức Huỳnh Giáo Chủ chưa ra đời.

Ba ráng độ con mạnh khỏe và được về Việt Nam làm mộ kiên cố cho ba. Đó là điều ước nguyện của con, mong Ông Trên chứng giám...”.

* * *

(Nhớ tới đâu thì ghi tới đó) - câu này ghi bằng bút chì.

Tôi Nguyễn Hòa An năm nay 80 tuổi, sanh tại làng Long Kiến, tỉnh Long Xuyên, quận Chợ Mới, tổng Định Hòa. Ai cũng gọi chỗ này là Cù Lao Ông Chưởng. Chính là quê của tổ tiên tôi.

Lúc tôi lớn lên, biết suy nghĩ. Tôi thấy chị em bà con của tôi, ai cũng có cha mẹ, rất là vui với đời sống. Riêng tôi mồ côi cha mẹ, cảm thấy cô đơn buồn tủi. Khi tụ họp đại gia đình, tôi thấy trong lòng tôi như thiếu một cái gì, không có được. Tự nhiên tôi tìm lẽ sống yên lặng cho tôi, là tìm đạo.

Người mà tôi gần gũi nhất là bà nội tôi. Bà và tôi ăn cùng một mâm, ngủ cùng một mùng. Tôi sống với không khí hiền hòa, tình cảm thương yêu, êm ấm của bà nội tôi cho tôi thuở thiếu thời.

Từ khi cha mẹ tôi qua đời, tôi ở với bà. Tôi được nghe bà nội tôi kể. Ông bà cố nội tôi ngày xưa theo Đức Phật Thầy Tây An ở Long Kiến, từ thời cái am (cốc) của Đức Phật thầy Tây An còn lợp bằng rơm, cho nên ông bà cố nội tôi đội rơm lợp nóc am và tô vách. Ông bà cố nội tôi đau ốm cũng nhờ Đức Phật Thầy độ. Có lúc ông cố nội tôi đau nặng, Đức Phật Thầy Tây An đem ra bàn thông thiên chữa bệnh.

Sau khi hết bệnh ông cố nội dạy cho con cháu, trong số đó có cha tôi sau này tu theo Đức Phật Thầy Tây An. Bảo vật của Đức Phật Thầy cho ông bà cố nội tôi là đầu tóc mượn của Đức Phật

Thầy. Ông bà nội tôi để vào cái tráp, trên bàn thờ Phật, đặt ở trên lầu nơi có năm bàn thờ. Bàn thờ Phật lớn nhất đặt ở chính giữa, hai bên thì bàn thờ tổ tiên bên nội bên ngoại rất là trang nghiêm, với mùi hương trầm thoang thoảng, với sự yên lặng nó đem lại lòng tôi rất nhẹ nhàng, như được hưởng một cảnh nào theo sở thích của mình vậy.

Ông bà nội tôi trang trọng thờ bảo vật gia truyền do Đức Phật Thầy để lại. Tổ tiên, ông bà và dòng họ tôi gọi nơi đây là Phủ thờ.

Khi ông bà cô tôi qua đời thì mẹ tôi còn một người chú thứ sáu tên Nguyễn Thành Út tự là Thiệu Uy. Lúc nhỏ, mỗi lần tôi theo mẹ về thăm Phủ thờ ở Long Kiến, ông Sáu thường gọi tôi đến cho bạc các. Tôi hay sợ ông chú vì giọng nói của ông nghe rất to, sang sảng. Hai bàn tay ông hay võ xuống bàn rầm rầm. Vì ông là một nhà báo chống Pháp nên bị Pháp chích vào hai bàn tay, các ngón tay ông bị rút xếp lại hết, nhưng ông vẫn đánh máy bằng mấy ngón cong lại, tiếng gõ thật nhanh nghe lóc cóc liên tục.

* * *

Tôi tìm được một quyển tập khác, trong đó mẹ có làm một số bài thơ. Nhiều bài mẹ ghi bút hiệu Hoàng Yến. Như bài thơ dưới đây:

ĐẠO ĐỜI

*Trọn cuộc đời chẳng có mấy gì vui,
Còn có cả những ngày đau ốm nữa.
Hạnh phúc đã qua, đời còn lặng lẽ,
Mùi trầm hương nay sườn ảm lòng ta.
Cùng bạn đạo Hội quán mấy năm qua,
Và con cái cùng chung lo việc đạo.
Chỉ có đạo làm tâm hồn tỉnh táo,
Đời phù du đạo mới là lẽ thật.
Chỉ còn đạo là tài sản của ta thôi,
Và như vậy ta cũng thành giàu có.
Đêm tỉnh giấc không giật mình sợ nữa,
Vì đời ta đã có đấng thiêng liêng.
Độ cho ta dứt khoát mọi ưu phiền,
Nguyện một đời tu trả sạch nghiệp duyên.
Lời Thầy dạy quả thật là quý báu,
Lấy chữ không ghi nhớ mãi trong lòng.*

Hoàng Yến – “Giao thừa”

Khi còn sanh tiền, mẹ tôi hay được Ban Trị sự mời phát biểu cảm tưởng. Mẹ hay viết bản thảo

bằng viết chì, sau đó kêu hai vợ chồng tôi đến để nghe xem được không. Rồi mẹ mới viết lại bằng viết Bic.

Có lúc tôi đến thăm, thấy mẹ tập sự thuyết trình không nhìn vào giấy. Tôi phục quá, vì phần nhiều mẹ lên phát biểu không cần cầm giấy đọc.

Dần dần qua năm tháng, mắt mẹ mờ và bị điễm vàng, khiến mẹ không nhìn thấy phía trước mặt, mà chỉ thấy xung quanh. Các bài viết của mẹ chữ lớn chữ nhỏ lên xuống không đều. Anh Tài thường đánh máy lại và dàn chữ thật to ra.

Những năm mẹ gần mắt, mẹ thường nhờ bạn đạo phái nữ lên đọc giùm.

Dưới đây là một bài phát biểu của mẹ.

HÒA AN TẠ ƠN THẦY

(Bài nói chuyện của Mẹ nhân ngày sinh nhật Đức Thầy)

Hôm nay là ngày thiêng liêng trọng đại, con xin thay mặt anh chị em đồng đạo với lòng thành kính của một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, con kính xin chúc mừng sinh nhật Đức Thầy, một vị cứu tinh

cho nhân loại nói chung, và cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo nói riêng.

Ngày sinh nhật của Đức Thầy là ngày 25 tháng 11 âm lịch, rơi đúng vào đầu năm dương lịch năm 2000. Quả là một sự mâu nhiệm, đã được Ôn Trên sắp đặt trước ngay từ ngày Đức Thầy giáng trần, để nhắc nhở mọi người lo tu hiền trong thời hạ ngươn này.

Nhơn dịp này con xin tỏ lòng thành kính biết ơn Thầy. Con cũng nhờ ơn phước Thầy ban, và hướng dẫn con trở nên một người có nền tảng đạo đức, mở tâm mở trí, rộng biết những điều quý báu, đối với dân tộc, bốn phận làm người, hữu dụng cho gia đình, cho xã hội và cho tôn giáo Phật giáo Hòa Hảo của chúng con.

Bạch Thầy thời gian Thầy vắng mặt, con vẫn làm theo lời dạy của Thầy, bốn phận của một người tín đồ, lo phục vụ cho đạo, con còn sống đây cũng nhờ oai linh của Thầy cứu mạng. Con nhớ ơn Thầy trên đường phục vụ cho Tổ quốc, chống Pháp, trong lúc lâm nguy, Thầy cứu con thoát khỏi vòng vây của bọn công an Pháp, thoát khỏi gông

cùm, thoát khỏi lưu đày, con mới còn được sống cho đến ngày hôm nay.

Nhơn dịp này, con xin phép Thầy được chia sẻ, cơ duyên mà Ông Trên đã ban cho con được trở nên một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo từ thuở nhỏ và suốt gần sáu mươi năm, con vẫn luôn hãnh diện là một tín đồ tu tập theo giáo lý chân chánh của Ngài.

Thưa anh chị em bạn đạo, tôi có một chút kỷ niệm. Tôi xin kể sơ cho quý bạn đạo nghe. Lúc tôi mười bốn, mười lăm tuổi, bà con của tôi đi về làng Hòa Hảo bảy tám người mà không cho tôi đi theo. Tôi xin đi thì họ nói tôi là con nít không được đi. Tôi mồ côi cha mẹ, ở với ông bà nội. Tổ tiên tôi từ xưa cũng theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Đức Phật Thầy Tây An, cho nên mỗi ngày tôi cũng cúng lạy theo ông bà nội tôi. Tôi nghe người lớn nói về chuyện cậu Tư Hòa Hảo, là Đức Phật Thầy Tây An tái sanh trở lại cho nên tôi muốn đi tìm. Lòng tôi rất là ao ước được đi làng Hòa Hảo gặp Đức Thầy, nhưng tôi không được toại nguyện.

Khi những người bà con của tôi đi làng Hòa Hảo trở về, tôi thấy ai cũng có đeo một sợi dây thắt bằng chỉ trắng. Tôi nhìn tận mắt, tâm tôi, đầu

óc tôi cứ nhớ mãi sợi dây của Đức Thầy. Tối lại tôi thao thức hoài, ngủ không được. Cho nên hừng sáng sớm tôi đi bộ ra vườn kiếng của ông nội tôi, cũng lớn lắm. Chính giữa có bàn thông thiên. Tôi đi vòng vòng, bỗng nhiên thấy trước mắt có một sợi dây trắng treo trên cành cây, tôi dừng lại và suy nghĩ, không biết của ai. Tôi lấy sợi dây trắng đó đi hỏi từng người bà con trong nhà, có ai mất sợi chỉ trắng không, thì không có ai mất hết. Theo tôi nghĩ cái nỗi niềm đau khổ, ước muốn của tôi thấu đến chư Phật, cho nên tôi mới nhận được sự may mắn này. Tôi đội ơn Trời Phật, tôi đội ơn Chư Thần đem đến cho tôi.

Và từ đó cái niềm tin vào đấng Thiêng Liêng ngự trị mãi trong đầu óc tôi. Tôi tìm cách lên làng Hòa Hảo, và mỗi lần hè nghỉ học thì tôi đến làm công quả ở nhà Đức Ông tại Tổ đình. Đức Ông biểu gánh nước, bửa củi, nhưng mà tôi đâu có làm nổi. Đức Ông nói thử tiểu thơ vậy thôi. Nếu như bửa củi cây to không nổi, gánh nước thùng lớn gánh không nổi, thì ông dạy tôi nên đi ngâm Sám giảng cho đồng đạo ở xa đến nghe. Lúc tôi còn trẻ tôi ngâm Sám giảng cũng khá lắm, ai nghe bài “Cảm tác” có câu “Ngồi mà ngâm nghĩ chuyện

xưa, Thánh hiền chẳng biết sao vừa lòng dân” do Đức Thầy viết tại Bạc Liêu năm 1942, cũng đều rơi nước mắt.

Lúc tôi lớn lên thì tôi ở Tổ đình làm bạn với chị Năm Biên (cô Huỳnh Thị Kim Biên, em Đức Thầy). Đức Ông Đức Bà đặt chị Năm Biên là Năm Lớn còn tôi Năm Nhỏ. Ông Bà kêu chúng tôi như vậy và thương tôi, cho nên ông giới thiệu với mấy người khách tôi là con nuôi. Tôi hay giữ mừng cho ông bà, đến 4, 5 giờ sáng thì hai chúng tôi nấu nước châm trà, bửa cau, tằm trầu, bóp chân bóp tay cho ông bà khi đau nhức.

Đến giai đoạn bị Pháp vây hãm tại Sài Gòn, Đức Thầy đi vài tháng, rồi về Chợ Lớn. Đức Thầy gửi thơ về Đức Ông, thì anh Trần Văn Tươi tự Sáu Rớt được lệnh đi lên gặp Thầy. Lúc đó thời cuộc còn khó khăn. Đức Thầy và tín đồ phải trốn lánh, ẩn núp.

Khi đó Đức Thầy ở nhiều chỗ, dòi dỏi rất là cực khổ. Mỗi khi chỗ ở bị động thì phải dọn đi nơi khác ngay. Có chỗ, buổi tối cô Ký Giỏi nấu cháo cho Thầy dùng, sáng ra xem lại thì cháo bị con

muối rớt vô vì chỗ ở nền đất, mà xung quanh lại nhiều cỏ và thấp đèn dầu.

Lúc đó anh Sáu Rớt là anh Trần Văn Tươi đã gặp Thầy bằng cách nào thì tôi không biết, vì hai người ở xa; còn riêng phần tôi thì ở tại Tổ đình, cho nên Đức Ông biểu người đưa tôi đi bằng ghe chèo nhỏ, ngả Đòng Tháp Mười lên Sài Gòn. Tôi xin nói vắn tắt một chút. Tôi đến trình diện với Đức Thầy tại nhà bà Huyện Chèo, má của anh Út Luật. Thầy hỏi tôi: “Hòa An có dám làm cách mạng không?” Vì lúc đó Đức Thầy chống Pháp. Tôi trả lời: “Bạch Thầy, con xin tình nguyện đền ơn đất nước, ơn Thầy dạy đạo”. Tôi còn trẻ, không biết nói gì nhiều. Thầy nói: “Thầy cho nhiệm vụ mà không làm, thì sau này sẽ tiếc”.

Lúc làm việc dưới sự chỉ dạy của Đức Thầy, anh Trần Văn Tươi có nhiệm vụ đi theo bên Thầy, đi hội họp, còn phần tôi chỉ đưa người đến chỗ hội họp xong rồi đi. Khi tôi lãnh nhiệm vụ làm liên lạc, trải qua bao lần nguy hiểm, mà không biết sợ, vì niềm tin mạnh mẽ nơi Đấng Thiêng Liêng.

Khi mà tôi lãnh trách nhiệm, Đức Thầy dạy rằng: “Bốn phận con người của mình, phải lo cho

đất nước lúc cần, chứ không phải ngồi chờ Trời Phật xuống đây mà làm sẵn, cho mình hưởng đâu”. Tôi được nghe lời giáo huấn của Đức Thầy xong, Thầy cho tôi nhiệm vụ là đi làm liên lạc công tác ở châu thành vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Bình Đông, Bình Tây, Tân Định, Xóm Chiếu, Quận Tư, Cầu Ông Lãnh, Phú Nhuận vân vân. Tất cả có 72 chi bộ và nhiều chỗ ngoài châu thành, Bà Queo, nhiều con đường mà tôi không còn nhớ tên.

Phần nhiệm vụ của tôi vì là phái nữ cho nên sáng phải lo nấu cơm xong rồi để đó đi làm nhiệm vụ. Dù mưa dù nắng cũng phải chạy xe đạp bởi vì trong người tôi có tài liệu đem cho những người có nhiệm vụ phân phát ra khắp nơi cho những người khác dán truyền đơn báo cáo hiệu triệu. Tôi thường đi công tác với một chị cùng trang lứa bên tôn giáo Cao Đài. Hai chị em thương nhau lắm. Cùng làm việc với tôi có hai em kết nghĩa là Võ Văn Đắc tự là Tặc và Trần Quang Hồng. Lúc đó hai em còn trai trẻ chưa có gia đình. Chúng tôi rất kính sợ Đức Thầy. Có một lần mấy chị em lên đi tiệm ăn kem. Không ngờ Đức Thầy bước vào với khách để nói chuyện, ba chị em tôi hết hồn xanh mặt đi về liền.

Gần cuối năm 1945, Thầy trở về nhà bà Huyện ở có cô Năm Cò, anh Sáu Rớt, anh Út Luật và tôi với hai em Hồng và Tặc lo săn sóc Đức Thầy. Có một chuyện này tôi xin chia sẻ cho anh chị em nghe để hiểu cuộc đời cũng như đạo, tới màn tới lớp thì mới cho mình yết kiến Đức Thầy, cũng như chuyện tôi kể dưới đây.

Lúc ở nhà bà Huyện thì Đức Thầy ở tầng trên, còn ở dưới thì người Tàu làm cối đá vì là khu Chợ Lớn. Một buổi sáng nọ Đức Thầy đứng trên lầu ngoài lan can có treo tấm sáo kéo lên kéo xuống che nắng và có đặt bàn Thông thiên. Đức Thầy mặc một bộ đồ bà ba trắng. Đức Thầy nhìn xuống sông ngay chỗ cầu cá, có ba bốn chiếc ghe chở cá lóc đậu gần nhau. Mấy chú đàn ông bận quần cụt, áo vải đen, đầu quấn khăn choàng tấm sọc. Họ đứng nhìn lên chỗ Đức Thầy. Họ xúm nhau chỉ chỉ chỗ chỗ, riết rồi họ leo luôn lên trên mui ghe, coi bộ chăm chỉ lắm. Các chú nhìn lên trên lầu đó không thôi.

Đức Thầy thấy vậy nên sai tôi lấy quần áo mang xuống sông giặt. Nghe mấy chú nói chuyện, tôi mới biết mấy chú ở Mỹ Hội Đông, Châu Đốc.

Mấy chú nói với nhau: “Nhìn đằng trước cũng giống Thầy. Nhìn ngang cũng giống Thầy. Nhìn phía sau cũng giống Thầy. Chắc chắn là Thầy rồi đấy ông ơi!”. Rồi người nào người nấy buồn bã, nói không biết làm sao bây giờ.

Tôi nghe vậy lật đật ôm đồ chạy lên nhà trình bày cho Đức Thầy nghe. Đức Thầy dạy tại Hòa An mặc áo vạt mề màu nâu cho nên anh em mới biết Thầy. Vậy thì từ nay làm việc bí mật thì phải đổi mới.

Nghe chuyện anh em xong thì Đức Thầy buồn lắm. Đức Thầy bước ra ngoài kéo tấm sáo lên đứng sát ra đằng trước cho anh em nhìn thấy thỏa mãn rất lâu. Máy anh em ghe cá đều nhảy hết lên mũi ghe nhìn. Xong Thầy biểu dọn nhà đi chỗ khác vì chưa phải lúc gặp Thầy được. Tôi nhận thấy ý Đức Thầy rất là thương anh em, nhưng còn làm phận sự trong vòng bí mật. Tôi thật là cảm động rơi nước mắt, nhưng mà tuồng đời và đạo chưa đến màn lớp, cũng như sân khấu vậy, cho nên anh chị em cũng phải chịu thôi, không thể nào gặp Đức Thầy được, vì sứ mạng Đức Thầy chưa đến đoạn kết.

Rồi Đức Thầy dọn đi chỗ khác ở ngang nhà một cô Việt Nam lấy chồng Tàu, cho nên sau này

mới có bài “Lấy chồng Chệt”. Cô này cho tôi mấy bộ đồ xắm, sọc có bông có hoa, vì vậy mà tôi đi khắp nơi rất là bình yên, không ai nhìn tôi mà để ý gì hết. Sau đây là bài thơ của Đức Thầy với bút hiệu Hoài Việt:

Cô ơi, nước Việt-Nam thiếu gì trai trẻ,
Mà vội đi lấy lẽ “ba Tàu”?!
Của tiền quý báu là bao,
Dem tuổi mười tám so vào bốn mươi?
Rồi nuôi tánh biếng lười mê ngủ,
Để ngày kia ủ-rủ đau thương.
Khi ba Tàu xách gói hôi hương,
Vàng bạc tóm, bỏ cô thơ-thần.
Cô nhìn theo muôn vàn tiếc hận,
Cô vì chàng mà bản tiết-trinh.
Cô tủi thân, cô lại bất bình,
Nhưng muôn quá, tuổi xuân không trở lại.
Trông tương-lai cô đầy sợ hãi,
Hoa úa tàn người lại rẻ khinh.
Cô tiếc rằng phải tuổi còn xinh (xanh),
Cô sẽ chọn người chồng Nam-Việt.
Ở trong hàng thanh-niên, thanh-niết,
Tuy nghèo hèn mà biết thĩ chung.
Yêu đương nhau đến phút cuối cùng,

*Vợ chồng ấy mới chân hạnh-phúc.
Ta là khách phương xa tá-túc,
Thấy sự đời vẽ khúc văn-chương.
Thấy đời cô chìm-đắm trong gió sương,
Than ít tiếng gọi hồn chùng-loại.
Việt-Nam ! người Việt-Nam mau trở lại!
Yêu giống nòi có phải hơn không?
Dầu sao cũng giống Lạc-Hồng!*

Miền Đông, năm 1946

* * *

Đức Thầy của chúng ta là một vị Bồ tát, chỉ nghĩ đến cứu nước, cứu đời và lo cho đạo. Sự ăn ở thật là giản dị. Đức Thầy ăn không cần ăn ngon, mặc chỉ có hai bộ đồ thay đổi. Đối với Thầy như vậy là đủ rồi. Tiền bạc Thầy cũng không có đồng nào. Đức Thầy đi làm việc Sài Gòn Chợ Lớn bằng xe đạp, về nhà Thầy dùng cơm mà thôi. Tôi hồi tưởng nhớ lại những lúc Thầy lặn lội, cực khổ, tôi thật đau lòng.

Thưa các bạn đạo, lúc tôi lãnh nhiệm vụ nguy hiểm, thì trong nhóm của tôi, mỗi người giữ bốn viên thuốc ngủ trong mình, khi nào bị lính bắt, thì nuốt vô, để ngủ kéo dài thời gian, cho đồng bạn trốn đi nơi khác. Những chi tiết làm việc nước, mỗi chuyện

nguy hiểm tíc tắc mà qua khỏi cũng nhờ niềm tin sâu xa của mình vào tôn giáo Phật giáo Hòa Hảo.

Thưa các bạn đạo, tuy là đại cuộc không tròn cũng do màn Trời thay đổi, nay chúng ta đã già không vì vậy mà chán nản. Chúng ta vẫn giữ niềm tin và nguyện cầu On Trên cho Đức Thầy của chúng ta sớm trở về để phục hồi non nước.

Tôi tin rằng thế hệ mai sau, sống một cuộc đời có ý nghĩa theo tôn chỉ của Đức Huỳnh Giáo chủ chỉ dạy, làm rạng rỡ bốn chữ Phật giáo Hòa Hảo, các con cháu chúng ta đã thấu rõ lời ông bà cha mẹ nhắc nhở bấy lâu nay.

Không có ngày tháng...

Mẹ Ra Đi Thanh Thản Nhẹ Nhàng

Mẹ tôi qua đời vào ngày thứ Bảy 28-5-2016. Qua ngày Chủ nhật, đồng đạo quy tụ rất đông để cầu nguyện cho mẹ. Sau buổi cầu nguyện, tôi cung kính cảm tạ quý vị.

(Bài đọc tại Hội quán Phật giáo Hòa Hảo miền Nam California)

Chúng tôi xin thay mặt gia đình chân thành cảm tạ quý thân hữu và quý đồng đạo đã dành thời giờ quý báu đến cầu nguyện cho Mẹ tôi là bà Nguyễn Hòa An. Sau đây tôi xin chia sẻ vài hàng tâm sự.

Bức Tâm Thư Của Mẹ tôi để lại đề ngày 26-05-1999, 17 năm về trước, đúng vào ngày Mẹ té cách đây vài hôm là ngày 26-05-2016.

Lá thư ghi lại lời dạy của Mẹ tôi về những gì các con phải làm theo lời Đức Thầy dạy và thực hành theo phương thức Phật giáo Hòa Hảo. Bà viết: *“Khi Mẹ qua đời rồi, các con phải im lặng, thành tâm niệm Phật”*.

Mẹ ra đi nhẹ nhàng và để lại những lời dặn dò trước kia lại rơi đúng vào ngày tháng Mẹ chuẩn bị về với Phật với Đức Thầy là một tấm gương sáng cho các con noi theo trên con đường đạo, tu hành cho đến ngày đắc quả.

Cả cuộc đời và tâm hồn Mẹ luôn hướng về bốn chữ Phật giáo Hòa Hảo, ngay cả khi trên giường bệnh, mẹ vẫn ghi ơn Thầy Tổ, hướng về vị Thầy đáng kính là Đức Huỳnh Giáo chủ. Mấy hôm trước Mẹ tôi tỏ ý muốn nhờ một nghệ sĩ đặt bản

nhạc “Con nhớ ơn Thầy”, “vì Thầy đã dạy cho mẹ biết con đường đạo”.

Trên giường bệnh khi còn tỉnh táo, tinh thần Mẹ rất lạc quan, luôn mỉm cười và ôm hôn con cháu đến thăm. Mẹ nói không ngờ Mẹ té vì Mẹ đang chuẩn bị đặt thức ăn đem đi Hội quán Phật giáo Hòa Hảo nhân ngày giỗ của Đức Bà, thân mẫu của Đức Huỳnh Giáo chủ.

Dù nằm trên giường bệnh ở nhà thương Mẹ vẫn cùng tôi liên tục đọc bài nguyện trước bàn thờ ông bà, và bài nguyện trước bàn thờ Phật là bài Quy y và Tây phương ngũ nguyện. Mẹ cứ xá và gượng dậy để lạy. Tôi luôn phải dìu Mẹ nằm xuống và nhắc nhở là bác sĩ không cho ngồi lên vì mới té. Mẹ tôi có những bài thơ để lại. Tôi xin chia sẻ vài bài sau đây:

Nhớ quê

*Tôi đã đi qua một cuộc đời,
Giữ gìn mỗi đạo của Thầy tôi.
Đền ơn Phụ Mẫu lo cầu Phật,
Đáp nghĩa phu thê giữ lấy lời.
Non nước không tròn thân phận gái,
Tình nhà nhớ đến khổ thân tôi.*

*Ai ơi! Có thấu cho hoàn cảnh!
Đất nước xa xôi ước được về.*

01-05-1997

Nhớ

*Thánh địa nơi ta ở thuở nào,
Lối về quê cũ, nhớ thương đau.
Núi non ngàn dặm, bao ngăn cách,
Chẳng biết bao giờ hiệp với nhau.*

18-05-2005

Tự thán

*Hòa Hảo nơi ta ở thuở nào,
Đau lòng nhớ mãi biết làm sao.
Hai chân còn yếu chưa đi được,
Cầu Phật ngày đêm suối lệ trào.*

30-10-2012

Nhớ về cố quốc

*Đêm nằm muốn ngủ, ngủ chẳng yên,
Tâm sự ít khi dứt mối phiền.
Nhớ đến cuộc đời thời tranh đấu,
Muôn nghìn chuyện khổ nỗi niềm riêng.
Từ độ ra đi mãi đến giờ,
Hương về cố quốc đợi thời cơ.*

*Cuộc đời nhất trí lo tu niệm,
Kết cuộc rồi đây mãi nguyện chờ.
Chờ ngày sum họp của Thầy ban,
Đoàn thể chúng ta hết thở than.
Tiếng dội danh Thầy vang bốn bể,
Đạo đời, nước Việt được an khang.*

15-05-1999

TÌM VỀ GỐC ĐẠO

Làng Hòa Hảo, tháng 6 năm 2014

Như một phép lạ, tôi cảm thấy mình nhỏ bé như ngày nào, đang quỳ trước chánh điện chùa An Hòa Tự, nhìn lên tấm trần dà, tôn tượng các chư Phật, chân dung Đức Thầy treo trên cột hai bên ngôi Tam bảo.

An Hòa Tự ban đêm rực rỡ dưới ánh đèn, có một vẻ linh thiêng và huyền bí lạ. Hoa tươi trên các bàn thờ được trang trí tỉ mỉ khéo léo như những người thợ chuyên nghiệp, khiến ngôi thờ tự càng thêm sống động với khói nhang thơm thoang thoảng, những ngọn nến sáng lung linh, ánh đèn điện vàng rực chạy viền quanh tấm trần dà và hai chân dung của Đức Thầy.

Hoa được trang trí theo hình cánh quạt, hay những cánh hoặc đuôi long phụng với những nhánh hoa huệ trắng cong cong, hòa với những hoa vạn thọ vàng, hoa cúc trắng, lá dừa, lá cọ, vân vân.

Tôi lâm râm khẩn nguyện cho con đường tìm về gốc đạo của tôi được thành tựu viên mãn, cho cuộc đời của tôi có ý nghĩa trong sự học tập và hành đạo theo giáo lý của Đức Tôn Sư.

Trong giờ phút thiêng liêng này cả một vùng trời Thánh địa bỗng rực sáng lên trong đầu tôi, với bao hình ảnh sống động của những ngày thơ ấu đầy ắp kỷ niệm trong các dịp Đại lễ 18 tháng 5, kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo.

Hàng vạn tín đồ từ khắp nơi đổ về làng Hòa Hảo, người đi đông như kiến. Dòng người tuôn tràn đầy nhau tiến bước. Kẻ đi về hướng Tổ đình, nơi Đức Thầy đản sanh và cũng là nơi Ngài làm lễ cáo Hoàng Thiên vào ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão 1939, khai sáng nền đạo Phật giáo Hòa Hảo với pháp môn học Phật tu Nhân, lúc Ngài mới vừa 19 tuổi. Một vị Giáo chủ trẻ tuổi, khôi ngô tuấn tú, đã thức tỉnh đồng loạt cả triệu con tim cung kính

vâng theo đi tìm sự giác ngộ, ngộ hầu được thoát chốn mê đồ.

Những người khác kéo ngược nhau về hướng An Hòa Tự. Nơi đây Đức Thầy đã thỉnh lư hương của lễ cáo Hoàng Thiên đến an vị nơi chánh điện, vào ngày 29 tháng 5 năm Ất Dậu 1945, trong dịp về thăm Đức Ông Đức Bà, trong thời gian Ngài đi khuyến nông và khuyến khích nông dân chia sẻ miếng cơm với người dân miền Bắc.

An Hòa Tự là chùa chánh, mang di tích lịch sử của Phật giáo Hòa Hảo, tọa lạc tại làng (xã) Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang), mà tín đồ trong đạo thường gọi là Chùa Thầy.

Chùa được xây dựng trong một khuôn viên rộng 16.000m², cặp tỉnh lộ 954, cách bến phà Thuận Giang khoảng 800m. Kiến trúc theo lối chân phương truyền thống, 4 nóc mái; Chánh điện chính giữa cao, phần trước, sau thấp nhỏ hình chữ con, hậu tự một nóc hai mái xuôi nối liền chánh điện, cột gỗ, nền gạch, tường vôi, mái ngói, chiếm diện tích khoảng 300m², uy nghiêm hướng cửa về phía Nam.

Hằng năm những ngày sóc vọng, rằm ngươn, ngày đại lễ 18 tháng 5 khai sáng Phật giáo Hòa Hảo và 25 tháng 11 âm lịch đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ, hàng triệu lượt người từ các nơi về đây dâng hương, chiêm bái vị hoạt Phật lâm phạm, tỏ lòng kính ngưỡng chùa Thầy, coi đây là trái tim của Đạo.

Thánh địa Hòa Hảo là một vùng đất yên lành hòa bình, nhà nhà không đóng cửa. Nơi đón khách hành hương lối đường được dùng com, an giắc để mai này tham dự ngày lễ đạo.

Những ngày còn bé khi ở gần Tô đình, vào những ngày lễ đạo, tôi thường được xem những cộ đèn xe hoa xếp hàng dài nối đuôi với những chân dung rọi lớn của Đức Tôn Sư. Có xe trình bày theo những ý nghĩa của đạo như Thuyền Bát Nhã, Tam Tạng thỉnh kinh, Phật Bà Quan Âm... với người thật ăn mặc lộng lẫy đầy hào quang chớp tắt của ánh đèn.

Dưới đất đi cùng là các đoàn lân và long mã. Tiếng trống, tiếng thanh la làm tôi hết sức xôn xao vui mừng. Không thể tả hết nỗi phấn khích của

Tiếng đại thần chung vang lên trong ngôi Chùa Thầy, tên gọi thân thương của An Hòa Tự. Chùa tuy nhỏ, giản dị, nhưng đó là biểu tượng của đạo vì có những bước chân Đức Thầy bước từng bước uy nghi ngày nào làm lễ trước ngôi Tam bảo mà tín đồ luôn hướng về hành hương lễ bái.

Thánh địa Hòa Hảo như một hải đảo nho nhỏ nằm giữa hai nhánh sông Tiền và sông Hậu của dòng Cửu Long giang chảy từ đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, Tây Tạng qua nhiều quốc gia rồi tuôn ra cửa biển miền tây Nam Việt. Hai nhánh sông được cắt ngang bởi sông Vàm Nao chia cách làng Hòa Hảo (nay thuộc xã Phú Mỹ, quận Phú Tân) với quận Chợ Mới tỉnh An Giang.

Ngày tôi còn bé bỏng, trong thời gian giặc già, người dân ở nhiều nơi khác đã bỏ nhà và phần nhiều đi ghe, xuống đàu quanh ngôi làng này tìm nơi lánh nạn. Có người trở về nhà, nhưng phần lớn ở lại, được dân cư làng Hòa Hảo cho lên đất để cất nhà tạm trú, nương thân, an cư lạc lạc nghiệp.

Nơi đây đã che chở, bao bọc bao gia đình của người dân khắp các tỉnh miền Tây trong thời loạn lạc nên ngôi làng Hòa Hảo bình an có nếp

sống đạo đức được gọi là Thánh địa, vì đã có một vị Hoạ Phật ra đời dạy đạo hướng thiện và hướng dẫn cho người dân biết lo tu hành, phục vụ quê hương dân tộc.

ĐỊA LINH NHÂN KIỆT

Mỗi khi nhắc đến bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương (hương thơm từ núi báu), hay Phật giáo Hòa Hảo, một tôn giáo phát nguồn từ dân tộc, người ta không khỏi nghĩ ngay đến vùng Thất Sơn màu nhiệm có bảy ngọn núi báu nằm bên cạnh sông Cửu Long hay Mêkông có chiều dài gần 5 ngàn cây số đem nguồn sống cho hàng triệu triệu người Tây Tạng, Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Campuchia và Việt Nam.

Đó là một vùng hiển linh, kỳ bí, một vùng hoa địa của Việt Nam, nơi một vị Phật Việt Nam đã xuất hiện vào gần 200 năm trước. Đó chính là Đức Phật Thầy Tây An, người đã sáng lập tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương, gốc của Phật giáo Hòa Hảo, một trong năm tôn giáo lớn tại Việt Nam.

Bửu Sơn là núi báu, Đức Huỳnh Giáo chủ trong quyển *Sám giảng* thứ 2 “Kệ dân của người Khùng” đã giải thích rõ trong hai câu:

*“Trên Năm Non rộng phụng tốt tươi,
Miền Bảy núi mà sau báu quý”.*

Ông Ba Thối, một vị đại đệ tử của Đức Phật Thầy đã viết trong quyển *Kim cổ kỳ quan*:

“Tiếng Kỳ Hương thơm nức biên thùy”

Bửu Sơn Kỳ Hương, hương thơm lạ từ vùng núi báu, sẽ làm rạng rỡ cho non sông nước Việt bay ra khắp nơi trên thế giới. Tín đồ của tôn giáo này được Đức Phật Thầy, cũng như các vị Phật tái sanh sau này phát cho một lòng phái có bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương khi quy y thọ giáo.

Đức Huỳnh Giáo chủ, vị Phật tái sanh đời thứ tư, đã nhắc đến bốn chữ trên trong *Sám giảng thi văn*, bài “Hãy chờ thiên định” viết tại làng Hòa Hảo năm Kỷ Mão.

*“BỬU châu công luyện chón non Tân,
SON thủy môn giang bảo giác dân.
KỶ quái chờ nơi Thiên nhất định,
HƯƠNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân”.*

Một bài thơ khoán thủ “Tứ bửu linh tự” của Đức Phật Thầy vẫn còn lưu truyền:

*“Bửu Ngọc Quân Minh Thiên Việt Nguyên,
Sơn Trung Sư Mạng Địa Nam Tiên.
Kỳ Niên Trạng Tái Tân Phục Quốc,
Hương Xuất Trình Sanh Tạo Nghiệp Yên”.*

Bài thơ sẽ có bảy câu bốn chữ khi được đọc theo chiều dọc từ trên xuống như sau:

*“Bửu Sơn Kỳ Hương.
Ngọc Trung Niên Xuất.
Quân Sư Trạng Trình.
Minh Mạng Tái Sanh.
Thiên Địa Tân Tạo.
Việt Nam Phục Nghiệp.
Nguyên Tiên Quốc Yên”.*

ĐỨC PHẬT THẦY - BỐN THÁNH TÍCH

Trước khi đến An Hòa Tự tại làng Hòa Hảo nay là huyện Phú Tân, tôi đã có một chuyến đi thật nhiều ý nghĩa là đi viếng thăm bốn thánh tích quan trọng của Đức Phật Thầy Tây An.

Phật Thầy Tây An, vị Giáo tổ khai sáng tông phái Phật đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đản sanh năm 1807, tức năm Gia Long thứ 8, khai đạo năm 1849, viên tịch năm Bính Thìn 1856.

Thê danh của Đức Phật Thầy là Đoàn Minh Huyền, quê quán ở làng Tòng Sơn, tổng An Tịnh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thành, thuộc địa phận Gia Định thành. Sau này làng Tòng Sơn thành xã Mỹ An Hưng, quận Lấp Vò, tỉnh Sa

Đéc, nằm trên quốc lộ từ Cái Tàu Thượng đi Bắc Mỹ Thuận.

Đức Phật Thầy đã đi khắp các tỉnh Gò Công, Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, An Giang, và lên dãy núi Thất Sơn, với mục đích tìm hiểu cuộc sống của con người và xã hội tại các tỉnh vùng Hậu Giang. Năm 1849, Ngài trở lại quê nhà nhằm lúc nạn dịch tả hoành hành dữ dội. Đức Phật Thầy đã cứu bệnh và khuyến tu, đồng thời hòa mình vào cuộc sống thôn dã với nông dân để an ủi, nâng đỡ, dạy dỗ và hướng dẫn họ.

Để cho có chỗ thờ Phật và làm nơi phát phù trị bệnh, Đức Phật Thầy đi đến đâu cũng hay dựng lên cái cốc và trại ruộng. Mặc dù chỉ là cái cốc nhỏ, Ngài vẫn trang trí đầy đủ nơi thờ phượng, song có điều, thay vì thờ tượng cốt, Ngài cho thờ đơn giản một tấm trần điều, trên bàn thờ có nhang đèn, hoa tươi và nước lạnh, đúng theo giáo pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca. Với danh từ trại ruộng, mặc dù ở đó có thờ ngôi Tam bảo như các chùa, người tín đồ của Ngài vẫn luôn nhớ đến bản phận của mình, trong lúc tu hành vẫn phải làm ruộng rẫy để sinh sống, hiển thị pháp môn tu Nhân học Phật.

Hiện nay Bửu Sơn Kỳ Hương vẫn còn được bốn thánh tích quan trọng của Đức Phật Thầy Tây An ở miền Tây Nam Việt, bao gồm: Tây An Cổ Tự ở làng Long Kiến, trại ruộng Thới Sơn ở Nhà Bàn, trại ruộng ở Láng Linh Châu Đốc, và chùa Tây An ở núi Sam.

1. Tây An cổ tự Long Kiến

Tây An Cổ tự ở Long Kiến, nay thuộc xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, trước kia là Cốc của ông Đạo Kiến. Chính nơi đây Đức Phật Thầy chỉ dạy cách thờ phượng lễ bái cùng cách thức tu hành cho môn nhơn đệ tử. Điều đặc biệt hơn hết, việc tẩm trần điều được thờ trên nơi ngói Tam bảo thay thế cho tượng Phật đầu tiên là ở ngói cổ tự này.

Vị đệ tử được Đức Phật Thầy sai đi đặt tên chùa có mang theo bốn cây dầu con, đem trồng trước chùa một cây định làm cột phướn, còn ba cây thì trồng ở phía sau chùa.

Năm 1918 cây dầu trước chùa bị đốn để làm cầu và cất trường học. Đến năm Đinh Mão (1927), chùa bị phát hỏa làm cho ba cây dầu trồng ở phía sau chùa cũng đều bị cháy nên chết hết.

Cây dầu trồng trước chùa bị chặt hồi năm Mậu Ngọ (1918), đến năm Mậu Dần (1938) nghĩa là hai chục năm sau, cái gốc cây này tuy đã mục nhưng lại đâm lên một cái chồi. Sau cơn hỏa hoạn, chùa được dòr qua mảnh đất kế cận. Qua năm sau 1939, khi Đức Huỳnh Giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo, Ngài đã cho phép cất sửa chùa trở về chỗ cũ. Đây là một việc hi hữu nên ngoài sự quý trọng người ta còn sùng ngưỡng cây dầu mới mọc nữa, bởi việc này ứng với lời tiên tri của Đức Phật Thầy Tây An trước kia, ở câu:

*Chùng nào gốc mục lên chồi,
Ta vung sắc lệnh tái hồi trần gian.*

2. Trại ruộng ở Thới Sơn, An Giang

Vì muốn tránh sự dòm ngó của nhà cầm quyền lúc bấy giờ, Đức Phật Thầy Tây An vào vùng hoang vắng Thới Sơn, nơi địa thế hiểm trở để lập trại ruộng trong khu vực núi Két, thuộc xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Thuở xưa muốn vào được nơi đây phải đi theo con đường quanh co trong rừng từ Núi Sam vào Nhà Bàn dài khoảng 10 cây số.

Sau khi Đức Phật Thầy cứu dân độ bệnh và hướng dẫn tín đồ tu hành, phát rẫy làm ruộng và trồng các loại cây ăn trái, thì dần dần dân nghèo kéo

đến sanh sống. Ngài hướng dẫn dân khai hoang lập ấp. Làng Hưng Thới và Xuân Sơn sau này thành xã Thới Sơn, nơi đây Ngài đã cho dựng đình Thới Sơn để thờ Thành Hoàng Bản Cảnh, là vị thần chủ quản vùng đất mà người dân đến khai phá. Ngoài các nông cụ, Đức Phật Thầy còn nuôi hai con trâu mà người ta thường gọi là ông Sấm và ông Sét vì chỉ nghe theo lệnh của Ngài. Trước sân chùa khoảng năm bảy chục mét có cây lâm vồ, tương truyền do Ngài trồng.

Thới Sơn nằm trong hệ thống dãy núi Thất Sơn, chung quanh bao bọc bởi nhiều ngọn núi cao, cảnh vật thanh vắng, rất tiện lợi cho các môn đệ của Đức Phật Thầy tu tập. Nơi đây quy tụ hàng đại đệ tử của Ngài như anh em ông Đình Tây, ông Đạo Lập, ông Đạo Xuyên, vân vân.

3. Trại ruộng ở Láng Linh, Châu Đốc

Láng Linh ở giữa khu tứ giác của bốn quận Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn và Châu Thành thuộc làng Thạnh Mỹ Tây, tỉnh Châu Đốc, cách sông Hậu Giang gần 10 cây số ngàn, từ kinh xáng Vịnh Tre đi vô.

Tại đây Đức Phật Thầy có lập một trại ruộng bằng tre lá giống như ở Thới Sơn theo đúng giáo

pháp vô vi của Ngài, tức cũng thờ trần đỏ, không có tượng cốt. Ngài đặt hiệu cho trại ruộng này là Bửu Hương Các, nêu tên giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương do Ngài khai thị.

Cách chùa 8 cây số, ra hướng kinh xáng Vĩnh Tre, xã Vĩnh Thạnh Trung, có dinh Ông Thẻ nhà Láng. Đây là một cây thẻ trong bốn cây thẻ mà Đức Phật Thầy cho trồng xung quanh vùng Thất Sơn.

4. Chùa Tây An ở núi Sam, An Giang

Di tích thứ tư quan trọng của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương là chùa Tây An tại An Giang. Nơi đây có ngôi mộ khỏa bằng mặt đất, không đắp nấm, và tháp của Đức Phật Thầy Tây An nằm khiêm tốn phía sau chùa.

Tây An tự tọa lạc tại ngã ba dưới chân núi Sam, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Chùa trông rất đồ sộ, màu sắc lộng lẫy mang nét kiến trúc Ấn Hồi với vòm tháp cao hình dáng “chóp củ hành” phía trước. Chùa lợp mái ngói cong, ở cửa giữa có tượng Quan Âm Thị Kính. Bên trong có nhiều bàn thờ với trên 100 tượng Phật và các vị La hán bằng gỗ được chạm khắc rất công phu sống động.

Bên phải chùa là khu mộ tháp cao của chư tôn hòa thượng phái Lâm Tế từng trụ trì qua nhiều thời gian. Phía sau là ngôi mộ Đức Phật Thầy được xây cất mặt phẳng theo di giáo của Ngài. Tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hòa Hảo thường xuyên đến ngôi mộ này cúng bái cầu nguyện đông đảo, nhất là vào những ngày Đản sinh hay ngày Vía của Đức Phật Thầy.

Bấy nhiêu di tích cũng đủ ghi lại công đức của Đức Phật Thầy, vì dầu trải qua bao nhiêu cuộc biến thiên, những nơi này vẫn không phai mờ theo thời gian, mà mỗi ngày còn được tu chỉnh cho thêm phần uy nghiêm, nêu cao tinh thần sùng ngưỡng đạo đức.

TINH THẦN CỦA GIÁO LÝ TỬ ÂN VẪN CÒN MÃI

Ngày nay, nếu có ai đến viếng những di tích liên quan Đức Phật Thầy, sẽ nhận thấy những nơi xưa kia là rừng rậm hoang vu đầy thú dữ, hoặc những chỗ bùn lầy nước đọng, mùa nước lụt thì mênh mông như biển, mùa hạn hán thì như bãi cát hoang, nay đã thay vào đó là ruộng lúa phì nhiêu, vườn cây trĩu trái, hoặc chợ búa, phố xá sầm uất, nhiều sông rạch chằng chịt đem nước ngọt đến ruộng vườn, và giúp cho sự lưu thông bằng ghe xuồng của người dân khắp nơi.

Mảnh đất miền Tây Nam Việt với dòng Cửu Long Giang bên cạnh dãy Thất Sơn hùng vĩ, nơi địa linh nhơn kiệt, đã phát sinh những vị hoạt Phật

từ Đức Phật Thầy Tây An đến các vị kế truyền như Đức Phật Trùm, Đức Bổn Sư, Đức Sư Vãi Bán Khoai và gần đây nhất là Đức Huỳnh Giáo chủ cùng các vị đại đệ tử anh hùng hi sinh cho Tổ quốc như Đức Cố Quân Trần Văn Thành, Đại thần Nguyễn Trung Trực, vân vân.

Qua bao thăng trầm của lịch sử, những câu kinh giảng mang đậm giáo lý Tứ Ân, đã luôn vang lên tinh thần đạo đức, nhân ái, sự hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ, tình yêu nước yêu dân, yêu đồng bào nhân loại, cố giữ yên bờ cõi trước giặc ngoại xâm, khiến cho miền Tây Nam Việt vẫn còn giữ được đất đai phì nhiêu, người dân mộc mạc hiếu hòa như ngày nào các vị hoặc Phật đã ban rải tình thương không bờ bến.

Kỷ niệm chuyến viếng thăm các thánh tích thiêng liêng của Bửu Sơn Kỳ Hương đã ghi khắc sâu đậm trong tâm tôi, càng khiến tôi thêm tích cực trong việc phò trì Chánh pháp. Tôi cảm thấy nguồn Đạo Pháp Dân Tộc như tuôn tràn trong tâm khảm, từ Đức Phật Thầy Tây An Bửu Sơn Kỳ Hương cho đến Đức Huỳnh Giáo chủ Phật Giáo Hòa Hảo, tạo thành một dòng từ bi bác ái, thể hiện

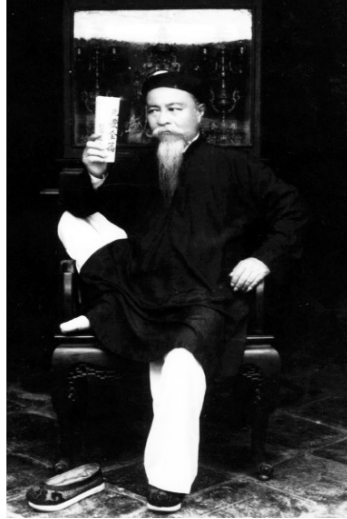
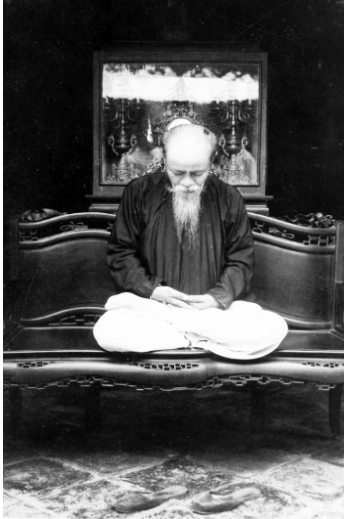
tính hào hùng, cùng với quyết tâm nghĩa khí và lòng can đảm. Nguồn năng lượng mới này là động lực giúp tôi vững tin hơn nữa để tiến bước trên con đường hành đạo.

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

1. ÔNG BÀ CỦA TÁC GIẢ
NGUYỄN HUỲNH MAI TẠI PHỦ THỜ
Ở LÀNG LONG KIẾN, AN GIANG



*Ông bà cố của tác giả trước Phủ thờ có bảng đề “ĐỨC
NHUẬN ĐƯỜNG” (thứ nhì từ phải là ông Nguyễn
Xuân Phong, ông ngoại tác giả)*



Ông Nguyễn Hòa Hồng, ông cố tác giả đang ngồi thiền và đang đọc sách



Ông bà ngoại Nguyễn Xuân Phong và Phan Thị Hạnh cùng với mẹ Nguyễn Hòa An nằm giữa khi còn bé bỏng (hình chụp năm 1925)

2. HÌNH ẢNH KỶ NIỆM CỦA GIA ĐÌNH TẠI LÀNG HÒA HẢO



*Ông bà Nguyễn Long Thành Nam - Nguyễn Hòa An và
tác giả lúc còn bé*



Từ trái: Ông Bà Huỳnh Hữu Thiện (Thơ ký của Đức Thầy, cháu Đức Ông, vợ là Bạch Yến, con bà Sáu Nhạn), Ông Bà Trần Quang Hồng (tài xế 1 của Đức Thầy), Ông Bà Nguyễn Thành Ngọc (Jean, con bà Sáu Nhạn), Ông Bà Nguyễn Long Thành Nam - Nguyễn Hòa An (cha mẹ tác giả), Ông Bà Võ Văn Đắc (tài xế 2 của Đức Thầy). Hình chụp bên hông nhà bà Sáu Nhạn, em bà Năm Cò, ngang Tổ đình, làng Hoà Hảo thuộc tỉnh An Giang



*Bé Mai mặc áo đầm
đứng tại bàn thông thiên
trước nhà gần Tổ đình
Phật giáo Hòa Hảo, bên
cạnh nhà bà Sáu Nhận,
em ruột bà Năm Cò*



*Bé Mai chụp với mẹ
lúc gần Tết*



*Bé đứng cạnh hàng rào
nhà hàng xóm*



Mẹ Hòa An, bé Mai, anh Huỳnh Công Khanh con cô Năm Huỳnh Thị Kim Biên, mang kiếng mát giả trai

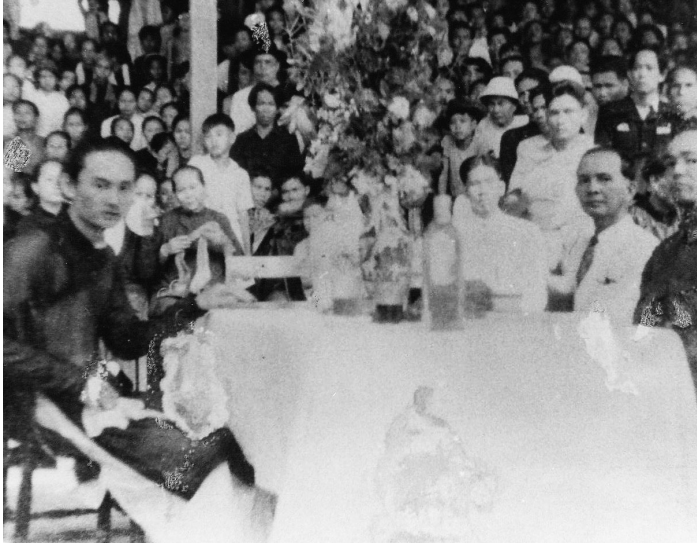
3. HÌNH ẢNH NGÀY ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO PHẬT GIÁO HÒA HẢO TRƯỚC 1975



Quý vị trưởng lão rước Bàn thờ Tổ quốc đến An Hòa Tự trong ngày Đại lễ Khai đạo Phật giáo Hòa Hảo, 18 tháng 5



Đức Ông Huỳnh Công Bộ và Đức Bà Lê Thị Nhậm đi xe lô đi An Hòa Tự chủ tọa ngày Đại lễ Khai đạo Phật giáo Hòa Hảo tại làng Hòa Hảo, tỉnh An Giang trước 1975



Năm 1945, Đức Huỳnh Giáo chủ (trái) đi giảng đạo và khuyến nông tại các tỉnh miền Tây Nam Việt. Ngài kêu gọi:

*Dầu những kẻ vô tình với nước,
Cũng tỉnh hồn mơ ước tự do.
Tiếng vang độc lập reo hò,
Từ Nam chí Bắc nung lò khí thiêng.*



Độc giảng đường Phật giáo Hòa Hảo, nơi phát ra những lời dạy làm lành lánh dữ qua Sám giảng Thi văn Giáo lý của Đức Huỳnh Giáo chủ trước 1975

4. GIA ĐÌNH LƯU VONG TẠI CAO MIÊN



Ba mẹ Nguyễn Long Thành Nam tại công viên xứ Chùa Tháp trước khi trở về Việt Nam, 1964



*Cô bạn Miên Simone và tác giả đang
ngồi trong lòng tượng ông Tà Cùi tại
Đế Thiên Đế Thích, Cao Miên*



*Cô học trò tiểu học trường bà phước
Providence tại Chùa Tháp, Phnôm Pênh,
Cao Miên*

5. TRỞ LẠI VIỆT NAM, ĐI HỌC VÀ LẬP GIA ĐÌNH



*Đám cưới tác giả ngày 1-3-1973 tại đường Lê Ngô Cát,
Sài Gòn, Việt Nam*



*Hình kỷ niệm của gia đình ngày Tết năm 1973 tại
đường Lê Ngô Cát, Sài Gòn, Việt Nam*

6. GIA ĐÌNH ĐỊNH CƯ TẠI TIỂU BANG MINNESOTA, HOA KỲ NĂM 1975



*Với chồng Trần Văn Tài vào mùa đông đầu tiên tại
Minnesota, Hoa Kỳ, 1975*



*Trần Phú Thịnh và em trai Trần Phú Cường ngồi niệm
Phật mỗi tối trước khi đi ngủ. Chụp tại nhà ở Long
Beach, California, Hoa Kỳ, 1980*



Ảnh kỷ niệm ngày Tết cuối cùng năm 2016 của mẹ Hòa An lúc 92 tuổi tại nhà khu Sài Gòn Nhỏ, Westminster, California, Hoa Kỳ

MỤC LỤC

Tựa5

1. NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

Bềnh bồng trên sông nước 14

Miền đất an lành.....21

Cô bé làng Hòa Hảo30

Thánh địa ngày đại lễ.....54

Việt Nam rồi sẽ thanh bình67

Mùa đông nhớ làng Hòa Hảo73

2. THEO DẤU CHÂN MẸ

Mẹ là quê hương82

Đoạn đường mùa đông.....94

Kẻ mới người cũ 111

Làm mẹ trên xứ Mỹ127

Thằng lùn yêu dấu.....152

Mẹ nhớ ông ngoại165

Tìm về gốc Đạo.....189

Địa linh nhân kiệt.....196

Đức Phật Thầy - Bốn thánh tích.....199

Tinh thần của giáo lý Tứ ân vẫn còn mãi.....206

Phụ lục hình ảnh209

Tìm về
KHÔNG GIAN CŨ
Hồi ức – Bút ký

NGUYỄN HUỲNH MAI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY
Biên tập: **TRẦN THỊ ANH**
Sửa bản in: **BÁ KỶ**
Trình bày: **TRẦN KỶ**
Bìa: **TRẦN KỶ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM

ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3

88-90 Ký Con, Q.1, TP.HCM

ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG M01- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM

Đường Nguyễn Văn Bình, Q.1, TP.HCM

ĐT: (028) 3823 8191

Thực hiện liên kết: **BÙI THANH HẢI**

Địa chỉ: 1/8/1 Huỳnh Thiện Lộc, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

In lần thứ nhất, số lượng 500 cuốn, khổ 13 x 19cm

Tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM

XNĐKXB số: 2083-2022/CXBIPH/02-164/THTPHCM

QĐXB số: 438/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 15/7/2022

ISBN: 978-604-377-170-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2022